

Nguyễn Chu Nhạc

Sinh ra từ vẻ đẹp Nhật Bản



Đây là đề từ Diễn văn nhận giải Nobel văn học năm 1968 của nhà văn nổi tiếng Nhật Bản- Y. Kawabata.

Sinh ra từ vẻ đẹp Nhật Bản, tôi muốn kết phần Du ký đất nước Mặt trời mọc-xứ sở Hoa anh đào, bằng đề từ của bậc vĩ nhân. Và bằng cách kể lại vài ba câu chuyện đơn lẻ :

1. Tôi có người chị ruột là tiến sĩ nông nghiệp, và người anh rể, cũng tiến sĩ nông nghiệp, đôi vợ chồng tiến sĩ này hiện cùng công tác tại Bộ NN&PTNT. Họ giỏi tiếng Anh, quan hệ quốc tế rất rộng, đi nước ngoài thường xuyên như phụ nữ đi chợ. Lẽ dĩ nhiên, khách Tây Tầu đến ăn cơm với gia đình họ cũng khá thường xuyên. Trong số khách ngoại quốc ấy, tôi có chú ý đến mấy vị khách người Nhật Bản, đúng ra là ba lão nông Nhật Bản. Vậy thì, lão nông của một đất nước phát triển cỡ hàng đầu thế giới khác chi với lão nông dân Việt Nam (thành thật mà tự nhận, nền nông nghiệp còn lạc hậu) ?

Trước tiên, về xuất xứ của ba lão nông Nhật Bản này. Nguyên người anh rể tôi, cách đây dăm năm, có một khóa học và thực tập quốc tế về quy trình công nghệ nông nghiệp sạch kéo dài tại Hokaido (một đảo lớn ở miền bắc quanh năm giá lạnh Nhật Bản). Anh đã từng đến ở nhiều ngày để tham

khảo công nghệ nông nghiệp sạch tại trang trại của ba lão nông này. Mỗi lão nông là chủ của một trang trại cỡ hàng trăm héc-ta đất đai, canh tác bằng máy móc hiện đại, sử dụng máy bay nhỏ để phun thuốc. Rồi thành quen thân. Chẳng hiểu, qua anh, họ tìm hiểu được gì về Việt Nam, mà sau đó, hầu như năm nào họ cũng rủ nhau đi du lịch Việt Nam. Lạ một điều, năm nào họ cũng tới Việt Nam vào đúng dịp Tết Nguyên đán. Suốt mấy ngày tết ở Việt Nam, tuy nghỉ ở khách sạn, song họ đăng ký ăn ngày hai bữa sáng, tối ở nhà anh chị tôi. Món ăn, không sơn hào hải vị, chỉ yêu cầu thuần món ăn ngày tết của Việt Nam, như bánh chưng, giò các loại, nem, măng, miến, rồi ra là bún ốc, bún dọc mùng v.v... Lịch trình của họ, ngoài hai bữa sáng-tối ở nhà anh chị tôi, họ gọi ta-xi đi chơi bởi thăm thú đâu đó cả ngày, trưa gặp đâu ăn đó, Hà Nội thì phố cổ, Văn Miếu, đền Ngọc Sơn, chùa Trấn Quốc, Trấn Vũ; xa hơn là Hà Tây (chùa Tây Phương, chùa Mía, đền Và, làng cổ Đường Lâm, chùa Hương, chùa Thầy); hoặc Bắc Ninh (chùa Dâu, chùa Bút Tháp, đền Lý Bát Đế, đền Bà Chúa Kho); Nam Định (đền Trần, chùa Cổ Lễ, chợ Viềng)...Hỏi kỹ, họ bảo, nước Nhật giờ ăn tết Tây (Dương Lịch), bỏ tết truyền thống (tương đương tết Âm lịch như Trung Quốc, Việt Nam), nên lớp người cũ như họ thấy thiếu, thấy thèm, nên sang Việt Nam để tìm lại không khí và cảm giác xưa cũ; thêm nữa, tuy giàu có đấy, song họ cảm thấy cô đơn ngay chính trên quê hương và mảnh đất của mình, bởi con cái họ đã phương trưởng và đều rời quê đi lập nghiệp, định cư ở các trung tâm thành phố lớn như Tokyo, Nagoya, Kyodo...Tiền nhiều để làm gì, khi bị con cái bỏ mặc? Thế là họ tụ tập nhau, thành từng nhóm, năm đi du lịch một vài lần đâu đó khắp thế giới tùy thích, để được tiêu những đồng tiền do mình kiếm ra, và quan trọng, là để tìm lại cảm giác được sống !...

2. Thời gian ở Tokyo, đoàn chúng tôi ở trong một tòa nhà khách cao 9

tầng của Trung tâm Y tế quốc tế Nhật Bản. Hằng ngày, đi làm hay đi chơi, chúng tôi đều phải đi bộ chừng hơn nửa cây số để ra ga metro Kawamatsu. Đoạn phố này hơi dốc. Và chỉ một ngày sau, chúng tôi đã tìm được đường đi tắt, đi loanh quanh qua một ngõ nhỏ giữa khu dân cư. Lặng quan sát hai bên xem dân tình cái đất nước giàu có và hiện đại cỡ bậc nhất thế giới này, lại cũng dân mũi tẹt da vàng như dân mình, xem họ sinh sống ra sao? Song chỉ thấy ăng lạng, duy chỉ những sợi dây căng ngang trên hiên mỗi nhà thì cũng đầy rẫy các cặp treo phơi quần áo. Để ý mãi mới thấy một nhà, dưới sân có đôi cụ già, một nam một nữ, cỡ tuổi 80-90, ngồi chung trên một băng ghế tựa dài, mỗi người ở chót một đầu, mặt ngoảnh ra hai phía ngược nhau, và hình như họ đều lẩm bẩm gì đấy. Tôi đoán là cặp vợ chồng già, và không biết họ đang nói chuyện với nhau hay lẩm bẩm tự nói chuyện với chính mình đây? Suốt cả tuần sau đó, sáng chiều ngang qua, đều thấy vậy. Chắc hẳn cặp vợ chồng già này lẩm cẩm, lẫn lẫn cả rồi. Họ hẳn cũng bị con cái bỏ mặc, hằng ngày, đợi trời hửng nắng, ra sân ngồi hong nắng, trò chuyện với nhau và tự trò chuyện với quá khứ của mình ? Tự nhiên rùng mình, rồi tránh lòng nghĩ, mai sau, nhờ trời cho thọ đến cái tuổi ấy, chẳng hiểu rồi mình có như thế không ? E rằng, còn tệ hơn nữa kia ?...

3. Khi đi thăm thú Tokyo, tôi đã ngang qua khu Lầu công chúa, đến tận cổng Hoàng cung Nhật Bản, ngắm nhìn, chụp ảnh. Lúc ấy, chộn rộn nhiều cảm xúc chen lẫn nhau, sau về mới ngẫm nghĩ, xem cái mô hình Nhà nước Quân chủ lập hiến (Chính phủ Hoàng gia) Nhật Bản này nó ra sao ? Trên thế giới hiện nay, ngoài Nhật ra, còn có một số quốc gia theo mô hình này như : Anh, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Hà Lan, Đan Mạch, Thái Lan, Campuchia...Đáng lý ra, còn có cả Trung Quốc nữa, nếu như Triều đình nhà Thanh (cụ thể là Từ Hy Thái Hậu) không bị Viên Thế Khải lừa một cú

ngoạn mục. Lịch sử cận đại Trung Hoa, theo tôi biết, Viên Thế Khải đã cùng một lúc lừa dối cả Hoàng đế Quang Tự và Từ Hy Thái hậu. Họ Viên kia vờ liên kết với vua Quang Tự lật đổ Từ Hy và canh tân đất nước, song đến lúc khởi sự, họ Viên lại mật báo cho Từ Hy để bà này ra tay trước, bắt giam lỏng Quang Tự tại Di Hòa Viên cho đến khi vị hoàng đế này chết. Kể hưởng lợi không ai hết, ngoài họ Viên. Sau này, nhà Thanh đỏ, Viên Thế Khải đục nước béo cò, cướp quyền của những người dân chủ, lên làm tổng thống Trung Hoa dân quốc, và sau đó xưng Vua, cho đến khi bị giết. Thực ra, trước đó, khi Thanh triều còn, với sự dàn xếp của Viên Thế Khải (có sự hậu thuẫn của Anh quốc và liên minh châu Âu), Từ Hy Thái hậu đã thỏa hiệp với Tôn Dật Tiên và chính sách "Tam dân " của ông, đồng ý về quan điểm, nhằm tiến tới hình thành một nhà nước Quân chủ lập hiến (hạt nhân là chính phủ hoàng gia nhà Thanh).

Về sự ưu việt hay không của mô hình quản lý này, tôi không dám lạm bàn, bởi mình hiểu chưa thấu đáo và kiến thức còn nông cạn.

Thực ra, lịch sử Việt nam ta đã cho thấy, ta từng mô hình nhà nước kiểu tương tự từ rất sớm. Đó là bắt đầu từ thời kỳ Lê Trung Hưng, với mô hình song trị, Vua Lê-Chúa Trịnh. Trong mô hình nhà nước này, Vua Lê là chủ nhân đất nước, ra chiếu chỉ, ban hành phép nước, nhưng điều hành là Phủ Chúa (cụ thể là Chúa Trịnh). Với các vị chúa anh minh như Trịnh Tùng, Trịnh Cương, Trịnh Tráng, đất nước ta dưới triều Hậu Lê đã có một thời gian dài thịnh trị. Về việc này, tôi xin phép sẽ bàn riêng trong một bài viết khác. Nêu ra đây, để thấy rằng, trong lịch sử nước nhà, cha ông ta cũng đã sớm sáng tạo ra một mô hình quản lý đất nước khá tiên tiến.

4. Với ba câu chuyện vừa nêu, tôi không có ý định kiến giải gì. Chỉ cảm nhận đôi điều nho nhỏ. Ấy là : Vẻ đẹp nào cũng có khiếm khuyết của

riêng nó (tỷ như : ngọc dù quý đến đâu cũng có vết, tấm huy chương danh giá nào cũng có mặt trái của nó). Thứ nữa, hành trình đến Chân-Thiện-Mỹ thật gian khó làm sao !

Phải vậy không, thưa các bạn yêu quý của tôi ?

Nguồn: Tác giả / VNthuquan - Thư viện Online

Được bạn: Ct. Ly đưa lên

vào ngày: 19 tháng 7 năm 2010

Hiên mưa

Đây là một ngôi nhà cổ theo lối biệt thự Tây nhưng lại có dáng dấp phương Đông. Lúc còn trung học, ngày ngày đi bộ ngang qua, để ý hay thấy một người đàn ông đứng tuổi dáng học giả, khi tập dưỡng sinh, khi tía tóc mấy chậu cây cảnh, hoặc một cô gái khá xinh, khi hồn nhiên tung hạt cho chim câu ăn, khi ngả lưng trên ghế tựa với cuốn sách trên tay mà mắt mơ màng đầu đó.

Lúc là sinh viên đi học đường khác, thỉnh thoảng mới đạp xe ngang qua ngôi nhà ấy, nhưng thường vội vàng, có khi lại chở bạn gái, nên chỉ loáng thoáng thấy ông già đã lòng khòng và cô gái hình như đã là thiếu phụ. Người đang yêu và nhiều ước mơ thì nhìn mọi cái đều thấy bình thường cả, chỉ tình yêu và ước mơ của mình là tuyệt vời nhất.

Khi tuổi cứng cứng, mỗi tình đầu rồi thứ hai thứ ba qua đi mà vẫn hoàn tay trắng, ngoài mấy vết thương lòng biến con người thành xơ vữa. Công việc thì vẫn bận bịu, nhưng công không thành danh chẳng toại. Những lúc buồn, vứt bỏ cả, dạo lang thang. Không định mà bàn chân quen thuở nào lại đưa

đến ngôi nhà cổ. Tường mái thêm cũ kỹ, những dây leo trên tường xơ xác, mấy chậu cây cảnh hình như thiếu bàn tay chăm tĩa trở lòa xòa, đôi ba lần để ý không thấy bóng dáng ông già đâu, chỉ thấy người thiếu phụ đi lại trong sân như bận rộn gì đấy nhưng dáng vẻ lại trầm lặng uể oải, lẳng xẵng bên nàng là một cậu bé con giống nàng như lột, miệng liến láu, và thêm nữa, có một bà hình như là người ở, uể oải hơn cả chủ. Tuyệt không thấy bóng dáng người đàn ông nào khác.

Chuyển vào Nam ở. Không tìm đất hứa, mà chấp nhận đánh đổi sự nhàm chán này bằng nhàm chán khác. Trời thương, run rủi gặp việc gặp người thích hợp. mấy lần ra Bắc, song dễ đến gần chục năm mới có dịp ghé ngang ngôi nhà ấy. Không quên, nhưng cảnh cũ người xưa dần phai nhạt. Hôm đó, mượn chiếc xe máy cà tàng của bạn. Trời đổ mưa, chịu ướt chạy cố đến cổng ngôi nhà mới trú. Núp dưới vòm cổng, thấy cửa sắt một vàng đóng chiếc khoá to tướng, có dấu niêm phong. Giật mình nhìn vào sân, vắng hiu. Tất cả cửa đóng im ỉm. Chỉ vài đôi chim sẻ tha thẩn kiếm ăn. Như có tiếng mèo hoang đâu đó trong vòm mái. Mưa mau, thưa giọt. Gọi chén trà, lân la hỏi chuyện bà hàng nước gần đấy. Biết ông già ốm liệt giường mấy năm rồi mất. Chồng cô chủ nghe đâu du học tiến sĩ và ở hẳn bên ấy, cách đây chừng năm đột ngột trở về, bảo vợ bán nhà sang Tây sinh sống, bàn cãi dùng dằng rồi cũng quyết. Mẹ con dắt nhau đi chào hàng xóm. Xe đón họ ra sân bay mới hơn tuần nay. Lại nghe đâu, chủ mới mua nhà sẽ phá đi, xây khách sạn hơn chục tầng.

Tần ngần nhìn mãi ngôi nhà, phân dùng dằng đi ở, phân trời vẫn mưa. Bà hàng nước chép miệng bảo, trời mưa bong bóng thế kia có mà đến tối không dứt, sao không mua cái áo mưa giấy mà về, rẻ lắm, có hai ngàn rưỡi.

Nghe ra có lý. Định làm theo thì mưa lại nặng hạt. Hiên mưa xối xả. Sân nước dềnh dạt đầy lá vàng. Ừ mà cái mỏng được người ta đã mỏng rồi, thì nơi cao được người ta sẽ cao. Hơi đâu hoài cổ, rồi hơi đi rầu lòng. Quên chào bà hàng nước. Ngoái cổ nhìn ngôi nhà, chỉ thấy hiên mưa nhỏ đều như vắt chanh. Nghe ong ong trong đầu câu thơ thuở nào của Bà Huyện Thanh Quan:

" Dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo...".

Chúa tể của núi tuyết

Người ấy là Yasunari Kawabata, nhà văn hiện đại của xứ sở Mặt trời và hoa anh đào, người đầu tiên của Nhật Bản được trao giải Nobel văn chương vào năm 1968. Nói đến ông, dân hâm mộ văn chương đều biết đây là tác giả của bộ ba tiểu thuyết nổi tiếng làm nên tên tuổi ông trên văn đàn thế giới : Xứ Tuyết- Ngàn cánh hạc- Tiếng rền của núi. Cùng với đó, còn kể đến Cổ đô, Vũ nữ It-zu và Người đẹp say ngủ, và biết bao nhiêu truyện vừa, truyện ngắn xuất sắc nữa ...

Nói đến văn học hiện đại Nhật Bản, Y. Kawabata là chúa tể. Sau ông, người ta nhắc tên Kenzaburo Ôe, người Nhật thứ hai giành Nobel văn chương, và mới đây là Haruki Murakami , người được tiên đoán sẽ giành

Nobel văn chương trong tương lai, song họ khó có thể lật được ngôi chúa tể của Y. Kawabata.

Riêng với tôi, chính Kawabata cùng với những tác phẩm của mình là diện mạo văn chương, và cao hơn là văn hóa Nhật Bản. Shō-gun tướng quân của tác giả James Clavell, một tác phẩm văn học sử, ít nhiều đã đưa đến mọi người hình ảnh một nước Nhật phong kiến xưa cũ, ở đó bản sắc văn hóa của đất nước mặt trời mọc hiện lên khá phong phú. Tuy nhiên, phải chờ đến Kawabata, tinh thần văn hóa Nhật mới được khắc họa đậm nét.

Bấy lâu nay, nói đến Nhật Bản, người ta tóm gọn trong mấy cụm từ như sau : Hoa anh đào- Núi Phú Sĩ- Động đất.- Samurai (Võ sĩ đạo)- Trà đạo- Kịch Noh- Thơ Haiku- Trang phục Kimono- Vật Su-mô- Rượu Sa-kê- Geisha. Theo tôi, nối dài thêm một gạch nữa - Y. Kawabata.

Tại sao lại thế ? Đơn giản, bởi Kawabata khiến cả thế giới biết đến văn chương- văn hóa Nhật Bản, không chỉ thông qua các tác phẩm văn chương , mà qua cả chính cuộc sống và cái chết của mình. Tự thân, ông chỉ là một gạch nối, song ông đã chứa đựng trong cuộc sống mình những tố chất của nền văn hóa Nhật và đồng hóa thành các tác phẩm, mà bạn đọc khắp thế giới đều có thể tìm thấy từ đây những gạch nối kia (hoa anh đào, động đất, núi Phú sĩ, trà đạo, kịch Noh, Geisha...). Câu chuyện về ông, xin bắt đầu từ kết cục là cái chết theo tinh thần Samurai, chỉ không lâu sau khi ông giành Nobel văn chương, vào đầu năm 1972 ...

Mùa thu năm 2005, tôi sang Tokyo. Chỉ nửa ngày, tôi đã biết thế nào là động đất, khi chiếc giường tôi nằm trong căn phòng tầng 7 ngay trung tâm thành phố, rung nhẹ liên mấy đợt, và khi tôi hiểu ra thì động đất đã chấm dứt. Đúng một ngày sau, truyền hình Nhật Bản liên tục đưa tin hình ảnh Thủ tướng Nhật (khi đó là ngài Koizumi) đi viếng ngôi đền Yosukoni, cùng những phản ứng của những quốc gia láng giềng. Sở dĩ người ta phản đối là

vì trong ngôi đền ấy, không chỉ thờ các vị anh hùng, liệt sĩ từ nhiều đời đã hy sinh, tận tụy vì sự tồn vong và phát triển của đất nước Mặt trời mọc, mà còn có cả mấy chục vị tướng cùng vị thủ tướng Nhật bị quy là tội phạm chiến tranh khi đã cùng quân đội của mình xâm chiếm và tàn sát nhân loại ở khu vực Đông Á và Đông Nam Á trong cuộc chiến tranh thế giới lần thứ 2. Tôi đã tự hỏi và đến nay chưa có lời giải đáp, rằng liệu ở đó, có tên của Y.Kawabata không ? Hoặc giả ở nước Nhật, có nơi nào thờ các bậc danh nhân tư tưởng văn hóa để lưu tên tuổi của những vị như ông không, kiểu như điện Panthéon ở Paris (Pháp) quản các danh hào ?

Trở lại với mùa thu Tokyo năm 2005. Tôi đã được chiêm ngưỡng những cây phong dần ngả vàng, những hàng tơ liễu buông thướt tha dọc hè phố, và tôi nhớ đến Kawabata. Tôi đã đến thăm đền thờ Minh Trị Thiên hoàng xem đám rước tế, chơi ngắm triển lãm cúc hoa-một biểu hiện nhỏ của bon-sai Nhật, rồi lần giở từng chiếc thẻ cầu may của đám học trò trước mùa thi treo đầy dầy ở đó, và sờ tay lên các vết xước lõm do những đồng chinh của người dân ném cầu phúc lộc thọ năm mới trên những cánh cửa gỗ cửa đền, tôi nhớ đến Kawabata. Tôi đã thần thơ dạo gót trong công viên hành chính Hibiya, lặng quan sát những họa sĩ cắm cúi trên giá vẽ và những người già ngả lưng mơ ngủ trên ghế đá, rồi quá bộ đi dạo ngang qua Lầu công chúa, qua rừng thông đến tận cổng Hoàng cung để chiêm ngưỡng vẻ cổ kính thâm nghiêm của công thành với cặp lính gác đứng im như tượng, tôi nhớ đến Kawabata. Tôi đã bỏ thời gian chui rúc hòa vào dòng người nhưng nhúc tuôn chảy theo 13 tuyến metro chằng chịt ngang dọc trong lòng đất sâu, rồi cũng bỏ thời gian theo dõi bầy chim quạ chao liệng lúc chí chèo lúc náo nê trên những ngọn cây cao, tôi nhớ đến Kawabata. Tôi đã dán mắt vào màn hình ti vi xem trọn màn kịch Noh dài lê thê mấy giờ đồng hồ buổi đêm, cũng như lang thang cùng đồng nghiệp ken vai chen chúc nơi dốc phố có cửa

hàng đồ lưu niệm Một trăm yên, nơi cách đây vài trăm thước là quảng trường tụ hội của các cặp đồng tính trong trang phục kỳ quái đua nhau phô diễn, tôi nhớ đến Kawabata. Tôi đã được lên sân thượng của tòa nhà thị chính thành phố cao 45 tầng, để từ đó chụp ảnh và thoải mái phóng tầm mắt bao quát bốn phương tám hướng cái thủ đô hiện đại cỡ bậc nhất thế giới với chiều dài trải gần trăm cây số và chứa mười mấy triệu dân này, tôi nhớ đến Kawabata... Cho đến khi chiếc Boeing của Vietnam Airlines từ sân bay quốc tế Narita cất mình bay bổng lên bầu trời rồi liệng nửa vòng trên vịnh Tokyo, nghiêng cánh chào rồi bay theo hướng tây nam, đưa du khách trở về với món mì lạnh kiểu Nhật trong bữa ăn trên máy bay, tôi nhớ về Kawabata. Tại sao lại thế, khi ông nhà văn này cứ như hình với bóng bám theo tôi từng bước chân, ám ảnh tôi trong mọi suy nghĩ ? Đơn giản là với tôi, Kawabata chính là vẻ đẹp Nhật, là tinh thần Nhật, là văn hóa Nhật, là sự hiển hiện của cả nước Nhật. Vâng, chỉ là một thôi mà cũng là tất cả !

Tôi nhớ, trong buổi làm việc báo cáo kết quả chuyến đi và cũng là buổi làm việc chia tay với Ban lãnh đạo của Trung tâm y tế quốc tế Nhật Bản, trong ý kiến của mình, tôi dành phần nhiều để nói về đất nước và con người Nhật Bản thông qua những biểu hiện về văn hóa. Tôi nhắc đến tác phẩm Vô ảnh đăng của nhà văn Wantanabe viết về giới y học Nhật Bản, chỉ là mượn cớ để bắc cầu sang Kawabata. Tôi đã thao thao không rõ bao lâu về văn hóa Nhật được thể hiện trong các tác phẩm nổi tiếng của nhà văn này làm cô phiên dịch tài giỏi cũng hết sức khó khăn trong việc tìm từ chuyển ngữ sang tiếng Anh, đến mức làm các vị tiến sĩ y khoa bạn phải ngạc nhiên không hiểu sao cái ông nhà báo Việt này lại biết lắm thứ về văn hóa Nhật đến vậy. Có lẽ, khi ấy, sự dồn tụ về Kawabata chứa chất trong tôi bao lâu không được giải tỏa, nên đến khi gặp dịp tôi đã tuôn ra trong sự kích động khó kìm nén, khiến mình có gì đó bất nhã bởi đáng lý phải nói về chuyện y

học bệnh tật thì lại đi khen một ông nhà văn. Tôi còn nhớ, trong những phút giây như nhập đồng đó, tôi vẫn còn đủ tỉnh táo, lo phía bạn khó chịu vì sự lạc đề của mình, nên đã viện dẫn rằng, chính người cha thân sinh của Kawabata cũng là một bác sĩ. Sau này tôi rầm riu, chắc là các vị trong giới y học Nhật Bản cũng không nỡ chê trách khi phải nghe một ông khách nói như phát cuồng về tinh thần, về vẻ đẹp, về văn hóa nước họ, cùng những lời khen ngợi dành cho một nhà văn của họ, người đầu tiên đã mang về cho đất nước họ niềm vinh hạnh, Nobel văn chương.

Chắc chắn là các vị tiến sĩ y khoa Nhật hôm ấy không tài nào biết được tôi đã từng đọc ngẫu nhiên, rồi nghiền ngẫm bộ ba kiệt tác của Kawabata là Xứ tuyết, Ngàn cánh hạc, Tiếng rền của núi, cùng truyện Vũ nữ It-zu, Người đẹp say ngủ, đó là những tác phẩm của ông sớm nhất được dịch ra tiếng Việt, và đạo ấy do đời sống xã hội khó khăn nên hầu hết ấn phẩm in bằng loại giấy xấu màu xám đen, xù xì và nét chữ không mấy rõ. Họ cũng không thể biết được là, đúng vào lúc tôi có dịp dạo chơi trên đất nước quê hương của Kawabata để nhìn ngắm mà chiêm nghiệm về những gì nhà văn này đã viết từ nửa đầu thế kỷ trước, và thao thao nói về Kawabata, thì ở Việt Nam, Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây đang chuẩn bị cho ra đời Tuyển tập tác phẩm Y. Kawabata, dày hơn nghìn trang in trên giấy loại tốt trong kế hoạch Tủ sách Nobel văn học.

Sau nữa, khi có điều kiện đọc thêm nhiều tác phẩm khác của Kawabata, nhất là Diễn từ Nobel của ông, kể cả bài giới thiệu giải Nobel văn chương năm 1968 của Tiến sĩ Anders-Sterling thuộc Viện hàn lâm Thụy Điển, tôi thấy những cảm nhận của mình về con người và giá trị văn chương của ông không mấy khác xa. Kawabata được trao Nobel văn chương bởi những lý do, như : " Người ta đặc biệt ca ngợi Kawabata như một người thấu hiểu một cách tinh tế tâm lý phụ nữ ." ; " Tác phẩm của Kawabata làm ta

nhớ tới hội họa Nhật Bản; ông là kẻ tôn thờ cái đẹp mong manh và ngôn ngữ hình ảnh u buồn của hiện hữu trong cuộc sống của thiên nhiên và thân phận con người ", và " Kawabata , với tư cách nhà văn, đã phú cho một nhận thức văn hóa đầy tính đạo đức-thẩm mỹ một phẩm chất nghệ thuật độc sáng, vì vậy, bằng cách riêng của mình đóng góp vào việc bắc một nhịp cầu tinh thần giữa phương Đông với phương Tây ".

Ngay chính Kawabata, Diễn từ Nobel của mình đọc tại buổi lễ trao giải cuối năm 1968, ông đã lấy tên " Sinh ra từ vẻ đẹp Nhật Bản ", như thế đủ rõ ông tự ý thức về giá trị văn chương của mình thế nào! Tôi đặc biệt thích, ông đã mở đầu diễn từ đó bằng việc viện dẫn bài thơ thiền của vị thiền sư người Nhật Bản là Dogen ở thế kỷ 13, bài thơ có tên là Bản lai diện mục : " Hoa thắm mùa xuân/ Cu gù tiết hạ/ Trăng thu óng ả/ Tuyết đông/ Giá lạnh, tinh khôi ".

Tôi không dám sa đà vào diễn từ của Kawabata, đơn giản bởi tôi sợ mình sẽ không còn đủ sự khôn ngoan tinh táo để thoát khỏi mê cung cái đẹp mà ông giảng mắc. Còn bởi từ lâu nay, sau khi đọc những kiệt tác văn chương của ông, tôi bị đắm chìm vào đấy và thường hay mộng mị giữa ban ngày. Những người đàn bà đẹp với đủ thân phận, những xúc cảm tình dục mãnh liệt mà mong manh dễ vỡ, những phong cảnh thiên nhiên đẹp một cách u buồn , những sinh hoạt tôn giáo huyền bí, những phong cách quý tộc vừa trang nhã vừa suy đồi, những phong tục dân gian khác lạ, những bóng hình của nhân vật-tác giả lớn vờn đâu đây... Tất, tất cả vây hãm, luôn lách trong ta, ám ảnh ta !...

Trong chục ngày ở Nhật Bản, tôi không có thời gian và điều kiện đi đâu xa ngoài thủ đô Tokyo và vùng phụ cận, song do đọc các tác phẩm của Kawabata, nên tôi thấy như mình đã được đi đây đó khắp nước Nhật rồi. Kể từ ngày Kawabata về cõi xưa, nước Nhật đã trải qua hơn ba chục năm, giàu

có-đông đúc-hiện đại hơn lên nhiều lắm. Khi thông thả một mình dưới bóng liễu lúc chiều tối, hay khi ngửa mặt ngắm tán phong vàng ở bên xe buýt lúc đợi xe, tôi tự hỏi không biết Kawabata đã từng đi đứng ở chỗ này chưa? Rồi lúc hòa mình vào dòng người trên phố, nơi ga metro, chốn siêu thị đông đúc, tôi thường nhìn thẳng vào gương mặt người đối diện, bất kể đó là đàn ông hay đàn bà, già hay trẻ để xem có chút gì của Kawabata ẩn giấu ? Bởi người ta bảo ông là gương mặt của vẻ đẹp, tinh thần và trí tuệ Nhật Bản. Lốp trẻ Nhật ngày nay ham học, ham làm ăn lập nghiệp và cũng chơi tới bến. Tôi tin rất nhiều trong số họ không biết Kawabata là ai. Cũng có rất nhiều người trong số họ biết đến Kawabata và từng đọc tác phẩm của ông, song với họ ông không là tất cả. Không nói đến nhiều giá trị Nhật Bản khác trên trường quốc tế, ngay trong lĩnh vực văn chương thôi, thì Kawabata đã quá xa xôi, gần hơn là Ôe, mà Ôe thì cũng xa rồi, bởi một bây giờ là đọc Murakami, là Banana Yoshimoto, là những gì gì sau nữa...

Gần đây, tôi có dịp tiếp xúc, trò chuyện với một bạn gái trẻ Nhật Bản, cô Sachiko Asa, đạo diễn chương trình phát thanh Tiếng Việt thuộc Ban Phát thanh & truyền hình Đối ngoại Đài NHK Nhật Bản. Cô có đợt tìm hiểu và học việc tại cơ quan tôi, Đài Tiếng nói Việt Nam. Cô cất nghĩa cho tôi hiểu cái tên Sachiko, âm Hán Việt là Tảo Tri Tử, tức là đứa trẻ thông minh sớm. Là một nữ nhà báo, tuổi chưa đến 30, Sachiko khá thông minh và hiểu biết. Vì không vướng rào cản ngôn ngữ, tôi giúp cô hiểu biết thêm nhiều về văn hóa phong tục Việt, và ngược lại, cô cũng giúp tôi hiểu thêm văn hóa Nhật. Tôi hỏi cô về Kawabata, cô sáng mắt à lên vui thích. Tuy nhiên, cô cũng không mấy hiểu về Kawabata, ngoài việc biết đó là một nhà văn nổi tiếng đã đem về Nobel văn chương cho tổ quốc song đã mất từ lâu rồi. Tôi nghe mà chạnh buồn. Ôi tinh thần và vẻ đẹp Nhật đâu rồi, khi con người hiện tại đã dần phai về Kawabata ?

Tôi lại nhớ về hình ảnh của cặp vợ chồng già ngồi tựa lưng vào nhau mặt ngoảnh đi hai phía trước sân vườn ngôi nhà bên đường ngày ngày tôi ra ga Wakamatsu, những người già ngả lưng trên ghế đá công viên Hibiya và người già dạo chơi rồi ngủ lả lóc dưới thảm cỏ vườn thông bên Lầu công chúa, hẳn trong ký ức họ có Kawabata ? Thế còn cánh nam thanh nữ tú kia, những người hằng ngày tranh thủ lúc ngồi trên metro vun vút trong lòng đất sâu Tokyo hoặc nhoay nhoáy chơi điện tử hoặc cắm phôn nghe nhạc từ điện thoại di động, hoặc ngủ gật vì quá mệt mỏi, họ có gì về Kawabata không ?

Người ta bảo Kawabata tự sát vì bế tắc. Vậy xã hội Nhật Bản đầu những năm bảy mươi của thế kỷ trước có biến động gì lớn khiến ông bế tắc? Hay tự nội tâm ông ? Chỉ 3 năm sau giạt Nobel văn chương, một đỉnh cao chói lọi mà hàng ngàn hàng vạn nhà thơ nhà văn trên khắp trái đất này nằm mơ cùng không thấy, thì điều gì khiến ông chọn kết cục như vậy ?

Chẳng vì lẽ gì cả. Thực ra, câu kết của Diễn từ Nobel năm 1968, Kawabata đã bộc lộ : " Những câu thơ Bản lai diện mục ca ngợi vẻ đẹp bốn mùa của Dogen chính là Thiền ".

Thế là đã rõ. Tự chấm dứt sự tồn tại về thể xác, với Y. Kawabata, chỉ là một cách Thiền !... ./.

Nhật thực cho một người



Xóm Ven Sông

Tranh sơn dầu Duy Bảo Việt

Lão Khái nằm bệt giường cả hơn năm nay rồi. Cơ thể teo tóp đi chỉ còn xương với da, song tinh thần thì còn sáng suốt lắm. Sự sáng suốt thể hiện ở đôi mắt vẫn ánh lên vẻ tinh nhanh, quyết đoán mỗi khi có ai đến thăm hỏi, hoặc khi nghe mấy đứa cháu nội kể cho những sự kiện lớn xảy ra trong làng xã, mặc dù đôi mắt ấy tụt sâu xuống hai hốc mắt và được che khuất bởi hàng lông mày rậm rịt.

Từ ngày thôi làm chủ tịch xã, nghỉ ở nhà, lão Khái hầu như không nói nữa. Thi thoảng trong nhà ai hỏi gì, hoặc lúc cần thiết lắm lão mới mở miệng. Thời còn đương nhiệm, lão không ít nói như thế, ngược lại, còn hay nói cười. Việc nhỏ cũng cười, việc nghiêm trọng ngở long trời lở đất, cũng cười. Người ta cho rằng, người hay cười là tính dễ dãi hay xởi lởi. Dễ tính hay không thì còn phải bàn, nhưng với lão, cái cười hóa giải bao nhiêu là việc. Đứng đầu một xã lớn mấy nghìn dân, hằng ngày, việc lớn việc nhỏ đều dồn đến ông chủ tịch. Quả là mọi việc, không đến lão thì thôi, chứ đến tay lão, lão cười cười và sau đấy là yên tâm, ổn thỏa. Kẻ được thì hớn hở, người không được thì dù có ầm ục mấy cũng không nói vào đâu được. Dân chúng trong xã thì thảo sau lưng lão: “Cha ấy, cứ cười thế thôi, chứ bên trong ghê lắm. Khôn có lỗi. Đúng là ngậm miệng ăn tiền”.

Lão không nói gì, bảo là ngậm miệng còn đúng, chứ đằng này suốt ngày đêm, miệng nói chân đi, điều hành hàng núi việc. Tự thân lão biết...

Nghỉ việc một thời gian là lão Khái sinh ốm. Hàng xã, ai cũng thắc mắc: “Quái... ông ấy khỏe là thế. Bệnh tật gì mà ốm cơ chứ?”. Không những ốm, lão còn suýt từ giã cõi đời...

Nằm bệt một thời gian, lão thấy người cứ nhược đi. Một hôm, buổi sáng, cô con dâu trưởng bung đến giường lão bát cháo, lão lắc đầu. Lão cảm thấy nuốt không trôi. Chẳng bì cho trước đó ít ngày, ai đến thăm cho quà gì lão cũng giữ bên người. Đứa cháu nào mon men đến gần mong rằng ông cho một miếng, lão cảnh giác mắng: “Quà người ta biếu tao chứ cho chúng mày à”. Cô con dâu thấy vậy bảo chồng: “Già đốc chúng. Xem chừng người tham ăn như vậy...là ông sắp gần đất xa trời rồi”. Anh con trai trưởng, mới nhậm chức chủ tịch xã trả lời: “Còn lâu... Năm ngoái ông chẳng mọc thêm cái răng khôn đấy à”. May mà những lời ấy, vợ chồng chúng giấu lão, chứ lão mà nghe thấy thì dù có ngậm miệng như cóc, lão cũng phải tể cho một

trận nên thân.

Người lớn đi vắng. Mấy đứa cháu nội, đứa đi học, đứa bỏ chơi, để mình lão nằm nhà. Bát cháo để bên cạnh nguội tanh từ bao giờ và ruồi bu đen. Lão Khái im lìm dưới tấm chăn chiên mỏng đắp ngang bụng...

Lão Khái lò dò từng bước. Nhờ cây gậy chống mà lão tránh khỏi mấy lần vấp ngã, khi thì hòn đá, lúc cái rễ cây. Lão đi theo một con đường mòn nhỏ đầy dấu chân người. Con đường như tạo bởi một chất hồ sền sệt. Lão nhìn xuống mặt đường chỉ chút dấu chân. Dấu cũ, dấu mới, dấu nọ chồng lên dấu kia, nhưng mắt lão còn tinh, lão nhìn thấy rõ hết. Kia là dấu chân một bà lão già yếu và chắc phải cao tuổi lắm, bởi bàn chân không, bé nhỏ nhưng ngón cái lại choãi ra kiểu chân Giao chỉ; còn kia là chân của một gã thổ mộc, hoặc bốc vác, bởi nó to bè như bàn cuốc và có vẻ vững chãi lắm; đây là chân của quan chức, hoặc thương gia và chắc hay phải đi nước ngoài, bởi dấu giày giống của một ông cán bộ từng đưa đoàn chuyên gia nước ngoài về xã hội lão đương nhiệm; và kia nữa, đôi dấu chân thiếu nữ uyển chuyển thể hiện ở dấu cái gọi là nửa guốc nửa giày – mô – đen thời đại... Nhiều lắm, lão tự nhủ, mình người nhà quê mà cũng biết lắm thứ ra phết, thôi một người chẳng thêm phỏng đoán nữa. Con đường dẫn đến một cây cầu, thêm cầu nữa, rồi lại cầu nữa... Và lão Khái sa vào một cái hốc đen mờ. Lão cảm thấy quay cuồng và người lão như bị cuốn đi bởi một dòng chảy. Lão chẳng còn biết định hướng ra sao nữa. Lão lơ mờ nghĩ, thôi rồi, có lẽ ta sa vào một cái bẫy nào, chắc là chết... Nhưng rồi lão định thần được và thấy mình đang ngồi trên một bãi rộng. Lão nhìn quanh, toàn là những bụi cây lúp xúp, thân cành không lá mà toàn những chùm gai góm ghiếc. Lão nhắm đoán, chắc đây là sa mạc châu Phi. Chợt tai lãi nghe đâu đây tiếng nước chảy thật. Lão đứng dậy và cúi người xuống suýt ngã vì lão không biết rằng cây gậy chống đã bị vắng mất từ bao giờ. Lão tập tễnh tiến từng bước một về phía có

nước chảy. Và trước mắt lão hiện ra một dòng sông nước đen ngòm mà mặt sông thì mù mịt như là khói. Lão đứng tần ngần trên bờ, ước tính, để con sông này phải rộng gấp ba con sông làng mình, mà sao nước lại không đỏ phù sa nhỉ, cũng chẳng có bèo Nhật Bản và rau muống nước, chắc ở đây người ta không nuôi lợn. Rồi lão nghe có tiếng mái chèo khua nước, bèn khum tay che mắt gập cả người để nhìn. A có một ông lão, có vẻ già hơn mình, đang chèo một chiếc thuyền con ở giữa dòng. Lão vội bắc loa tay gọi: “Đò ơi! Ông lão ơi, cho tôi sang với!...” Ông ta không trả lời và cứ khoan thai chèo vào gần bờ. Lão vừa chờ đợi vừa nghĩ, các cụ bảo: “qua sông phải lụy đò”, cấm sai chút nào. Giá ở nhà, mình có cái thuyền nan buộc gốc với bờ sông, khi cần, chèo loáng một cái là xong.

Ông lão cặp mũi thuyền vào bờ, hỏi: “Đi đâu?”. Lão Khái nhìn ông lái đò, quái sao mặt lão ta lại dài thế nhỉ, giống hết cái diệp cày 51, trông kỹ thì không già lắm, có lẽ chỉ tại cái chòm râu, và lão lắp bắp: “Cho tôi sang bờ bên kia... tôi đi...”. Gắt: “Biết rồi, nhưng mà có biết bờ bên kia là đâu không mà đòi sang?”. Lão Khái cáu: “Tôi cần sang thì ông cho tôi sang, sao ông cứ cản vạ mãi. Nói cho nhà ông biết...tôi đã từng là chủ tịch xã, và không bao giờ tôi hời hách dịch như thế với người dân đâu nhé. Ông là cái...”, lão định văng tục, nhưng kịp kìm lại, bởi lão sợ ông ta không cho qua đò thì khôn. Ông lái đò nhìn lão lạnh lẽo: “Thôi được! Xuống đi và đừng hời tiếc nhé!”. Lão Khái lập cập xuống, ngồi bệt vào lòng đò, con đò tròn trĩnh khiến lão phải bám chặt vào hai mạn. Lão thấy lạnh, lạnh thấu xương và lão tự trách, mình vội đi quên khuấy không khoác theo áo trấn thủ, hoặc tốt nhất là khoác chiếc chăn chiên, tha hồ ấm, như trước đây mình hay mò đêm bắt rươi lậu. Lão so người. Con đò quay mũi sang ngang. mấy lần lão định bắt chuyện với ông lái đò nhưng bắt gặp ánh mắt lạnh băng của ông ta, lão lại thôi. Ngồi im trong lòng đò và bây giờ lão mới để ý sang bờ bên kia. Lão thấy bóng

người đi lại có vẻ nhộn nhịp lắm; lại thấy có chỗ tối đen, có chỗ hồng lên như bếp lò rền của lão Béo ở quê; và kia, có những vết sáng ngũ sắc, chắc hẳn là cầu vồng, nhưng cầu vồng phải bảy sắc cơ mà; lại nữa, tai lão nghe rõ tiếng đào đất, xe cút-kít, tiếng choòng búa, rồi tiếng người hò hét, quát tháo và cả tiếng rên rỉ đau đớn... Lão đánh bạo hỏi: “Này ông lão ơi...ở bên ấy có gì thế?”. “Sao lại hỏi ta” – ông lái đò trừng mắt – “Ta không biết. Mà này, đừng có đánh trống lảng. Tiền đâu đưa đây”. Lão ngạc nhiên: “Tiền nào?”. “Tiền đò chứ còn tiền nào. Thế người chưa đi đò bao giờ à?”. Lão cãi: “Đi nhiều chứ”. Lại gắt: “Thế nhưng nhànười không bao giờ trả tiền đò à?”. Đến đây thì lão ó người, quả là lão chưa hề mất tiền đò bao giờ. Xã lão có con sông, một tuyến đường liên xã ngang qua, thế là để tận thu, lão lập ra một tổ đò ngang, mọi người qua đều phải mua vé, tiền thu vào ngân sách xã, riêng lão, là chủ tịch nên mỗi lần qua, mấy cậu lái đò đều xun xoe bê xe đạp cho lão và vài lần đầu, giữ thế diện lão móc túi trả tiền, chúng cười hề hề “Đáng bao nhiêu... Anh lo việc cho cả xã”. Lão đâm mình vào hồi niệm thì giật mình bởi tiếng quát: “Tiền đâu. Nhanh lên chứ!”. Theo phản xạ, lão Khái đưa tay lục túi, nhưng lần sờ mãi chẳng có xu nào. Lão toát mồ hôi, lắp bắp xin: “Ông ơi, tôi quên tiền ở nhà rồi. Cho tôi qua đi, lần sau tôi trả gấp đôi”. Ông lái đò tức: “Lẳng nhằng. Làm gì có lần sau mà trả gấp đôi. Ai qua đây cũng chỉ một lần thôi. Không tiền thì quay lại. Mất thì giờ!”. Và sau đó mặc cho lão năn nỉ, ông lái đò không thềm trả lời, quay đò lại, chèo loáng một cái đã vào bờ: “Lên đi. Lần sau có quay lại đây thì nhờ mang theo tiền!”. Vừa nói, ông ta vừa túm lấy cổ áo lão Khái lẳng lên bờ. Lão ngã rúi rúi, lúc bò được dậy, ngoảnh lại, đã mất hút cả người và đò. Lão Khái tức điên người, lẩm bẩm rửa: “Người đâu mà thô tục. Đúng là quỷ?”..... Lão nguôi giận, đứng dậy, bần thần: “Đây là đâu nhỉ? Mình đi đâu bây giờ?”. Chợt lão nhớ là hôm nay, người lớn đi vắng cả, có mỗi thằng cháu nội bé

nhất ở nhà với lão. Lão mãi đi chơi thế này, ngộ nhỡ ở nhà nó tha thần ra bờ sông, sẩy chân thì khốn. Lão Khái hốt hoảng: “Chết thật! Phải về nhà ngay!...”

Lão he hé mắt, trong mắt nặng trĩu. Lão cảm thấy nhà sáng choang. Tai ong ong, rồi lão nghe thấy nhiều tiếng người nói, cười. Giọng một ai đó hỏi: “Thế ông cụ đã tỉnh hẳn chưa?”. Con trai đầu lão trả lời: “Cảm ơn ông, ông cụ nhà tôi chưa tỉnh hẳn nhưng hơi thở khá đều rồi. Gớm tưởng ông cụ đi, nhà đã chuẩn bị hết rồi, quan tài, khăn xô, gạo lợn. Mà lợn đã mổ rồi”. Một giọng khác: “Săn lợn đã mổ, ta ăn mừng ông cụ hồi lại. Sau đận này, có dễ ông cụ phải thọ tới trăm tuổi”. Con dâu lão tíu tít đáp lễ một đoàn khách, vừa kể lể: “Em đang làm đồng, thấy thằng cháu chạy ra gọi, bảo con đi học về, nhà chẳng thấy ai, lay hỏi ông thì ông đã cứng đờ rồi. Em vội về, cho cháu gọi nhà em ở Ủy ban. Chao ơi, lúc cậy miệng ông cụ ra để cho đồng trình tiền đồ vào mà không sao được. Hai hàm răng cụ cứ nghiền chặt vào nhau. Nhà em bảo không cho cũng được, chỉ vẽ chuyện, nhưng mà em nghĩ phép các cụ từ xưa thế thì cũng phải làm. Lúc liệm ông cụ lại thấy người ông cụ mềm và ấm. Nhà em bảo, hay là cụ hồi lại. Em sợ quá, nghĩ là quỷ nhập tràng, bởi em quên không nhốt con mèo của nhà lại. Thành ra cụ hồi lại thật”. Ai đó oang oang: “Thế là phúc đức lắm”. Lát sau lão Khái nghe thấy tiếng cô con dâu đi ngang qua giường lão nằm, lẩm bẩm “Phúc đức chẳng thấy đâu, mất toi tạ lợn”. Đã mở mắt ra rồi, nghe được vậy, lão Khái nhắm nghiền lại. Lão nghĩ, thì ra là mình đã chết rồi lại hồi. Thôi đúng con đường sên sệt đầy dấu chân người ấy là đường xuống cõi âm, còn con sông, bến đò và người lái đò là cửa vào âm phủ. Vì lão không có tiền trả cho người lái đò nên lão ta phải quay lại dương gian. Ngẫm nghĩ, lão thấy tiếc, giá như lão cố nằn nì hoặc lừa cha lái đò thì lão đâu phải quay lại. Giờ có sống, con cháu nó nghĩ vậy thì sống mà làm gì, “đa thọ đa nhục”. Lão khẽ nghiêng đầu, quay

mặt trở về phía trong, và từ đôi tròng mắt tưởng đã hết thần sắc của lão ứa ra hai giọt nước. Không một ai biết điều đó, bởi mọi người lại xôn xao bàn tán chuyện sắp tới có Nhật thực. Đầu lão Khái chợt lóe lên một ý nghĩ và lão nói trong suy nghĩ: “Được rồi ta sẽ có cách”....

Mặt trắng hắt bóng đen của mình xuống trái đất, nhưng thời gian mặt trăng che ánh sáng mặt trời chỉ là chốc lát, còn với lão Khái, cái bóng của lão đã trùm bao cả xã Đông Tân hàng mấy chục năm.

Lão Khái tham gia du kích xã từ khi còn rất trẻ. Trong một trận trống càn, lão bị đạn vào cánh tay, sau đấy, vết thương lành nhưng cánh tay đó bị tật khoèo. Hòa bình lập lại, Khái tham gia công tác ở làng, rồi lên xã. Vốn trẻ trung, tháo vát và tính mềm mỏng, qua mấy khóa bầu, Khái trúng vào hội đồng nhân dân xã. Thoạt đầu làm thường trực Ủy ban nhân dân xã, sau lên phó chủ tịch, rồi chủ tịch. Khái đông con, ba trai, hai gái, vợ Khái quanh năm suốt tháng hết chữa đẽ, lại ốm đau không mấy khi ra đồng. Là chủ tịch xã, Khái biết tường tận cái kiểu làm ăn xã viên nghe keng, tập trung ra đồng làm quấy quá cho hết ngày để lấy công điểm đó chẳng mang lại hiệu quả gì, song vợ mình không làm thì lại mang tiếng. Khái nghĩ cách, mỗi thôn lập ra một nhà trẻ, đưa vợ mình ra trông trẻ của làng, nhưng mọi nhà quen cái nếp bà giữ cháu, chị giữ em ở nhà nên cả mấy gian đình được Khái biến thành nhà trẻ, lơ thơ mấy đứa bé nheo nhóc, chủ yếu là lũ con Khái. Thế nhưng, vợ Khái lại được chia rất nhiều công điểm. Nhà toàn ăn công gián tiếp nhưng vụ nào thóc cũng đầy cót, đầy bịch.

Dân trong xã nói chung là thuần, duy chỉ có làng Đoan là bướng bỉnh. Làng Đoan đông dân, đường ngõ quanh có, lát gạch nghiêng tím xịm. Làng này nổi tiếng có của ăn của để từ xưa bởi cả làng đều có nghề nấu rượu. Rượu Đoan ngon nổi tiếng khắp vùng. Thứ rượu trong suốt, cảm tằm, nặng nhưng không sốc của làng Đoan được đựng trong những chiếc bong bóng

trâu thuộc to tướng luân chuyển đi các nơi. Thời Tây, cả xã khổ lây với làng Đoan bởi những cuộc khám xét trong “chiến tranh rượu” của Pháp ở thuộc địa. Ở vào thời ấy, chính Khái đã giấu rượu lậu hộ bà con họ hàng người làng Đoan, nên bây giờ, Khái hiểu đủ thủ đoạn, mưu mẹo lậu rượu của làng Đoan. Khái lờ đi cho thì được, chứ khi nào Khái tổ chức khám bắt thì đổ có nhà nào qua mặt được. Có điều khó nhất cho Khái là phải đối mặt với bà con, họ hàng. Là chủ tịch xã, đáng ra Khái không phải tham gia trực tiếp vào các việc như thế, song vắng mặt Khái, anh em dân quân không dám làm, bởi họ sợ bà con la lối, thế là Khái đành phải chường mặt ra. Ai nói gì, Khái cũng cười cười bảo: “Rượu Đoan ngon thế, đến như tôi ngửi thấy mùi cũng ứa nước miếng, hưởng hò... Giỗ Tết có rượu Đoan mà uống thì thú biết bao. Rượu nơi khác chán chết, nhất là cái thứ rượu mùi. Nhưng mà, nấu rượu là vi phạm chính sách lương thực của Nhà nước. Ngoài tiền tuyên, con em mình đang cần có gạo ăn kia kìa. Thiếu gạo họ phải ăn rau tàu bay với chuối rừng thay cơm, thế mà bà con mình lại cứ rượu tì tì như vậy thì còn ra thế thống làm sao!... Một chén rượu bằng ba bát cơm đấy...”. Nghe ra có lý thật. Có lần Khái chạm trán với ông chú vợ. Ỡ vai trên lại cao tuổi, ông chú vợ làm già: “Thế tao muốn có vài ba lít để ngâm thuốc không được à?”. Khái lại cười: “Được chứ ạ! Chú có trong nhà đến dăm chục lít, đủ ngâm thuốc uống đến ngoài trăm tuổi ấy chứ!”. Ông ta tức quá gầm lên: “Đâu, đâu!... Mà điều toa như mây mù đàn bà ấy”. Rồi ông ta nhỏ toẹt vào mặt Khái. Khái giận tím người nhưng vẫn trấn tĩnh được, cười nhạt: “Ông làm ơn cho con mượn cái khăn, con quên không mang theo khăn... Con sợ, ngộ nhớ ra ngoài đường người ta thấy lại bảo ông không biết dạy con cháu. Là con lo xấu mặt ông”. Đại loại những chuyện như thế nhiều lắm...

Thời chiến tranh, hàng năm công tác trọng điểm của xã, còn quan trọng hơn cả việc sản xuất là hai đợt tuyển quân. Phần đông, mọi gia đình và

cả đám trai tráng đều hiểu đó là nghĩa vụ thiêng liêng, nhưng không hiểm nhà “con độc, cháu đích tôn”, lại có nhà cố tìm cách lẩn trốn. Hàng xã nhìn vào nhà Khái, nhất cử nhất động, mà theo. Đứa con trai lớn, vừa tốt nghiệp cấp hai, còn thiếu tuổi, Khái “vay tuổi” cho nhập ngũ, làm gương. Thế nhưng, sau khóa huấn luyện, thằng con Khái được giữ lại làm giảng viên huấn luyện. Khái bí mật gọi con về làng, đánh tiếng là về phép để đi B, rồi sau đó, Khái cấm con không được bèn mảng về nhà, ở lì trường huấn luyện, lâu lâu Khái lên thăm, tiếp tế cho ít tiền. Đứa con trai thứ hai, có đợt lấy người đi công nhân kỹ thuật ở nước ngoài, Khái cho đi. Làng xã ai hỏi gì, Khái cười bảo: “Nhà tôi phải toàn diện, đứa đánh giặc, đứa xây dựng đất nước. Đi hai chân như vậy mới vững vàng chứ”. Khái đã hàng trăm lần cầm trên tay giấy báo tử. đi báo cho gia đình và cũng từng ấy lần Khái chủ trì buổi lễ truy điệu. Khác với bình thường, bao giờ Khái cũng rất kiệm lời và trước khi kết thúc, Khái trầm giọng, thông thiết: “Con người là vốn quý nhất. Mất của thì còn làm ra được, chứ mất người sao lấy được. Nhưng cái chúng ta còn thì bao trùm tất cả - đó là đất nước. Hôm nay, tôi nói với bà con thế này, biết đâu ngày mai. Vâng, chỉ ngày mai thôi, tôi phải cầm trên tay mảnh giấy báo tử con tôi...!”. Đến đó cũng phải chảy nước mắt.

Mấy đứa con gái của Khái học kém, đáng lý trượt lên trượt xuống, nhưng cứ gần cuối năm học, Khái lại cho mời thầy hiệu trưởng nhà trường lên xã, trích ngân sách xã cho nhà trường một khoản tiền, hoặc ít phi lao, xà cừ chặt ở đường liên thôn để nhà trường sửa chữa cơ sở vật chất. Thế là thầy hiệu trưởng bèn lệnh cho các thầy cô chủ nhiệm lớp con Khái học “cây” điểm cho con Khái đủ lên lớp. Bây giờ, ở xã, con cái nhà nào vào được cấp ba là danh giá lắm, học lên đại học thì danh giá nữa và như thế nghiêm nhiên thành viên chức Nhà nước rồi. Thâm tâm, Khái chuẩn bị cho chiến dịch “viên chức hóa” con cái. Học hành kha khá ở xã phần nhiều là đám con cái

các nhà địa chủ, lí dịch, hoặc viên chức có dính dáng với Tây thời cũ. Khái nhận ra rằng, đám ấy muốn thoát ra khỏi địa phương để đi thoát ly đều phải qua tay Khái ký lí lịch, nên họ thường cầu thân với Khái. Khái bảo lũ con mình chơi với đám đó, nhờ chúng kèm cặp văn hóa. Làm như thế, Khái lại được tiếng là công minh, không trù úm, đổ kị. Song đèn thi cử thì chịu. Tay Khái không đủ dài để vươn lên trên, mà đám con nhà “có vấn đề” cũng không thể thi hộ con Khái. Khái tức lắm, bèn dặn đám văn thư xã: “Hễ thấy giấy báo gọi ai đi đại học, trung cấp thì đưa tôi xem. Ở trên có mật lệnh là phải xem xét kỹ lý lịch, gạt bỏ khỏi bộ máy Nhà nước những phần tử xấu, cơ hội đang leo cao, chui sâu...”. Và thế là, hết thấy các giấy gọi đi học đều qua tay Khái. Khái im đi hàng loạt. Thời ấy, việc học hành còn tù mù lắm, chẳng ai biết mà kiện, mà có biết cũng chẳng dám kiện, bởi người ta nghĩ, tương lai con cái họ vẫn nằm trong tay Khái. Còn Khái nghĩ bụng, ta làm thế chẳng tội tình gì, xã hội tiến thoái đâu phải vì một vài cá nhân đó, ta làm vậy là thực hiện công bằng xã hội, đám con cái nhà giàu học hành nhiều đời rồi, nay phải nhường chỗ cho con cái của bà con nông dân, của người lao động. Rồi đâu cũng vào đó, bằng mọi cách, Khái nhồi được hết lũ con còn lại đi học chuyên nghiệp. Đưa con cả ở quân đội – người từng đi “B dài” và bị bổ đề biến thành liệt sĩ hàng trăm lần, phục viên về địa phương. Từng qua quân ngũ, lại thành phần trong sạch và được bổ “quy hoạch”, cậu ta nhanh chóng trở thành bí thư xã Đoàn, vào thường vụ xã, quan lộ mở ra trước mắt. Lẽ dĩ nhiên, được việc nhà, Khái được cả việc công. Chẳng thế mà, từng ấy năm làm chủ tịch, trải qua biết bao khóa bầu, Khái vẫn trúng cử. Người ta bảo, đó là cái khéo của Khái, cái mà người ta gọi là “ngậm miệng ăn tiền” chẳng?

Sau lần chết đi, sống lại, lão Khái được chăm sóc chu đáo hơn trước. Mấy đứa con gái thoát li lấy chồng xa kéo về đông đủ. Người nào cũng khá giả, nên quà biếu bỏ đầy nhà. Khôn nổi, lão có ăn được mấy đâu. Và lại, lão

đã có chủ ý của lão. Được dăm bữa nửa tháng, dù có thương bố đâu thì mấy cô con gái cũng đành chào bố trở về nhà mình với biết bao công việc đang chờ, để lại câu dặn với anh trưởng: “Bác ráng chăm sóc ông cụ cho chu đáo, cần gì cứ phen cho chúng em một tiếng, nếu không về được, chúng em sẽ gửi tiền về cho bác”. Riêng cậu con trai thứ hai từ ngày đi nước ngoài không về nữa, và đã lâu cũng bật vô âm tín nên không biết gì chuyện ở quê nhà. Lão Khái cũng ước được thấy mặt con mình, vì thế lão nán ná chưa quyết hẳn. Lão nghĩ bụng: “Nó thế là bạc, nhưng nghĩ cho cùng, nó cũng đáng thương. Giàu sang phú quý chẳng thấy đâu song lại mang tiếng tha phương cầu thực. Mình là cha nó, mình tha thứ cho nó thôi”.

Khi đám con cháu lão nháo đi cả rồi, một hôm, đứa dâu trưởng bảo lão Khái: “Con dọn dẹp nhà ngang, ông xuống dưới ấy nằm nghỉ cho yên tĩnh. Ở nhà trên này, nhà con làm chủ tịch, suốt ngày khách khứa nên ồn ào lắm”. Nghe vậy, lão Khái nhảm bụng “À ra nó đuổi khéo mình đây”. Song lão vẫn chờ xem thằng con trai cả có nói gì không. Mãi không thấy gì, lão hiểu rằng, vợ nó chỉ là người nói ra hộ nó điều ấy thôi.

Kể từ hôm dọn xuống nhà ngang, lão Khái dứt khoát hẳn, âm thầm thực hiện ý đồ của mình. Cơm cháo do con dâu và mấy đứa cháu đưa xuống, lão chỉ nhăm nháp qua quýt, đợi lúc mọi người vắng nhà, gọi đám chó đồ cho chúng ăn hết. Vốn đã yếu, lão ngày càng yếu hơn. Lão biết cái ngày lão ra đi không còn bao xa nữa. Ngày nhật thực tới gần, lão chạy đua với trời đất. Có một điều lão luôn ghi nhớ là khoản tiền dò. Lão sẽ không lỡ chuyển dò cuối nữa. Lão thầm cảm ơn cái sự sai lầm trước, để từ đó, lão có thời gian ngẫm nghĩ, điểm lại cuộc đời mình và thấu hiểu nhân tình thế thái. Một lần, lão gọi đứa cháu nội vào hỏi nó: “Cháu có tiền không?”. Thằng bé tưởng lão cần tiền, nó móc từ đáy cặp sách mấy trăm đồng tiền giấy nhàu nát, cẩu bẩn, nhét vào tay ông: “Tiền đây, ông cần mua gì bảo cháu, cháu sẽ mua cho

ông”. Lão xoa đầu thằng bé: “Cháu thảo lắm. Ngoan lắm. Yêu cháu lắm. Ông không cần tiền đâu mà chỉ hỏi thế thôi”. Cái lão Khái cần là đồng tiền trinh, tiền xu cơ. Lão không muốn hỏi xin con trai hoặc con dâu bởi sợ chúng cản vắn. Đang bắn khoả thì lão thấy ở dưới đất một mảnh sắt, lão nhào người nhặt lên, đưa lên mắt ngắm nghía: “Đây rồi! Tiền đây chứ đâu!”. Lão sẽ mài những góc nhọn cho nó tròn. Chỉ cần tròn tròn, hao hao giống đồng trinh là được. Lão sẽ đợi đúng lúc nhật thực để qua dò. Người ta bảo, lúc nhật thực, nhập nhoạng, lảo nháo âm dương, lão lái dò sẽ không biết gì đâu. Lão sẽ ấn miếng sắt vào tay người lái dò, nhất định là lừa được. “Phải rồi, tròn tròn, giống đồng trinh” – lão Khái ngợ đi trong niềm hân hoan.

Những ngày sau, lão miệt mài với việc làm cho miếng sắt tròn. Miệt mài như thời sung sức gom góp xây dựng gia nghiệp. Thịnh thoảng anh con trai trưởng xuống hỏi thăm, lão đều bảo: “Anh yên tâm, thầy khá hơn lên. Thầy còn thọ đến trăm tuổi kia mà”. Anh con trai ráo hoành: “Vâng! Thầy phải thọ để hưởng lộc chứ ạ. Con cháu nhờ thầy gây dựng. Cả xã nhờ công thầy mới được như ngày hôm nay. Từng ấy năm thầy chèo lái...”. Lão Khái phều phào: “Thôi thôi... Tôi đâu dám...!”

Ngày nhật thực đang đến gần. Miếng sắt đã tròn. Chợt lão nhớ đến lời cô con dâu hôm nào “cây mãi không được miếng để cho đồng trinh tiền dò”, lão há miệng thử. Được rồi. Lão Khái từ từ đưa đồng sắt lên miệng, ngậm vào dầm. Lão thở mạnh. Rồi nhắm mắt lại, thêm thiếp... Chờ đợi con đường sên sệt đầy dấu chân người. Ở cuối con đường ấy có một bên dò...!

Những ngày giáp Nhật thực 1995

Buôn Chiêu Quân

Thiên tử tì bà tác hồ ngữ

Phân minh oán hận khúc trung luân

(Đỗ

Phủ)

Sau khi Thái giám đến cung Vĩnh Xuân triệu cung phi Hằng Nga đi để Mao Diên Thọ vẽ tranh dâng lên Hán Nguyên Đế, Chiêu Quân ngồi tư lự mãi bên cửa sổ. Nàng ngẩng nhìn hàng dương liễu rũ mượt mà rồi đưa bàn tay ngà ngọc khẽ vuốt lên làm tóc mây của mình và thở dài. Nàng vào cung đã hơn năm nay, đêm nào cũng lạnh lẽo, để rồi sớm mai lại bắt đầu trang điểm đón một ngày mới chờ được quan Thái giám gọi đi. Được ngồi để Mao Diên Thọ vẽ là may mắn lắm rồi. Như vậy, mới mong có ngày được Hoàng thượng lâm hạnh, còn được sủng ái ư, chẳng cung phi nào dám màng. Với riêng nàng, Chiêu Quân chưa bao giờ mong mỏi được nhà Vua lâm hạnh, song nàng lại nghĩ, chẳng lẽ mình cứ mòn mỏi đến chết già nơi thâm cung lạnh lẽo này ư? Tên cung là mùa xuân vĩnh viễn, nhưng với nàng, nó chỉ là nơi giam hãm tuổi xuân. Với nàng, mùa xuân là cỏ nội, hương đồng nơi thôn dã

êm đêm nép bên dòng Trường Giang cuộn chảy ở quê nàng. Nơi ấy có cha mẹ và các em nàng, nơi có chàng nông phu vạm vỡ, thỉnh thoảng dừng tay cày nhìn trộm nàng một cách tình tứ mỗi khi nàng mang cơm ra đồng cho cha... Ước gì nàng được chạy chân trần trên thảm cỏ ẩm sương, được tho thả ngất hoa dại ven sông mỗi khi nàng đi giặt! Mùa xuân là như thế, chứ đâu phải cái cung như một cỗ quan tài khổng lồ được sơn son thiếp vàng này.

Nàng trở lại ngồi trước gương. Nàng ngấm nhìn mình và tự bằng lòng với từng đường nét, từng chi tiết trên khuôn mặt, mái đầu và thân hình của mình. Nàng tự biết, trong năm trăm cung tần ở đây, nàng là người đẹp nhất. Thế mà, hằng đêm, các cung phi theo nhau được nhà Vua lâm hạnh, riêng nàng thì không. Nàng nghe các cung phi đồn nhau rằng, phải có tiền lót tay cho Thái giám, khi ấy họ mới cho gọi để được đưa đến Mao Diên Thọ vẽ hình, rồi sau đó lại phải lót tiền vào tay Mai Diên Thọ để hắn ta vẽ hình mình thật đẹp và quyến rũ, lúc ấy ẵm ra nhà vua xem hình thấy ưng, mới cho triệu tời long sàng. Chao ơi, để được chút ơn mưa móc của nhà vua sao mà cay đắng thế. Cả đám phi tần biết thế nhưng chẳng ai dám kêu ca, chỉ âm thầm nén chịu, hi vọng một ngày nào đó sẽ sinh ra hoàng tử. Chiêu quân không như họ. Nàng không được sống cùng với cha mẹ, không được tự do yêu chàng nông phu nơi thôn dã quê nàng, thì bây giờ ở trong cung điện vàng son để chờ một ngày nào đó được nhà vua lâm hạnh, chẳng khác gì bị tù hãm. Đời nàng xem như là bỏ đi. Song nàng vẫn có cái tự kiêu ngâm của riêng nàng, bởi bị bỏ rơi, cũng đồng nghĩa với việc nàng bị coi là nhan sắc tầm thường. Bản năng đàn bà trong nàng trỗi dậy, chẳng lẽ một trang sắc nước hương trời như nàng lại bị xem là thứ tầm thường bỏ đi sao? Với bọn Thái giám thì nàng biết họ là đám người tham lam, độc ác, nàng sẽ lót tay

cho chúng, còn với Mao Diên Thọ thì nàng không tin là người như vậy, bởi chàng ta là nghệ sĩ. Nàng không coi nghệ sĩ là người tốt, song nói chung họ tầm phào và chẳng tâm địa ghê gớm gì, bụng dạ họ có thể tin được, mặc dù họ yếu đuối và nửa vời tới mức chẳng giúp được ai...

Và thế rồi, nàng cũng làm được mọi chuyện. Một buổi sáng, nàng vừa trang điểm xong thì Thái giám đến, đọc to tên nàng. Trước mặt các cung tần, nàng ngạc nhiên lắm. Nàng liếc nhìn gã Thái giám thì bất gặp cái nhìn đắc thắng của gã – “mi tướng mi đẹp là đủ à, cuối cùng thì cũng phải nhờ đến tay ta”. Nàng muốn hét thật to vào bộ mặt đẽu giả của gã, nhưng làm như thế sẽ hỏng việc. Nàng được gã Thái giám đưa đến một căn phòng rộng, ở đó chỉ kê một bàn sách và có một chiếc ghế để cung phi ngồi. Ngồi trước bàn sách là một chàng thư sinh. Nàng hiểu ngay người đó là họa sư Mao Diên Thọ. Chàng ta rũ người về chán nản. Thái giám đánh tiếng làm chàng ta giật mình, nhưng rồi vẫn như không để ý gì đến, Mao Diên Thọ hỏi Thái giám: “Ngài đã đưa người đến rồi đấy hả?”. Rồi phẩy tay về phía nàng: “Ngồi đi! Ngồi đi! Chịu khó chờ ta pha màu chốc lát”, và sau đó, cắm mặt xuống bàn mài việc pha màu. Chiêu quân khẽ ngồi xuống ghế, quan sát bộ dạng họa sư Mao Diên Thọ. Vì chủ động rồi nên nàng không ngần ngại. Nàng thấy Mao Diên Thọ không có vẻ của con người tham lam như đám cung phi đồn. Và dường như, chàng ta chẳng thiết gì cái công việc mỗi ngày phải châu trực ở trong cung để họa hình một mỹ nữ dâng lên nhà Vua. Cứ nhìn thái độ, nhìn cử chỉ chàng mài mực, pha màu là thấy được điều đó. Nghĩ thế, nhưng Chiêu quân vẫn băn khoăn, không biết mình có cần phải lót tiền cho Diên Thọ để được bức hình đẹp làm mê mẩn Hán Nguyên Đế hay không?

Diên Thọ ngẩng lên nhìn vào nàng và bảo: “Nào ta bắt đầu. Xin cô

nương chinh lại xiêm y”. Và chính vào thời khắc ấy, mắt hai người dọi vào nhau. Nàng nhận thấy rất nhanh vẻ chán chường trên khuôn mặt và cái nhìn của Diên Thọ chuyển biến từ ngạc nhiên đến chân tình, âu yếm. Nàng xôn xang cả người. Nàng đẹp là thế nhưng ngoài cái nhìn của chàng nông phu quê mùa và Diên Thọ ra là chân tình, còn lại nàng chỉ bắt gặp những cái nhìn ganh tị và ghẻ lạnh, hoặc cao đạo của người khác. Diên Thọ lắp bắp: “Cô nương ... xin cô nương hãy nương nhẹ tấm thân ngà ngọc, để Diên Thọ này được vinh hạnh chiêm ngưỡng mà họa bức hình tuyệt nhất trong cuộc đời làm họa sư của mình, và nàng cũng hiểu nếu mình chỉ khẽ lộ ra việc đút lót là Diên Thọ sẽ không còn nhìn nàng ngưỡng mộ như thế nữa. Nàng trở lại vẻ u buồn vốn có của mình, nhưng trong lòng, một cảm giác lâng lâng dễ chịu lan tỏa. Nàng có thiện cảm với Mao Diên Thọ. Nàng cũng hiểu là tại sao Diên Thọ lại khó tính với các cung phi khác, bởi có lẽ, chàng phải lọc ra từ cái sự uốn éo, yếu điệu thái quá đến kịch cỡm của họ để mà họa thành hình miến sao cho Hán Nguyên Đế vừa mắt. Chàng không được phép sơ suất, vì sự sơ suất sẽ biến thành tội khi quân phạm thượng. Diên Thọ làm việc miệt mài, mồ hôi đọng thành giọt trên trán, trên má chàng. Một nỗi thương cảm dâng lên và nàng thấy Diên Thọ thật xứng là một trang tài hoa, anh tuấn. Ở quê, Chiêu quân chỉ được tiếp xúc với các chàng nông phu chất phác, cục mịch. Vào cung, ngoài bọn Thái giám tham lam nửa người nửa ngợm và tụi lính ngu độn, hợm hĩnh, hầu như nàng không được tiếp xúc với một người đàn ông nào khác. Còn Hán Nguyên Đế thì xa vời như ở mãi trên chín tầng trời, nàng chỉ được nghe đám cung phi kể lại và chắc hẳn thù ghét nhiều lắm. Nàng không ham, không mong đợi ơn mưa móc của đẳng cao sang tối thượng, vì nàng nghĩ, chút trinh nguyên của nàng chẳng là gì khi đáng thiên tử kia cả đời đắm chìm trong bể tình ái, hoan lạc. Tự nhiên, nàng nghĩ, giá như mình được dâng hiến tấm thân ngọc ngà của mình cho chàng

họa sư tài hoa phong nhã kia. Ý nghĩ ấy đến chớp nhoáng, làm nàng đỏ mặt. Mãi nghĩ ngợi, lúc này Chiêu quân mới để ý đến Diên Thọ và nàng thấy hình như họa sư đã hoàn thành bức họa hình. Chàng ngồi thừ, hết nhìn bức họa, lại nhìn nàng, thầm so sánh giữa người bằng xương bằng thịt và bức họa hình – ai đẹp hơn ai! Nàng định cất lời thì nhận thấy khuôn mặt Diên Thọ sầm lại. Rồi chẳng nói chẳng rằng, chàng vơ bức họa vò nhàu trong đôi tay, và làm li bắt đầu họa lại. Chiêu quân phỏng đoán rằng bức họa không được và nàng ngậm kiêu hãnh: “Vẽ đẹp của ta, dễ gì lột tả được!”.

Nàng đã mấy lần thay đổi tư thế ngồi mà Diên Thọ vẫn chưa xong. Dường như chàng lưỡng lự điều gì, băn khoăn lắm mà mày chau, môi bặm? Có lẽ trời đã tròn bóng. Chiêu quân đoán vậy bởi nơi thâm cung âm u này làm gì thấy được mặt trời. Thái giám cũng đã vài lần ló đầu vào nhưng thấy Diên Thọ chưa họa xong nên lại thôi. Chiêu quân linh cảm thấy một điều gì đầy song nàng không tài nào định hình được. Lòng ngực nàng phập phồng khác thường dưới lớp xiêm y, bởi trái tim nàng loạn xạ. Nàng cố dùng hơi thở nén sự khác lạ cứ trôi lên trong lòng mình!...

Diên Thọ buông bút vẽ xuống bàn, ngả người ra phía sau, mắt hướng lên cao. Sau hồi lâu như vậy, Diên Thọ nhìn nàng bằng cái nhìn không còn thần sắc: “Diên Thọ này vô duyên, bất tài nên không tài nào truyền nổi vẻ đẹp nghiêng nước nghiêng thành của cô nương ra mặt lụa, nên đành quấy quá cho xong. Lỡ sau này, cô nương không được Hoàng thượng sủng ái thì lỗi là ở kẻ bất tài này cả... nhan sắc của Chiêu cô nương thật chim sa cá lặn mà Diên Thọ này không lưới trong tay... Có mấy lời gọi là để tạ lỗi trước với cô nương!...”. Nói rồi, Diên Thọ rời bàn sách, vái Chiêu quân một vái và cúi đầu. Chiêu quân bất ngờ, lúng túng không biết xử trí thế nào. Nàng vội

vàng đứng dậy, thì chẳng may xiêm y của nàng bị móc phải một họa tiết trên tay ngai của ghế, làm rách vải.

Thái giám vào, lấy bức họa và đưa Chiêu quân về cung Vĩnh Xuân. Vì xiêm y bị rách, nên nàng đi đứng khép nép khác thường. Trước khi rời khỏi thư phòng, nàng khẽ liếc nhìn Diên Thọ và nàng bắt gặp cái nhìn thiếu nã của chàng. Dọc đường về cung Vĩnh Xuân, nàng cứ bị ám ảnh bởi cái nhìn lúc chia tay của Diên Thọ. Trong sắc thái thiếu nã của gương mặt, của ánh mắt chàng, nàng nhận thấy vẻ đắm đuối tình ái...

Chiêu quân linh cảm rằng, nàng sẽ chẳng bao giờ được nhà Vua vờn đến. Nàng cũng không nghi ngờ gì việc Diên Thọ không có tiền hồi lộ mà về nàng xấu đi. Nàng không thấy tiếc vì không được biết mặt Rồng, song nàng cũng thấy tự ái. Sau mấy tháng được họa hình dâng Vua mà không được gọi, đám cung phi ở cung Vĩnh Xuân bắt đầu bóng gió, cay độc nàng, xem như từ trước đến nay, nàng là người tự huỷ hoại, tự mãn về một nhan sắc ảo tưởng của mình. Những lúc bị cạnh khoe như vậy, lòng nàng sôi lên và nàng thấy giận Diên Thọ lắm. Lúc bình tĩnh, hồi tâm lại, nàng thấy nhớ và mong được gặp lại con người tài hoa ấy. Diên Thọ đã chẳng tạ lỗi với nàng trước đấy sao. Có một điều làm nàng băn khoăn, thắc thỏm là bức họa đầu tiên mà Diên Thọ vò đi. Chàng ta vẽ gì, và nếu vẽ nàng thì đẹp hay xấu? Những đêm thao thức không ngủ được, nàng thường nghĩ về điều đó. Phải chăng, Diên Thọ si mê nàng? Chàng ta đã giữ bức họa ấy cho riêng mình? Dễ lắm chứ! Người đẹp như nàng thì đến Hán Nguyên Đế dù đã hàng ngàn mỹ nữ qua tay, có nhìn thấy cũng phải mê, nữa là chàng. Bằng chứng là vẽ không bình thường và cái nhìn đắm đuối của Diên Thọ. Mà sao nàng lại không nghĩ về nhà Vua mà chỉ nghĩ về chàng họa sư tài danh? Nàng cũng yêu thầm con

người ấy rồi sao?

Và một ngày đầu hè, những cây lựu trong vườn cung Vĩnh Xuân đâm bông lập lòe, cung phi Lưu Yến được gọi đi họa hình, khi trở về, nhân lúc thanh vắng đã gọi Chiêu quân ra một nơi, dúi vào tay nàng một mảnh lụa bạch, bảo là Diên Thọ nhờ chuyển cho nàng. Nàng thất sắc, vội vàng mở xem thì ra đó là một bài thơ Diên Thọ viết tặng nàng. Nàng kinh hoàng, ngỡ như vậy, cả Diên Thọ và nàng đều đã phạm vào tội khi quân phạm thượng, đáng xử trăm cả ba họ nếu như việc bại lộ. Nàng hốt hoảng, vội đốt ngay mảnh lụa đó, để phi tang. Lưu Yến kể với nàng rằng, khi cô ta định đưa tiền hối lộ để Diên Thọ vẽ cô ta đẹp hơn thì chàng kiên quyết từ chối và chỉ nhờ cô ta đưa bào thơ này đến tận tay Chiêu quân và bắt phải thề với trời đất rằng không bao giờ tiết lộ chuyện đó.

Sau sự việc ấy, cứ đêm đêm là nàng mất ngủ vì lo chuyện bại lộ. Nàng không sợ chết, nhưng nàng lo liên lụy đến gia đình và họ hàng gia tộc mình. Tuy nhiên, từng lời, từng chữ bài thơ của Diên Thọ âm vang và ngân nga trong đầu nàng, dịu ngọt, ru nàng vào giấc điệp sau những giờ khắc lo âu:

*Người đâu từ cung Quảng xuống trần
Mặt ngọc, được một lần chiêm ngưỡng
Mỹ nhân đã thuộc về đấng quân vương
Đành ôm mộng tình xuống tuyến đài*

Chiêu quân vừa sung sướng, vừa lo sợ trước mối tình nồng nhiệt của Diên Thọ. Việc lén gửi thơ cho nàng qua người khác, điều đó chứng tỏ chàng biết trước và chấp nhận cái chết nếu sự việc bại lộ. Điều đó khiến

nàng xúc động đến tận tâm can và trong lòng xúc động ấy nàng nghĩ, giá có phải chết thì mình cũng cam lòng vì được một con người tai hoa nổi danh yêu thương.

Rồi một chuyện chấn động cả cung đình, lan vào cung Vĩnh Xuân, làm đám cung phi không ngớt bàn tán, đó là việc chúa Hung Nô ở phía Bắc sau nhiều năm quấy rối biên cương, đánh xuống Trung Nguyên, nay giảng hòa, cử sứ thần vào chầu Hán Nguyên Đế, xin được ban thưởng mỹ nữ Trung Nguyên về làm vợ. Vua Hán đã hứa ban cho chúa Hung Nô năm cung nữ trong hậu cung của ngài. Các cung phi trong cung Vĩnh Xuân đều lấy làm lo sợ việc ai sẽ là người bị ban gả cho chúa Hung Nô. Mọi người đồn nhau xur đó con người sống còn mọi rợ lắm, luật lệ lại hà khắc, sơ suất là bị tội, nếu không thì cũng chết già, gửi xương nơi đất khách quê người.

Các cung nữ đã từng được nhà vua lâm hạnh thâm yên tâm vì mình được vua yêu và biết đâu mình sẽ sinh ra cho nhà vua một hoàng tử. Nhiều con mắt đổ dồn về Chiêu quân, người đã được họa hình song không một lần được nhà vua đoái hoài tới. Những con mắt đổ ky nhìn Chiêu quân như rửa rằng: “Người cứ tự mãn về nhan sắc của người đi, rốt cuộc thì người cũng chỉ đáng hầu hạ cho quân mọi rợ”. Chiêu quân cũng linh cảm thấy mình sẽ là một trong số năm người phải mang cống chúa Hung Nô. Trong nàng nảy sinh những tình cảm trái ngược nhau. Nàng đã thâm yêu người họa sư tài năng và không muốn phải xa rời quê cha đất tổ, sống kiếp tha hương nơi xứ sở hoang mạc xa lạ, phải làm thiếp hầu cho vị chúa tể vốn nổi tiếng là hung bạo và hiếu sắc. Mặt khác, nàng lại muốn dấn thân vào cõi ấy, nếu có khổ ải thì mình nàng gánh chịu, còn như ở lại cung của Hán Nguyên Đế, ngộ nhớ ra một ngày nào đó, chuyện Mao Diên Thọ tư tình và tặng thơ nàng lộ ra, thì

không những hai người mà cả ba họ của cả hai phải rụng đầu. Nàng nung nấu, dẫn đo suốt từ khi tin dữ bay vào cung Vĩnh Xuân. Mặt ủ mảy chau, thân hình rũ xuống và trong bộ dạng như vậy, nàng càng đẹp, càng quyến rũ hơn, tổ trêu người thêm tội thái giám và đám cung phi mà thôi. Ngẫm nghĩ kỹ rồi và nàng quyết chí ra đi, rời khỏi cung Vĩnh Xuân nghĩa là thoát được cảnh tù hãm, còn sau đó ra sao, nàng sẵn sàng chấp nhận, kể cả cái chết. Nàng mang điều đó nói với gã Thái giám. Gã ta bảo nàng rằng, nàng như thế là biết điều và sẽ được nhà vua ghi công, thưởng cho họ hàng gia đình nhà nàng, song mất gã thì lại như ngấm rửa : “ Đáng đời nhà người, đồ tự mãn đang ghét. Dù người không tự nguyện thì ta cũng sẽ tâu với hoàng thượng đẩy người vào xứ mọi rợ đó”.

Trước ngày rời Trung Nguyên về đất Hung Nô, Chiêu quân chỉ có một ước mong duy nhất là được về thăm cha mẹ, quê hương bản quán và thêm nữa, nàng được gặp mặt Diên Thọ, hoặc không thì bằng cách nào đó có đôi lời với chàng để đáp lại ân tình của chàng và cũng là nói lời vĩnh biệt, hẹn kiếp sau tri ngộ cùng chàng. Nhưng về thăm quê thì chẳng bao giờ được, còn gặp chàng thì nguy hiểm lắm, vả lại, nhờ ai bây giờ?

Chiêu quân và bốn cung phi khác được gọi đến gặp mặt nhà vua trước ngày về Hung Nô. Mỗi bước nàng đi, nỗi sầu càng tê tái. Nàng không còn cảm giác hồi hộp được gặp mặt Rồng mà chỉ còn nỗi đau sắp phải xa quê hương, xa người yêu dấu. Hán Nguyên Đế không khác tưởng tượng của nàng bao nhiêu về nhà vua, là người nhu nhược và thiếu quyết đoán, tốt bụng song dễ nghe lời xiểm nịnh. Sau khi được nhà vua cho bình thân, nghe ngài phán bảo, nàng đứng đấy mà hồn ở tận đầu đầu. Hình như nhà vua căn dặn các cung phi rằng về đất Hung Nô, phải tận tâm phục vụ chúa Hung Nô,

giữ gìn mối bang giao giữa hai nước, đó là công lớn và công ấy nhà vua sẽ ghi nhận cho gia đình được hưởng, chớ làm việc gì bất cần mà để xảy ra chuyện lớn thì nhà vua sẽ không tha... Với Chiêu quân, những lời ấy chỉ như gió thoảng đầu đầu. Chợt nàng giật mình bởi lời ám chỉ của vua Hán: “Có nghe rõ lời ta căn dặn không?”. Nàng nhìn thẳng vào mắt nhà vua và khẽ rung mình bởi một sự cảm nhận đến tức thì, sự cảm nhận giới tính của một người đàn bà đẹp luôn được người khác chiêm ngưỡng, si mê. Và nàng mụ mị người đi bởi uy lực của nhà vua, đầu nàng như ù đi, tai nàng loáng thoáng nghe được lời nhà vua khen nàng là một trang tuyệt thế giai nhân, rồi tỏ vẻ luyến tiếc, tại sao có mỹ nữ đẹp mê hồn như vậy trong hậu cung mà ngài không được biết. Nhà vua hỏi quan Thái giám, thì quan Thái giám đỏ rằng, họ biết Chiêu quân là người đẹp nên đã cho gọi đi họa hình, nhưng không hiểu sao họa sư Mao Diên Thọ họa như thế nào mà không thấy nhà vua cho triệu đến lâm hạnh. Vua Hán nổi giận quát mắng Thái giám và sau đó phán rằng hãy lưu giữ Chiêu quân lại, tìm cung phi khác thay thế. Sự tình thay đổi làm Chiêu quân rối bời không biết thưa thốt ra sao, đành cúi đầu chờ số phận an bài. Thế rồi, vua Hán cũng nguôi giận, khi Thái giám thề thốt rằng, việc đổi cung phi khác thay cho Chiêu quân nếu như lọt ra ngoài để chúa Hung Nô biết được, sẽ cho rằng nhà vua nuốt lời hứa, tiếc rẻ một mỹ nữ, phá hỏng hòa khí giữa hai nước, khó tránh khỏi nạn binh đao xảy ra. Nhà vua nghe ra và chuẩn tấu, cho nàng cùng bốn cung phi khác lui, đưa về cung biệt lập với sự canh phòng cẩn mật của lũ thị vệ, đề phòng bắt trắc, sớm hôm sau lên đường đi phương Bắc.

Đêm ấy, đêm cuối cùng ngủ ở kinh đô. Những cung phi kia thở vẫn than dài, rồi sụt sùi khóc lóc. Riêng Chiêu quân, nàng lặng thầm nuốt nước mắt vào trong. Đầu nàng hết nóng ran lại lạnh ngắt. Bao ý nghĩ đồ dòn đến,

kể cả ý nghĩ tìm đến cái chết... Và ở vào đúng thời khắc ấy, đầu nàng âm âm như có một làn sóng âm thanh tuôn chảy, rồi những lời lẽ, ý tứ theo nhau hiện ra...

*Quê hương xanh xanh một dải
Dòng Trường Giang quăn quại uống mình
Những thửa ruộng tươi bằng mồ hôi
Lưỡi cày vói lên những xương người và cán giáo gãy
Những giọt nước mắt chinh phụ vắng chồng ướt đầm suốt to
Còn ở đây, trăng kinh thành lạnh lẽo
Chùm lên thành quách, lâu đài thứ ánh sáng ma chơi
Làm lạnh buốt nỗi đau mỹ nữ
Làm sắc bén lưỡi kiếm quân vương
Làm u tối mưu mô, chước quỷ
Làm mê muội những kẻ si tình
Chỉ sớm mai thôi, mặt trời thức giấc
Tất cả chỉ là ảo ảnh kiếp người
Tan biến phía sau lưng người lê chân lên phương Bắc
Chìm vào giữa hoang mạc mênh mông
Đâu là cạm bẫy, đâu là trầm luân?
Đâu là ruột rà, đâu là ân oán?
Sầu nhân thế làm núi mòn, bể cạn
Người ra đi héo hon, kẻ ở héo hon chẳng*

Nàng thôn thức và thiếp đi trong mộng寐. Có biết đâu, cũng trong đêm ấy, chàng họa sư tài danh Mao Diên Thọ đứng ngồi không yên, bồn chồn lửa đốt ở một cung khác trong kinh thành, không biết phải làm gì,

ngoài thở than và nốc rượu, chờ trời sáng... Đám giai nhân phải lay mãi Diên Thọ mới mở được mắt, sau hồi lâu ngơ ngác, chàng mới chợt nhớ ra là mình cần phải dậy sớm đón đường với hi vọng được thấy Chiêu quân lần cuối. Chàng hốt hoảng vùng dậy, vò đầu bứt tai kêu khổ, vừa vận quần áo vừa làm bầm mẩn mỗ đám giai nhân. Ngồi được lên ngựa thì mặt trời đã lên được một con sào. Đến cửa Bắc kinh thành thì được biết đoàn hộ tống năm mã nữ về đất Hung Nô qua đó từ lúc trời còn mờ sương. Than ôi cho kẻ mê muội và bạc nhược, Diên Thọ cứ thăm nguyên rửa mình như vậy. Giá như không nốc rượu triền miên cho vợi nỗi đau thì đâu đến nỗi ngu quên, chậm trễ thế này. Diên Thọ đành phải quay về, bởi sức vóc thư sinh và con ngựa còm của chàng, làm sao đuổi kịp những cỗ xe tam mã truy phong của người Hung Nô trong nước mã hồi. Lòng chàng gào thét: “Chiêu quân ơi, nàng có hiểu cho lòng ta!”.

Và Diên Thọ không thể ngờ được, khi chàng vừa đặt chân tới nhà thì chàng lập tức bị trói chặt, đưa giam vào ngục thất. Đám quân cấm vệ đã rình sẵn đợi chàng về. Tin họa sự của triều đình là Mao Diên Thọ đã lén tư thông với cung phi Chiêu quân, nhanh chóng lan ra khắp kinh thành. Kế đó, hàng loạt các cung phi khác, trong đó có Lưu Yến đồng tổ giác là Diên Thọ đòi hối lộ vàng bạc, mỗi khi họa hình cho cung phi đều dọa là sẽ vẽ hình xấu ma chê quỷ hờn, buộc họ phải chấp nhận. Thế là tội chồng thêm tội. Diên Thọ có phải chết ngàn lần mới may ra rửa hết tội. Có ai biết cho chàng, chỉ tự thâm tâm chàng biết với chàng, rằng chưa bao giờ chàng lấy của ai một nén bạc, còn tình yêu với Chiêu quân thì chàng thừa nhận. Nếu không đạt được mối tình ấy, chàng có chết cũng chẳng sao. Sống trên cõi đời mà không có Chiêu quân bên mình thì chàng cũng coi là kiếp sống thừa và như thế chẳng qua là tự dày dọ mình mà thôi.

Đêm trước ngày bị đưa ra hành hình, Diên Thọ vật nài mãi, xin được người cai ngục tốt bụng một chút sáp ong. Chàng đốt làm đèn, xé vạt áo tù làm toan, cắn tay lấy máu vẽ chân dung Vương Chiêu quân trong cảm xúc cuồng loạn. Buổi sớm hôm sau, quân cấm vệ vào ngục thất áp giải Diên Thọ đi hành hình thì họ thấy chàng nằm co ro trên sàn nhà lạnh cóng trong cơn mê sảng, miệng lẩm nhẩm những câu gì không rõ, còn đầu óc rối bời, quần áo rách bươm. Chàng ngửa mặt về phương Bắc mà gọi tên Chiêu quân rồi vươn cổ chờ chém!...

Ở vào thời khắc ấy, Chiêu quân vẫn còn nằm trên long sàng với vòng tay ôm ghì của chúa Hung Nô, nàng giật mình thảng thốt nghe thấy tiếng gọi tên mình thoảng trong không trung, bèn gỡ tay chúa Hung Nô, ngồi dậy bàng hoàng và định thần xem mình đang ngủ mơ hay đã tỉnh? Và hôm ấy, nàng bồn chồn không yên. Rồi tin dữ từ Trung Nguyên cũng bay về. Nàng biết chuyện Mao Diên Thọ đã bị xử tội chém đầu vì khi quân phạm thượng, lên tư thông với cung phi của vua. Vì nàng mà chàng phải chết, hậu thế mất đi một danh họa tài ba. Đời nàng như thế còn gì nữa đâu. Mặc dù được chúa Hung Nô nhất mực yêu thương, chiều chuộng nhưng chẳng bao giờ mua được một nụ cười trên khóe môi. Nỗi buồn triền miên xâm chiếm hồn nàng. Nàng chỉ còn mỗi việc là nối dài thêm khúc sầu nhân thế mà nàng đã nghĩ ra từ trước buổi cất bước lên phương Bắc về làm dâu xứ Hung Nô xa xôi:

*... Dù cách trở nhưng một lòng hướng về phương Nam
Mỗi năm một lần gửi hồn mình theo cánh én
Lại âu sầu chờ xuân sang, én mang tin về
Quê nhà xanh xanh, dòng nước mang mang*

*Liệu song thân có còn khỏe mạnh, nhớ tới đứa con xấu số
Và hồi ôi, nơi chín tuổi chàng có thấu cho lòng thiếp
Chôn mối tình chàng trao trong thân xác cô liêu
Xin chàng hãy nán lại, chờ tiếp theo
Lệ cạn kiệt bởi khúc sầu nhân thế
Không có chỗ cho quân vương ích kỷ
Không có nơi cho những kẻ lọc lừa
Khúc Chiêu quân này dành nhân thế tình si
Mai sau, mai sau, hồi người đời có thấu?...*

Chiêu quân có sinh hạ cho chúa Hung Nô một hoàng tử, nhưng nàng không còn đủ sức sống trên cõi đời mà nuôi dưỡng con nàng. Nàng hóa thân vào vũ trụ, hóa thân vào khúc nhạc và lời ca ai oán, vượt hoang mạc mênh mông về đất Trung Nguyên, về bên dòng Trường Giang yêu dấu, nơi nuôi dưỡng tuổi thơ nàng. Trước khi khuất, nàng không hề biết đến một bí mật, rằng chàng họa sư Mao Diên Thọ, sau khi bị chém, được người quen đưa về tận quê chàng ở Đỗ Lăng chôn cất, khi thay quần áo tắm liệm cho chàng, người ta tìm thấy trong người chàng hai bức họa hình Chiêu quân được chàng quán vào thân mình. Một bức vẽ hình nàng trên lụa tốt, đẹp và yêu điệu đến mê hồn, đó là bức chàng họa nàng đầu tiên và đã vò đi vẽ bức khác xấu hơn để vua Hán chê nàng không cho vời, có như thế nàng mới trinh nguyên với mối tình của chàng, và bức họa ấy chàng giữ cho riêng mình, cứ đêm đêm chàng mở xem, thăm thì với bức họa những lời yêu đương say đắm. Còn bức nữa, chính là bức chàng cắn tay lấy máu mà họa trên mảnh vải thô áo tù vào cái đêm trước ngày bị chém. Bức họa bằng máu, dồn nén tâm trạng và sinh lực của chàng, nên khác lạ và linh thiêng làm sao!... Và ở

đó, người ta có thể hình dung được hết thái tâm tư, ý nghĩ của Chiêu quân những tháng ngày nàng sống nơi đất khách quê người...

Chủ hiệu tân dược

Ngót năm chục tuổi đầu, tôi trở thành ông chủ tiệm bán tân dược. Tuy theo nghề này, với tôi chỉ là sự bất đắc dĩ, cực chẳng đã mà thôi, song nó lại là nguồn sống chính của tôi. Hàng ngày, tôi phải trần ra những 14 tiếng đồng hồ làm việc. Cái vòng quay luẩn quẩn và mòn mỏi. Sáng, 8 giờ có mặt ở hiệu thuốc. Trưa đi ăn và nghỉ ngả lưng đôi chút. Chiều bán hàng đến hơn 6 giờ tối mới mò về tới nhà. Tắm qua loa và ăn cơm tối, ngó nghiêng nhà cửa, hỏi vợ con dăm câu ba điều. Và 8 giờ tối lại phóng xe đến cơ quan làm tròn bốn phận của một anh bảo vệ đêm. Lúc này thì tôi mệt rũ rời, ngồi gật gù với cái ti vi mà chẳng hiểu người ta nói gì ở đó. Bóng đá hấp dẫn là thế mà tôi cũng không tài nào xem nổi hết trận, bởi ngủ thiếp đi, chẳng biết tỷ số ra sao. Đêm ngủ lại mộng mị. Sáng hôm sau, 7 giờ sáng dậy về nhà và bắt đầu một vòng quay mới.

Cuộc đời có những bước ngoặt không ngờ. Trước khi trở thành ông chủ hiệu tân dược, tôi đã làm đủ thứ nghề. Cầm cái bằng kỹ sư canh nông, tôi được nhồi vào đồng bằng Nam Bộ làm quy hoạch nông nghiệp, chán chê dăm năm tôi cậy cục xin ra một nông trường ngoài Bắc, được hai năm, tôi bỏ đi xuất

khẩu lao động nước ngoài. Ba năm ở Đức, tôi phải làm mỗi một việc là giữ chân cầm bàn là điện trong dây chuyền là độc mỗi phần cổ áo trước khi chúng được ráp vào thân. Đơn điệu và nhàm chán đến mức thành tật, sau này mỗi khi thấy chiếc áo là mắt tôi nhìn xoáy ngay vào cổ, và khi cầm nó trên tay thì bàn tay tôi quen nếp sờ sờ phần cổ áo xem có phẳng phiu không. Đã có lần tự tôi bật cười khi nghĩ mình giống hệt cái tay công nhân chuyên bắt vít trong một bộ phim câm do Charles Chaplin đóng. Số phải dính vào lao lý, cái đận nước Đức hợp nhất, dân lao động ta đổ xô đi buôn, tôi cũng đi buôn, bị cảnh sát tóm ngay lần đầu. Thế là ra hầu toà, ngồi nhà giam ít ngày rồi bị trục xuất về nước. Phú quý giật lùi, lại qua đủ thứ việc, từ chân áp tải xe hàng đến chân bán lẻ ở một cửa hàng lương thực, cuối cùng dừng ở chân bảo vệ đêm ở cơ quan.

Để trở thành ông chủ hiệu tân dược, tôi gặp không ít khó khăn. Thoạt đầu, vợ tôi, một dược sĩ cao cấp đang làm trong một cơ quan nhà nước hùn vốn với người chị, họ thuê một cửa hàng nhỏ mở hiệu tân dược. Hiệu nằm kề với một cái chợ, chợ kiểu chợ xanh chợ cóc thường thấy. Những buổi đầu là làm quen mặt thuốc, phụ giúp họ bán hàng ngoài giờ hành chính. Tranh thủ học thêm một lớp sơ cấp dược. Và rồi, tôi trở thành người bán chính.

Thế nhưng, việc gì cũng có cái khó của nó. Hồi đầu, khi mới đứng chân phụ bán, thỉnh thoảng tôi lấy thuốc cho khách, thấy khách chỉ mua hàng toàn những xi lanh và nước cất thôi, thì tôi chỉ nghĩ họ bị bệnh gì đó phải tiêm thuốc tự điều trị nên mua vậy. Sau dần tôi cũng hiểu ra, khách mua hàng kiểu ấy phần đông là dân xài ma túy, nhất là khi quan sát kỹ dáng vẻ của khách. Nghĩ thế song tôi cũng không hỏi chủ cửa hàng vì hiểu mình là phận làm thuê, không nên tò mò những gì không nên biết. Đến lúc thay chủ cũ đứng chủ hiệu thuốc thì việc này trở nên rõ ràng. Tôi có thể vừa bán hàng, vừa ngầm quan sát, thậm chí hỏi han họ đôi ba câu. Thường là họ đến rất

nhANH, ít nói, vào cửa hiệu, móc túi thấy mấy đồng bạc lẻ lên mặt quày, lạnh tanh hỏi nhỏ mua vài ba ống nước cất và xi lanh, chờ lấy hàng xong, nhét vội vào túi áo và vội bỏ đi rất nhanh.

Khi bán hàng cho cánh này, quả thật lòng cứ phân vân không yên. Như thế liệu có phải là tiếp tay cho tệ nạn nghiện hút hay không? Mà không bán cho họ thì cũng không được. Nếu không, biết đâu có kẻ trong số họ gây sự, lấy kim chính chọc cho mình một cái thì có phải thêm hoạ lo nhiễm HIV? Hoặc giả, đêm hôm khuya khoắt, có kẻ thù oán đổ chai xăng vứt mồi lửa thì tôi ngay cửa hiệu. Thật tiến thoái lưỡng nan. Một lần, khi ngồi uống rượu với anh bạn nói khổ thừa học trò với nhau hiện là nhà báo, tôi mang chuyện này ra tâm sự. Anh bạn tôi gạt phất, bảo rằng: "Ông cứ yên trí đi! Bán bơm kim tiêm cho dân xì ma túy là ông đang làm một việc hữu ích, đóng góp cho sự nghiệp ngăn chặn đại dịch HIV/AIDS đấy. Ông không biết à, thế giới người ta làm việc này từ tám hoành rồi...". Tôi vẫn băn khoăn: "Nhưng mà... như thế thì làm sao mà ngăn chặn được nạn nghiện hút?". Anh bạn tôi rờ lên: "Trời ơi! Vậy ông tưởng, ông không bán thì không có người bán bơm kim tiêm cho họ sao? Mà nếu họ không mua được, họ sẽ dùng chung bơm kim tiêm, và ông có biết khi ấy sao không? HIV sẽ lan truyền nhanh hơn gấp bội, ông rõ chưa...?". Thấy tôi có vẻ đồng tình, anh bạn ôn tồn giảng giải: "Ông ạ, việc ngăn chặn người nghiện hút, cai nghiện là một việc, còn với người đang xì ma túy, thì việc hướng họ tới hành vi sử dụng bơm kim tiêm riêng là việc nên làm... Thì cũng như cái việc sử dụng bao cao su với khách làng chơi ấy... Đây cũng là những hành vi bắt buộc dĩ song an toàn...".

Khi mọi chuyện vỡ lẽ ra, tôi yên tâm bán hàng. Thái độ cũng tự nhiên vui vẻ, cởi mở hơn khi tiếp xúc với cánh xì ma túy. Tôi đã có thể hỏi han, trao đổi với họ đôi ba câu ngoài chuyện mua bán. Lâu ngày, gần như tôi thuộc mặt họ gần hết. Trong số đó, tôi chú ý đến vài ba người...

Người thứ nhất là Quý. Có lần vui miệng, tôi đã mời anh ta một chén trà nóng và anh ta cũng vui vẻ xưng tên cho tôi biết. Quý độ chừng hơn tôi vài ba tuổi, thường đi chiếc xe Vespa đã cũ song còn tốt và bao giờ cũng quần áo xơ vin gọn gàng, giày tất tinh tươm. Sau lần ấy, lâu lâu, Quý không cần tôi mời và tự động vào hẳn trong hiệu thuốc, xin nước trà và tán gẫu với tôi. Tôi e dè nhưng cũng không nỡ đuổi khách. Có bận, thấy trên mặt bàn nước của tôi lỏng chỏng mấy cuốn truyện đã sử, truyện chương Kim Dung, Quý cầm lên lật lật xem qua quýt rồi vanh vách nói chuyện ra chừng thông thạo. Tôi từ ngạc nhiên đến thích thú. Hoá ra cha này cũng chịu khó đọc sách ra phết. Nghĩ vậy, tôi thử kiểm tra vốn sách vở của Quý bằng cách nói đến những tác phẩm văn hoá, văn học cổ điển Tây Tầu khác, Quý đều có thể góp chuyện được. Cha này khá thật. Nhưng sao hiểu biết vậy mà y cũng xài ma tuý nhỉ, tôi cứ tự hỏi mình? Dần dà, tôi biết Quý từng tốt nghiệp trường Nhạc viện hẳn hoi, và hiện anh ta đang có chân trong dàn nhạc của một nhà hát có tiếng nào đó. Ngoài ra, Quý còn chơi sã xô phon cho một vài bar, sàn nhảy nào đó để kiếm thêm. Phải rồi, nghiện hút như thế, ngày mấy cữ thì có mà tiêu tiền như hủi ăn thịt mỡ. Quý thật khác với hình dung của tôi về dân xì ke ma tuý bệ rạc, bởi anh ta luôn giữ được dáng vẻ phong lưu trí thức của mình. Lâu ngày, vô hình chung, Quý gần như trở thành người bạn tâm giao của tôi. Chỉ trừ khi quá vội, do công việc và cũng có thể sắp đến cỡ chích, Quý mới nhoèn miệng cười trừ phóng xe đi ngay, còn đâu bao giờ cũng dùng dằng tán gẫu với tôi hàng giờ. Những lần như thế, đã thành thói quen, vì tôi bận bán hàng nên Quý thường tự lãnh phần pha ấm trà mới, tráng đĩa chén cẩn thận rồi mới rót nước. Tôi được biết thêm, Quý có một gia đình tương đối đầy đủ, chí ít là về mặt hình thức, vợ làm kế toán của một công ty, hai con, gái đầu trai sau cùng trong độ tuổi đi học. Đã có lần, tôi thấy ngày nghỉ, Quý chở vợ con trên xe máy đi đâu đó phóng ngang qua hiệu thuốc của

tôi. Nhìn họ, tôi không khỏi thắc mắc, Quý nghiện hút như vậy, liệu gia đình họ có êm ấm, hoà thuận không, và rồi anh ta sẽ dạy bảo các con như thế nào, bởi dẫu sao anh ta cũng không thể làm tấm gương tốt cho các con noi theo? Quý đã từng vui chuyện kể cho tôi biết là anh ta đã từng cai nghiện tới năm lần rồi mà vẫn thất bại hoàn toàn. Tôi có hỏi Quý, khi bập vào ma túy hẳn phải có nguyên do của nó, cứ cho là bất khả kháng đi chăng nữa, nhưng còn cai nghiện, mà nhất là cai đến lần thứ năm thì phải có mục đích và quyết tâm cao độ, vậy sao vẫn không cai nổi. Quý trầm ngâm hồi lâu mới trả lời, diễn giải lòng vòng, song tôi có thể lọc ra từ mớ lý luận của Quý những ý tứ. Nghĩa là, với người khác thì thế nào không rõ, chứ với anh ta cai nghiện không được, nguyên do từ sức chịu đựng kém, cái mà người đời vẫn gán cho mỹ từ là nghị lực, chỉ thứ yếu thôi, điều quan trọng hơn cả thuộc về quan niệm sống. Quý bảo, anh ta mang trong mình trái tim và dòng máu nghệ sĩ, rất nhạy cảm và cũng dễ đổ vỡ, cho nên, trong cuộc đời lao động và tận hưởng mọi lạc thú, niềm vui phải cân bằng nhau. Tội gì mà lao lực để rồi nhịn ăn nhịn chơi cơ chứ. Với lại sau khi dùng ma túy, chơi kèn sẽ phê hơn do tâm thần bay bổng, quên hết sự đời và tự li ti huyết quản chỉ còn có âm thanh giai điệu mà thôi. Như thế mới là hết mình cho nghệ thuật. Tôi lấy làm buồn cười về lý sự của Quý. Tôi nghĩ, có lẽ lúc đầu bập vào ma túy anh ta không qua niệm chi hết, sau rồi mới bao biện, là để lý giải cho cái sự lân khân không muốn từ bỏ ma túy mà thôi. Tôi thử tìm cách bác bỏ quan niệm của Quý, anh ta không phản đối, đột ngột hỏi tôi xem ngày ăn mấy bữa. Tôi trả lời thật thà mà vẫn thâm cảnh giác. Quý lại hỏi tôi, ngày hút bao nhiêu thuốc lá, uống cà phê mấy lần, có hay xem phim kịch bản gì không, thậm chí tuần mấy lần ngủ với vợ, có bỏ bịch hay karaoke giật giải bàn tay vàng không? Tôi cười trừ, trả lời mập mờ vì biết anh ta sẽ bẫy mình chi đây. Quả nhiên Quý bảo: "Thì cứ cho rằng anh đầy đủ tất cả những thứ đó, song anh

vấn kém tôi, bởi anh không xài ma túy. Nếu xài rồi anh sẽ thấy tất cả những cái anh đang có hàng ngày kia chẳng ra quái gì cả, rằng từ trước đến giờ anh chưa từng sống, nói đúng ra là anh đã sống uổng phí, kiểu sống chất lượng thấp...". Vừa nói, Quý vừa cầm chiếc bật lửa rip po đặt xuống mặt bàn nước: "Đây này, anh đang sống ở dưới mặt bàn, còn tôi đang sống ở cấp độ cao hơn, trên mặt chiếc bật lửa đây!". Đến đây thì tôi cười to, ngửa đầu ra sau ghé mà cười, đến chảy nước mắt. Quý cũng cười, vớt vát: "Anh cứ cười đi. Cười cho cái sự uổng phí đến ngốc nghếch của anh...". Tôi đột ngột hỏi: "Vậy tại sao lại cai, mà cai đến những năm lần?". Không cần nghĩ ngợi, Quý bật luôn: "Là tôi nghĩ đến vợ con. Sung sướng một mình là ích kỷ... là có lỗi. Tiền bạc còn để nuôi các con ăn học... Nếu chỉ có một thân một mình thì...". Tôi bảo: "Anh nghĩ là mình mắc lỗi với vợ con... thì tôi tin đến một ngày nào đó anh sẽ thay đổi...". Quý lảng sang chuyện khác, mà tôi cũng không truy vấn nữa.

Người thứ hai tên Sáng. Đó là một thanh niên mới lớn. Tôi chú ý đến cậu ta trước hết bởi dáng vẻ sinh viên với gương mặt sáng sủa, thông minh. Lần đầu cậu ta đến hiệu thuốc của tôi, đi có một mình. Cậu ta đứng tựa người vào tủ kính, không nhìn vào mặt tôi mà mắt lướt đâu đó trên tủ giá đựng thuốc hai bên. Tôi hỏi mua gì thì cậu ta ngần ngừ không nói, lúng búng mãi mới chìa tiền ra hỏi mua mấy cái xi lanh kèm theo nước cất. Chắc là nhận biết được vẻ ngạc nhiên xen chút thất vọng nơi tôi, cậu ta vờ vội vàng và tiền lẻ thối lại nhét nhanh vào túi áo khoác rồi quay người cắm đầu bước như chạy. Tôi nhìn theo và thậm xót xa thay, con cái nhà ai, cha mẹ dạy dỗ thế nào, trẻ trung và dáng vẻ thông minh như vậy, lại sớm dính vào ma túy thế. Rõ ràng, cậu ta không hề có vẻ gì của đám công tử dõm con nhà giàu đua đòi chơi bời phá tiền của cha mẹ cả. Những lần sau, Sáng dần bình thản, lạnh lùng hơn, cả khi đi một mình hay cùng hội nghiện hút choai choai. Có

lần, cậu ta cười xe @ đèo bạn, xĩa tiền ra một đồng hàng chắc để dùng dần hoặc chơi cả hội chi đó. Khi ấy, Sáng ra về ta đây dân chơi sành điệu, trông thật kệch cỡm, đáng ghét. Quả thật, tự thâm tâm, tôi cũng có chút cảm tình, đúng ra là cảm cảnh với nó. Thật thất thường, tuần trước thì vậy, tuần sau nó đã lại thành kẻ bệ rạc ngay. Sáng đến, bảo mua mỗi loại một, rồi nó nhăn nhó: "Hôm nay cháu chẳng còn một xu dính túi. Cho cháu chịu tiền, lần sau cháu trả cả thể...". Tôi bực mình lắm, không phải vì sợ mất mấy nghìn bạc mà vì nghĩ đến thái độ kên kên hôm nào của nó. Tôi đành nặn ra câu trêu: "Dạo này bết thế à? Mới đây còn cười xe xịn cơ mà?". Sáng bảo: "Có đâu chú... Xe của thằng bạn cháu đấy. Bố nó là cục trưởng cục... gì đó. Nhà nó giàu lắm. Nhưng mà giờ biết nó mắc nghiện, papa, mama nó quản chặt, không cho nhiều tiền nữa...". Sau trận ấy, tới hàng tháng không thấy Sáng lai vãng. Bỗng một hôm trời mưa trở rét, tôi ngồi hêu từ sáng mãi gần trưa chẳng có khách, gặm chiếc bánh mì patê nướng không trôi, định đóng cửa hiệu ngủ trưa vì cả đêm trước thức xem bóng đá C1 thì Sáng xộc đến, tự mở cửa ngăn quày vào hắt bên trong. Mưa đang nặng hạt nên tôi không nở cản. Chiếc áo khoác ngoài trên người nó ướt lướt thướt, nhều giọt xuống nền nhà. Sáng móc túi, lôi ra một chiếc điều khiển tự động ti vi, chẳng biết của nhà hay mới chia được, bảo là gửi đây làm tin khi nào có tiền thì chuộc lại và còn đòi mua thêm dụng cụ chích. Tôi bực lắm nhưng không dám to tiếng vì sợ rầy rà. Nói ngồi rụi ngay xuống một xó tủ hàng khuất lấp, lấy bẫy pha thuốc. Tôi sợ tái mặt, vội xua đuổi. Sáng mặc kệ, không đếm xỉa, chỉ tập trung vào việc làm sao chích của mình. Hình như nó bắt đầu lên cơn nghiện. Khi nhìn thấy mũi kim chọc vào mạch, tôi ngoảnh mặt đi không dám nhìn. Đây là lần đầu tiên tôi chứng kiến tận mắt kẻ chích ma túy, ngoài phim ảnh. Thật khó tả sự chộn rộn trong lòng tôi. Có lẽ, nỗi sợ là lớn nhất. Tôi sợ nhờ ai đó bước vào, hoặc giả chủ nhà cho thuê nhà biết, họ sẽ nghĩ là tôi chứa

chấp kẻ xài ma túy, thậm chí còn nghi là tôi bán ma túy nữa không chừng. Tôi nhón nhác hết nhìn vào trong lại ra ngoài cửa và thăm cầu mong không có ai. Mưa vẫn sầm sập, mờ mịt trời đất. Đầu óc tôi ong ong như người sốt. Rồi tôi giật mình hốt hoảng vì thấy Sáng rời kim chính khỏi tay, lịm người đi từ bao giờ. Chẳng biết nó có sao không? Ngộ nhờ chích ma túy quá liều mà tử vong thì tội vạ chút hết lên đầu tôi mất. Tôi luống cuống song không dám chạm vào người nó mà chỉ gọi, khẽ thôi vì lo ai đó nghe thấy. May sao, Sáng từ từ mở mắt, nhìn tôi. Cái nhìn xa lạ, trống rỗng. Tôi thở phào: "Nhãi, không sao chứ? Thật hú vía cho tao... Thôi ông ranh, nhanh chóng đi đi cho tôi nhờ...". Sáng ngồi hẳn dậy: "Đã quá... chú ạ". Tôi làu bàu: "Sướng mày nhưng mà khổ cái thân tao. Này nghe đây, không có lần sau đâu nhớ!...". Sáng tỉnh như sáo, hoạt miệng: "Cháu xin lỗi chú... Đạo này đói thuốc. Nãy vì trời mưa, mới lại cháu cũng chẳng đủ sức đi đâu cả, thôi đành vậy... Phiền chú quá!". Thấy tôi đã bình tĩnh trở lại, Sáng dè dỏ: "Cháu đói quá... Chú có gì ăn được không?". Từ bực giận, thấy nó xin ăn tôi lại cảm cảnh, giọng chân tình: "Còn nửa cái bánh mỳ đây, tao vừa ăn dở, nếu mày không chê...". Nó đón nửa chiếc bánh mỳ, ăn ngấu nghiến, ngon lành. Tôi thấy lúc này có thể gợi chuyện được, bèn hỏi: "Này... thế mày không học hành gì à? Mày chắc còn đang trong độ tuổi đi học?...". Sáng bảo: "Cháu đang học đại học năm thứ ba thì bị đuổi". Tôi bảo: "Hử vì tội dùng ma túy? Trường nào dám chứa tụi bay?". Nó không giận trêu lại tôi: "Chú nói hết tay hiệu trưởng trường cháu... nhưng mà thân thiện hơn". Tôi lại bảo: "Mày tên Sáng, chẳng hiểu tên thật hay giả, nhưng mà nếu đúng như thế thì sao mày u tối vậy?..." Sáng vẫn bông lơn: "Chú đừng rửa cháu như thế... Chú mà dính vào, có khi còn máu hơn cả cháu". Tôi căng giọng: "Điều quan trọng là đừng bao giờ để dính vào, mày hiểu chứ?". Nó nhìn tôi chăm chăm: "Chú nói như sách... Vâng, cháu cũng đã từng nghĩ như chú... Nhưng, đời mà chú, đâu

phải lúc nào cũng cuộc đời vẫn đẹp sao... Có ai nắm tay được từ sáng đến tối đâu?...". A, thằng cu này hùng biện, còn biết nói chữ kia đấy, gớm thật, tôi thảm nhủ.

Và rồi, Sáng kể cho tôi nghe chuyện nhà nó và cả việc nó dính vào ma túy như thế nào. Sáng con nhà lương thiện, bố mất sớm, mẹ là công nhân về hưu non. Sáng học giỏi, đỗ những hai trường đại học. Đến năm thứ hai thì đàn đúm với hội con nhà giàu. Hội này lười học, lăm tiền, chơi bời rượu mạnh, sành nhảy, đua xe. Phần đông chúng đều hút chích, đơn giản vì chúng coi việc xài ma túy như việc dán nhãn mác con nhà phú quý vào người, như để phân biệt với dân thường. Lúc đầu, chúng cho Sáng ăn ngon, cho mặc đồ hàng hiệu và chỉ lo mỗi việc làm bài tập của trường cho chúng chép lại đối phó. Sau một lần bị chích ma túy cưỡng bức vì muốn Sáng không thể tách rời chúng, Sáng lao vào việc hút chích còn bặm hơn cả tụi chúng. Có bạn, vì sĩ diện không muốn bị bọn chúng xem thường con nhà nghèo, Sáng đã bán chiếc xe đạp mẹ dành dụm từ tiền bán bánh rán, chuối rán mua cho để khao ma túy cả hội. Bị bắt quả tang chích ma túy tập thể, cả hội bị kỷ luật, song tụi chúng lo chạy chọt được, riêng Sáng bị đuổi học. Từ con nhà lành học giỏi, Sáng nhanh chóng thành kẻ cù bơ cù bất. Bà mẹ biết chuyện song chẳng thể làm gì, cứ còng lưng làm thêm nuôi báo cô đưa con hư hỏng... Chẳng biết Sáng kể chuyện nhà, thật giả thế nào thì tôi không rõ, song cứ lấy làm tiếc cho một thân phận... Nghe chuyện, tôi hỏi Sáng: "Thế mà mày không thương mẹ mày à?". Nó nhìn tôi như người biết lỗi: "Có chứ!... Cháu thương mẹ cháu lắm... Đạo này mẹ cháu gầy yếu quá... Bữa cơm ở nhà, vẫn chỉ toàn ăn thịt mỡ, phần cháu thịt nạc...". Tôi bực: "Vậy mà mày nuốt trôi sao?". Nó bảo, giọng rên rần: "Nhưng mà cháu không ăn thì mẹ cháu bỏ cơm luôn, nên cháu đành...". Tôi than thở: "Con thì bất hiếu... mà mẹ mày cũng không biết dạy con... chỉ hy sinh một cách vô lối... Thôi sáng đầu óc ra thì

liệu đường mà cai nghiện đi còn kịp...".

Nghe chừng, sau đấy Sáng có chuyển biến. Một lần, Quý đang huyên thuyên nói chuyện với tôi về một bộ chương mới đọc thì Sáng đến. Tôi lạnh tanh:

"Mỗi thứ mấy đây?". Sáng bảo: "Cháu chỉ mua thuốc bỏ cho mẹ cháu thôi".

Tôi ngạc nhiên và cảm động. Tôi hỏi tỉ mỉ tình trạng sức khoẻ mẹ Sáng và hướng dẫn nó mua các loại thuốc bỏ dưỡng, tiền thuốc cũng lấy vốn mà thôi.

Sáng đi rồi, tôi đem chuyện nó kể cho Quý nghe. Quý bảo: "Nó khác, tôi khác... Nó trẻ ranh, đua đòi, còn tôi thuộc về quan niệm...". Thấy tôi không phản ứng, Quý cao hứng: "Đấy cứ như thằng cha Lệnh Hồ Xung trong Tiếu ngạo giang hồ, nghiện rượu, mê gái đẹp, đời tiêu sái biết bao nhiêu... Tóm lại trong đời con người ta cứ phải nghiện một cái gì đấy... Tôi xài ma túy thì thôi rượu, chùa gái... còn như anh không nghiện gì cả... biết đâu lại chơi gái thành thần... Đời người sống có một lần, tội gì phải khuôn phép, quy quy củ củ... Hay ho cái khi gì... Cứ vô chiêu mà thắng hữu chiêu như cha Lệnh Hồ Xung, gặp đâu ứng phó đó... Ha ha...!...". Tôi cáu tiết, cho rằng kẻ nghiện ngập thì chẳng có quan niệm nào bệnh vực được, chẳng qua ích kỷ hại nhân mà thôi. Bình tĩnh lại, tôi kể chuyện cha tôi cai nghiện như thế nào để bác bỏ lại Quý.

Cha tôi vốn là một kiến trúc sư thời Tây. Ông kiếm tiền như rác, ngoài việc mua mấy chục mẫu ruộng ở quê cho bà nội tôi trông coi thì ông vẫn thừa tiền để cô đầu nhà hát, hút thuốc phiện rồi ngả đầu lên đùi mấy ả đào tơ ở Khâm Thiên để mơ màng nghe "hồng hồng tuyết tuyết... mới ngày nào chưa biết cái chi chi, mười lăm năm thâm thoát có ra gì...". Đến khi cách mạng tháng Tám nổ ra, ông cũng hăng hái cùng các trí thức bạn bè tham gia, nhưng khi toàn quốc kháng chiến thì vì nghiện ngập nên ông không dứt bỏ nổi để theo kháng chiến, đành ở lại thành làm nghề cũ. Sau hoà bình lập lại, Nhà nước trưng dụng trí thức cũ, ông đi làm. Lúc ấy, ông biết chế độ mới

không thể dung tha người nghiện thuốc phiện nên quyết chí đi cai. Ông đã đánh vật với chính mình, ròng rã ba tuần liền, mỗi đêm bách bộ đến cả chục cây số để chống lại cơn thèm thuốc đến khi kiệt sức. Sau này, khi mang gia đình hồi hương làm ruộng, thỉnh thoảng ông lại mang chuyện cai nghiện của mình ra kể cho con cái nghe, nhằm giáo dục, động viên mấy chị em chúng tôi vượt khó. Câu chuyện ấy đã ăn sâu vào tâm trí tôi, động viên mấy chị em chúng tôi vượt khó. Câu chuyện ấy đã ăn sâu vào tâm trí tôi, giúp tôi nỗ lực hơn trong những lúc đường đời khúc khuỷu.

Quý nghe rồi bảo: "Quả là ông cụ nhà anh đáng nể trọng... Nhưng mà vì cụ quyết chí cai... Tôi cũng đã nhiều lần cai, song cũng chỉ là để thử xem sức chịu đựng của con người ta đến mức nào?... Tôi chưa sa vào hoàn cảnh cụ cụ... Nói vô phép, có lẽ khi ấy, tôi cũng sẽ làm được như vậy chẳng?. Quý nhìn tôi cười: "Gì thì gì cũng chưa phải là lúc này!...". Tôi biết Quý cùn nên không tranh luận nữa. Nhưng có một chuyện, tôi giấu anh ta không kể hết. Chuyện này thì tôi cũng mới biết gần đây, do chính người anh rể tôi ở quê kể lại nhân ngày giỗ cha tôi. Rằng, cha tôi cũng đã dùng thử lại thuốc phiện sau mấy chục năm cai. Trước khi mất vài năm, khi đã ở độ tuổi gần thất thập, sức khỏe cha tôi giảm sút nhiều. Ông chú họ tôi hay buôn bán ở mạn ngược, có đem về ít thuốc phiện sống dành khi đau bụng gió máy thì uống chữa bệnh, đưa cha tôi một chút bảo ông dùng thử biết đâu khỏe lại và còn mánh cho chỗ còn bàn đèn để hút. Không hiểu ông đã nghĩ gì mà nghe theo. Để hút được, ông đã ngầm nhờ người anh rể tôi, nguyên là bộ đội chống Mỹ phục viên về khi ấy đang là bí thư đảng uỷ xã đưa đi. Tuy sợ lộ chuyện, song vì chiều bố vợ nên anh đành bấm bụng đeo xe đạp đưa cha tôi đi hút thử. Sau hai lần như thế, không thấy sức khỏe khá hơn, sợ nghiện lại nên ông kiên quyết dứt hẳn cho đến khi ốm nặng qua đời. Anh rể tôi đã hỏi tôi rằng, nếu ở vào hoàn cảnh ấy, tôi sẽ làm thế nào. Quả là tôi không biết mình sẽ xử

trí ra sao, song có một điều toio biết rõ, cha tôi giấu biệt là có ý tránh để lại một tấm gương xấu cho con cái. Tấm lòng ấy của cha, tôi hiểu và thâm biết ơn ông.

Tôi đã giấu Quý không phải tôi sợ đuối lý trong cuộc tranh luận chưa có hồi kết, mà tự thâm tâm tôi tôn trọng tâm nguyện của cha mình. Con người ta, tôi cũng vậy thôi, đầy rẫy những sai phạm, quan trọng là ở cái tâm phục thiện. Sau lần tranh luận nhằm ra ngô ra khoai không phân thắng bại đó, Quý vẫn qua lại mua hàng, song chỉ chào hỏi qua loa thôi. Còn Sáng thì biệt tăm tích. Một chiều, tôi vừa đi nhập thuốc về, đang bận rộn xếp hàng vào quầy thì Quý đến. Thấy tôi tất bật, Quý bảo không vội, đợi tôi xong việc. Xếp thuốc xong, tôi pha ấm trà xả hơi và mời Quý cùng uống. Quý cầm chén trà nóng, mân mê trên tay không thấy uống, vẻ mặt khang khác, cũng chẳng mau miệng như mọi khi. Tôi gọi: "Đói thuốc hay cãi nhau với vợ đấy?". Quý bảo: "Không đâu... Anh nhớ thằng cu tên Sáng chứ?...". Tôi chợt nhớ ra sự vắng mặt của nó lâu nay: "Sao? Nó làm sao? Hút chích hay trộm cắp bị bắt à?". Quý vẫn rầu rầu: "Nó vừa suýt chết. Đúng ra là chết đi sống lại". Và Quý cho tôi biết, nghe đâu dân nghiện ở khu này kháo nhau, là Sáng đã dùng ma túy quá liều, xiu ở gầm cầu thang một chung cư. May có người phát hiện đưa đi cấp cứu. Quý trầm ngâm: "Chẳng hiểu nó đói thuốc lâu ngày hay bị nhiễm HIV rồi, nên nói bi quan muốn chết cho rảnh?...". Tôi bảo: "Thì vẫn thấy nó mua bơm kim tiêm sạch mà?". Quý trề môi: "Anh thì chỉ biết nửa vời... Làm sao hiểu được dân nghiện bọn tôi, khi cơn lên thì có kẻ gì, dao kẻ cò, súng kẻ tai cũng mặc, miễn sao đưa thuốc vào máu càng nhanh càng tốt...". Tôi thờ người thờ dài: "Thương nó thì ít, mà thương mẹ nó thì nhiều". Quý bảo: "Anh thật cái lương mùi mẫn. Dầu sao anh cũng hiểu chúng tôi đôi chút... Người ngoài bình thường thì không chịu, nhìn chúng tôi như tội phạm đáng chém đầu, chỉ đòi hỏi ở chúng tôi thôi. Lúc nào cũng

mang luân lý, đạo đức ra dạy bảo... Chúng tôi cũng có những nỗi khổ tâm...". Tôi chăm chú nhìn Quý, chẳng thấy vẻ tiêu sái mà anh ta vẫn nguy trang thường ngày đâu nữa. Tôi lựa lời: "Thế nào?... Anh thử cai lần nữa chứ?...". Quý âm ừ hồi lâu mới lộ cộc: "Để xem". Nói rồi Quý chào tôi, lên xe phóng vụt đi.

Tôi định bụng lúc nào rảnh đến thăm Sáng. Song tôi chợt nhận ra, mình vẫn chưa biết nhà nó ở đâu, và hiện đang nằm cấp cứu ở bệnh viện nào!... Tôi nhìn quanh quất tủ thuốc bên mình và đâu cũng thấy những gương mặt Quý, Sáng và bao nhiêu con nghiện khác lúc nguyên vẹn lúc méo mó./.

Cổ tích cho người đang yêu

“Một vùng như thể cây quỳnh cành giao....”

NGUYỄN DU

Xưa kia, ở một vương quốc nọ, nhà vua trị vì hiêm con trai và đến lúc ông về già, hoàng hậu mới sinh cho nhà vua một hoàng tử. Từ lúc lọt lòng, hoàng tử là cậu bé bụ bẫm, khôi ngô. Lớn lên, được sự chăm sóc cẩn thận, hoàng tử trở thành một chàng trai sức vóc tráng kiện, song tính tình lại khiêm nhường, cử chỉ hào hoa. Vua cha lúc ấy đã quá già yếu nên muốn sớm kén vợ cho hoàng tử. Trong triều và khắp vương quốc có biết bao tiểu thư

khuê các, dòng dõi trâm anh thế phiệt, song nổi bật hơn cả vẫn là tiểu thư con gái yêu của quan tể tướng. Nàng kiều diễm, tài sắc hơn người và rất mực quyền quý. Do sự tác thành của vua cha và quan tể tướng, hoàng tử và tiểu thư chỉ còn đợi ngày lành tháng tốt là triều đình tổ chức hôn lễ.

Hoàng tử vốn có lòng ham mê câu cá từ khi còn nhỏ. Những chiều buồn, chàng thường ra con sông cách kinh thành không xa lắm buông cần câu cá. Một chiều như thế, khi ánh tà dương chỉ còn sót lại vài tia yếu ớt trên mặt sóng thì một con thuyền đánh cá cặp bờ gần nơi hoàng tử ngồi câu. Bác ngư dân buộc thuyền, thông thả lên bờ, miệng khe khẽ ca một bài vui nhộn. Vừa lúc đó, trên bờ sông, ngay phía sau chàng vang lên giọng con gái vẻ mừng rỡ:

- A, cha đã về. Cha có đánh được nhiều cá không?
- Nhiều lắm. Con gái yêu của ta ạ!

Hoàng tử ngoảnh lại nhìn thì chàng bắt gặp một thiếu nữ trẻ măng, ăn vận xênh xoàng nhưng vóc dáng và gương mặt tuyệt đẹp. Thân thể thiếu nữ toát ra vẻ quyền rũ lạ kỳ, khiến chàng ngây ngất. Người ở đâu ra mà đẹp làm vậy, hoàng tử thầm nghĩ. Còn thiếu nữ thì làm sao mà biết được chàng trai câu cá, đắm đuối nhìn mình kia lại chính là hoàng tử, song nàng cũng có thiện cảm. Thấy chàng trai cứ dõi mắt theo mình, cử chỉ nàng sinh lúng túng, má đỏ bừng lên. Nàng khẽ mỉm cười, nhìn lảng đi nơi khác và sau cùng, nàng chống thẹn bằng cách hỏi cha những câu vô nghĩa và ào xuống mạn thuyền giúp cha chuyển cá lên bờ. Khi bác ngư dân quảy gánh cá ra về thì thiếu nữ còn cố nán lại bờ sông. Nàng tha thẩn hái những bông hoa dại, mắt lén nhìn về phía chàng trai. Không thấy có ai, chàng trai đánh bạo đến gần nàng:

- Hỡi tiên nữ xinh đẹp, nàng từ cõi nào sa xuống vậy?
 - Tiên nữ ư? Không phải đâu, chàng nhầm rồi, em chỉ là con gái nhà ngư dân.
 - Không. Ta không nhầm đâu. Với thiên hạ, nàng là gì ta không cần biết, nhưng với riêng ta, nàng là tiên nữ từ chốn bồng lai tiên cảnh giáng thế. Hỡi tiên nữ của lòng ta!
 - Thế chàng là ai? Từ đâu tới mà nói năng hoa mỹ làm vậy? Nàng đánh bạo hỏi lại.
 - Ta là hoàng tử.
 - Ôi, hoàng tử - Thiếu nữ kêu lên và cười khanh khách vì tưởng chàng câu cá đùa giỡn mình – Chàng là hoàng tử thật sao? Hoàng tử thì thiếu gì cao lương mỹ vị mà phải đi câu cá thế kia?
 - Nàng không tin à? Ta chính là hoàng tử. Nàng nhìn thật kĩ lại xem. Ta đi câu cá chẳng qua vì ham thích. Câu được cá lên ta lại thả chúng về với sông nước.
- Khi nhận ra đúng chàng trai câu cá là vị hoàng tử nổi tiếng thì thiếu nữ ngư dân e sợ, vội vàng lánh tránh:
- Thôi chào hoàng tử, em phải về kéo cha mẹ đợi lâu lại mắng
 - Xin nàng hãy nán lại, ta xin được tỏ nỗi lòng cùng nàng.
 - Ấy chết – Thiếu nữ hoảng hốt – Hoàng tử thiếu gì cung tần mỹ nữ. Em phải về đây.

Nàng rảo gót chạy theo người cha đã khuất bóng. Hoàng tử còn lại một mình, thờ thẩn, ngơ ngẩn vì yêu, cứ tần ngần mãi bên bờ sông, không thiết gì đến câu cá, mà cũng chẳng muốn về.

Sau buổi chiều ấy, chiều nào hoàng tử cũng ra bên sông để được thấy mặt thiếu nữ ngư dân xinh đẹp. Lúc đầu nàng còn sợ không dám ra đón cha

mình, nhưng rồi nổi e sợ mất dần, nàng trò chuyện cùng chàng và đem lòng yêu nhau say đắm. Hoàng tử thề thốt một lòng lấy nàng, song trong thâm tâm, chàng sợ vua cha không đồng ý. Còn thiếu nữ, nàng không tin rằng hoàng tử sẽ lấy mình nên khi thấy chàng thề thốt thì nàng xin chàng đừng làm như vậy, bởi nàng mơ hồ cảm thấy, tình yêu của họ chỉ đem lại bất hạnh cho cả hai.

Gần đến ngày cưới mà mặt mày hoàng tử rầu rĩ, héo hon. Thấy vậy, tiểu thư con quan tể tướng gặng hỏi, nhưng chàng không trả lời. Tiểu thư tìm hiểu thì được biết chiều nào chàng cũng mất hút khỏi hoàng cung. Tiểu thư bèn cải trang theo dõi và nàng đã tận mắt chứng kiến cảnh chàng cùng thiếu nữ ngư dân cùng nhau tình tự và than thở nơi bờ sông khuất nẻo. Tiểu thư cuồng điên bởi lòng ghen tuông và bèn tìm đến một phù thủy có pháp thuật cao cường, dâng vàng bạc xin giúp sức.

Hoàng tử và thiếu nữ ngư dân nào biết chuyện. Cũng như mọi chiều, chàng lại ra chỗ hẹn. Từ xa, chàng đã thấy người yêu đứng chờ. Nàng quay lưng lại phía chàng, mắt hướng ra dòng sông hiu hắt. Đến gần hơn, hoàng tử dừng lại chiêm ngưỡng. Nàng đứng đó, dáng vẻ yêu kiều, tuyệt mỹ khiến hoàng tử run lên vì yêu và trái tim thổn thức. “Ta yêu nàng biết mấy”, hoàng tử thốt lên và khe khẽ đến bên nàng:

Kìa, tiên nữ của lòng ta!

Ôi, hoàng tử tuyệt vời của trái tim em – Nàng đáp lời.

Nàng ngoảnh lại với chàng, thì chợt nàng thấy mặt hoàng tử tái đi và chàng hoảng hốt thực sự:

Ôi, người là ai khủng khiếp làm vậy?

Em đây! Tiên nữ của chàng đây!

Nàng tiến thêm một bước về phía chàng , dang rộng cánh tay chờ đón chàng lao vào như mọi khi, song hoàng tử lùi lại, thét lên:

Không. Người là ma quỷ hiện hình.

Và chàng quay người, bỏ chạy. Nàng kinh ngạc, không hiểu, đuổi theo:

Hoàng tử chàng ơi! Em đây mà!

Nhưng hoàng tử cắm đầu chạy không hề ngoảnh lại và miệng thì luôn kêu “không!”. Chỉ loáng thôi, chàng đã khuất bóng. Nàng đau đớn, quay lại bờ sông. Nàng đến bên dòng nước, soi mình xuống, thăm nghĩ, vẫn ta đây, vẫn gương mặt ấy, thân hình ấy, thế mà chàng hất hủi ta. Chắc là chàng sắp cưới con quan tể tướng như mọi người đang đồn đại, nên chàng nghĩ ra vậy để xua đuổi ta. Chỉ thương cho ta quá yêu chàng và ngây thơ đến mức tin tưởng vào tình yêu của chàng. Mà ta là ai nhỉ? Con một kẻ ngư dân nghèo khó. Nàng lủi thủi ra về.

Chiều hôm sau, tuy còn sợ, nhưng chàng vì quá nhớ nhung thiếu nữ ngư dân, bèn lần ra bờ sông. Nàng vẫn đứng chờ, yêu kiều, tuyệt mỹ. Song nàng quay lại thì chàng lại thấy gương mặt ma quái. Chàng sợ hãi, song cố trấn tĩnh để không bỏ chạy, nhưng gương mặt chàng vẫn biểu lộ sự hoảng hốt. Nàng giật dỗi quay phắt đi và bất chợt nàng thấy mặt sông hắt bóng một cô gái có gương mặt xấu xí: “Ai đây? Phải chăng đó là ta?” – Nàng kêu thầm lên. Khi nhận đúng là hình bóng của mình thì nàng khóc nức lên. Khóc như mưa như gió. Sầu thảm. Hồi lâu, nàng nhớ ra và ngoảnh lại thì chàng đã bỏ đi từ bao giờ. Nàng buồn rầu soi mình xuống bóng nước ngỡ bắt gặp gương mặt xấu xí, thì ô hay, mặt nước lại in hình gương mặt xinh đẹp tuyệt vời của nàng. Chao ôi, ta bị làm sao thế này?

Nàng ngồi bệt xuống vạt cỏ, khóc hết nước mắt, cho đến khi bóng đêm bao phủ mặt sông. Chợt nàng thấy một ông lão râu tóc và áo quần đều một màu trắng toát.

Người là ai? Có phải ma quỷ không? Nàng hỏi

Ta là vị thần của con sông này. Thấy con khóc lóc, ta động lòng thương xót, bảo cho con biết rằng, con đã bị con quan tể tướng, vị hôn thê của hoàng tử vì ghen tuông đã nhờ một vị phù thủy phù phép biến mặt con thành dị dạng mỗi khi con gặp mặt hoàng tử.

Khủng khiếp quá – nàng kêu lên – Nhưng con và chàng yêu nhau thắm thiết. Chàng đã thề thốt lấy con làm vợ.

Ta biết thế, song mỗi khi gặp con, nhìn thấy gương mặt con xấu xí như quỷ hiện hình làm chàng sợ hãi. Nỗi sợ đã giết chết tình yêu.

Vậy thần có cách nào giúp con không?

Pháp thuật của phù thủy này cao cường lắm, ta không phá nổi.

Con cứ mang khuôn mặt xấu xí suốt đời sao? Nhưng thần ơi, không còn sắc đẹp nhưng con còn sự trinh bạch?

Thần sông lặng nhìn nàng không nói.

Con còn lòng nhân hậu.

Thần sông vẫn lặng lẽ.

Vậy thần bảo con bây giờ con phải làm gì?

Ta có một cách giúp con nhưng chẳng biết con có ưng thuận hay không?

Thần nói đi. Dù thế nào con cũng cam chịu, miễn sao con xinh đẹp lại và được ở bên chàng mãi mãi.

Được, ta sẽ giúp. Bây giờ con hãy gieo mình xuống dòng sông này.

Con phải chết sao? Nàng sợ hãi kêu lên.

Chỉ có cách ấy thôi con ạ. Con hãy lựa chọn!

Con không sợ chết – Nàng quả quyết sau hồi lâu nghĩ ngợi – Nhưng con còn cha con? Con chết đi, cha con biết nương tựa vào đâu.

Ta sẽ ban phép cho cha con luôn đánh được nhiều cá.

Vậy là con có thể yên tâm và xin vâng lời thần.

Thần sông biến mất. Còn lại một mình, nàng mới thấm nỗi đau phải hóa sinh. Nàng yêu cuộc sống bao nhiêu. Nàng lưu luyến nó. Nhưng sống trên đời nàng không còn nhan sắc, nàng chỉ có sự trinh bạch và lòng nhân hậu, song chàng lại không cần những thứ ấy. Chàng cần sắc đẹp kia.... Sau khi chúc phúc cho cha, nàng gieo mình xuống dòng sông. Lạ kỳ thay, dòng sông đang thâm đen, sầu thảm bỗng sáng bừng lên và những con sóng mềm mại dâng lên nhẹ nhàng lặng lẽ ôm ấp thân thể người thiếu nữ ngư dân tuyệt sắc, dịu hiền vào lòng mình.

Chờ mãi không thấy con gái về, bác ngư dân mò mẫm suốt đêm đi tìm và đến tận rạng sáng bác mới vớt được xác con, bèn chôn cất ngay bên sông nơi nàng thường ngày ra đón bác mỗi buổi chiều hôm thuyền cá trở về. Lạ kỳ thay, từ mộ nàng mọc lên một loài cây lạ không có thân cành mà chỉ toàn những chiếc lá to xanh, mềm mại yếu đuối. Vì buồn phiền và muốn rời bỏ nơi cay đắng, bác ngư dân bèn đánh loài cây lạ trên mộ con gái mang xuống thuyền xuôi mãi về hạ lưu, dựng lều sinh sống.

Còn hoàng tử, sau khi bỏ chạy khỏi bờ sông, chàng trầm nghĩ. ma quỷ đã cướp mất người yêu xinh đẹp của ta lại còn hiện hình định ám hại ta nữa sao. Ngày tháng làm nỗi nhớ thương người ngoại, và ngày lành tháng tốt đã đến, chàng cưới tiểu thư con quan tể tướng làm vợ. Niềm vui giao duyên qua đi

nhANH chóng, tự sâU kín tâm hồn, nỗi nhớ thương thiếu nữ ngư dân lại cuộn lên trong chàng và vì thế mà nhiều khi chàng sinh thần thờ, ngơ ngẩn như người mất hồn. Một đêm ngủ, chàng được nàng về báo mộng và khi tỉnh giấc thì trời vẫn chưa sáng, vợ chàng vẫn ngủ say sưa. Chàng lên ra khỏi giường, lẩn mò đi như trong mộng về phía bờ sông nơi trước đây hai người thường hẹn nhau. Không có gì ngoài một mô đất nhỏ và linh tính cho chàng biết đây chính là mộ nàng. Chàng ngồi ôm ngôi mộ khóc, rồi theo bờ sông xuôi mãi. Trời sáng và trời lại xẩm tối. Qua một ngày, đói khát và mệt mỏi, chàng lả đi và vừa lúc ấy chàng thấy thấp thoáng ánh lửa vạn chài. Theo ánh lửa, chàng đến một ngôi lều đánh cá. Chàng không thể nhận ra người ngư dân tiều tụy, già nua ngồi trước mặt chàng lại là bác ngư dân vui vẻ ngày nào, bởi nỗi đau khổ và sự cô đơn đã phủ thêm màu bạc lên mái tóc, chòm râu, màu đen xám lên làn da và vẻ sương khói, lên con mắt tinh anh ngày nào. Người ngư dân đón tiếp chàng tử tế, nướng cá cho chàng ăn, rót rượu cho chàng uống và khơi hồng thêm bếp lửa cho chàng sưởi. Chợt chàng nhìn thấy cây lạ được trồng trong chiếc chậu sứ mẻ. Chàng bèn hỏi. Người ngư dân nhìn ngọn lửa bập bùng, điềm tĩnh:

Đó là loài cây mọc trên mộ con gái ta

Bác có con gái... và con bác đã chết rồi sao ?

Chàng đến bên , khẽ vuốt ve những tàu lá mềm mại, thì nhận thấy ở nách lá trổ ra một bông hoa to, cuống dài, tua màu đỏ tía, cánh trắng muốt. Khi bàn tay chàng khẽ chạm vào thì bông hoa từ từ hé mở, những cánh hoa thanh mảnh, trong trắng tỏa hương dịu nhẹ.

Chào hoàng tử của lòng em!

Ôi, đúng là tiếng nói của nàng – Chàng kêu lên.

Tiếng nói của con gái ta – Bác ngư dân sững sốt

Em đó! Bông hoa khê rung rinh.

Tiên nữ của lòng ta đấy ư?

Bông hoa kể hết nỗi niềm cay đắng mà nàng đã trải qua.

Thật ư? Ta quá vô tình đến thành phụ bạc – Chàng hối hận.

Được vị thần sông cứu độ, em mới thành thể này. Giờ thì em chỉ được gặp chàng vào ban đêm. Chỉ trong bóng đêm em mới xinh đẹp, trong trắng như xưa. Chàng hãy nhìn xem... Bông hoa này đây... hoa chính là trái tim tinh khiết, trinh bạch của em dành cho chàng đó.

Ta yêu nàng biết bao nhiêu.

Chàng kêu lên và từ khoeo mắt chàng ứa ra những giọt nước mắt chan chứa yêu thương. Thật kì diệu, khi những giọt nước mắt của chàng nhỏ xuống chậu hoa thì từ đó mọc ngay lên một loài cây lạ khác không có lá mà chỉ toàn thân cành xanh biếc giao nhau quấn quýt. Cây hoa yếu đuối liền tựa vào và những tàu lá yếu đuối tha thướt luồn vào thân cành của loài cây kia như thể chỉ có một loài cây vậy.

Bác ngư dân nghe hết lời thoại của chàng trai lạ với bông hoa thì hiểu rằng chàng trai này chính là hoàng tử con gái mình yêu. Chính vì chàng ta mà con gái mình phải chết. Mắt bác ngư dân long lên vì căm giận. Song nhìn đáng vẻ đau đớn đến tột độ của chàng trai, nhìn mái đầu xanh của chàng gục xuống và nhất là khi chứng kiến sự xuất hiện của loài cây lạ từ những giọt nước mắt của chàng thì bác ngư dân hiểu được chàng trai kia cũng cùng cảnh ngộ như bác. Nỗi căm giận dịu đi, bác ngư dân khê đặt bàn tay thô ráp của mình lên vai chàng, lựa lời khuyên giải:

Đau khổ thể là đủ rồi con ạ! Sự phiền muộn chỉ làm lòng thêm yếu đuối.

Hãy cứng cỏi lên, cả vương quốc đang chờ con.

Chàng ngược nhìn bác ngư dân lòng chứa chan sự biết ơn.

Sớm hôm sau, hoàng tử ngỏ ý muốn đưa bác về triều để phụng dưỡng, song bác một mực chối từ, bởi bác vốn quen với lao động và yêu mến cảnh sông nước phóng khoáng, nên sẽ không chịu nổi cảnh nhàn rỗi nơi lầu son gác tía. Hoàng tử xin đưa chậu hoa về triều và xin được chu cấp cho bác đầy đủ.

Vua cha mất đi, Hoàng tử được kế vị. Chàng là vị vua anh minh, hiền đức. Chàng phong cho vợ là hoàng hậu. Thế nhưng, sống bên hoàng hậu chàng chỉ là một thân xác không hồn, bởi trái tim và tâm hồn chàng đã theo những giọt nước mắt biến thành loài cây toàn thân cành mà không có lá, làm chỗ dựa cho loài cây lá mềm yếu, hoa trắng tinh khiết và dịu thơm chỉ nở về đêm, hiện thân của thiếu nữ ngư dân, người yêu chàng.

Hai loài cây lạ ấy sống mãi với đời. Và ngày nay, người đời quen trông chúng bên nhau.

Đất dịu dàng

Làng Giải Oan nằm uốn mình theo thế cong của một con sông nhỏ. Đã như thế từ nghìn đời nay. Chỉ có điều là số người cứ ngày một đông thêm dù trải qua bao biến cố của lịch sử. Giờ đây, chiều dài của làng dễ hơn hai cây số.

Từ xa nhìn về làng thấy dáng của một con rắn khổng lồ. Chẳng hiểu thế đất có ảnh hưởng đến tính cách con người hay không, song từ xưa đến nay, dân quanh vùng đều đồn nhau rằng người làng Giải Oan khôn ngoan, tinh ranh, nanh nọc như loài rắn.

ở khoảng giữa làng, kề với bờ sông có một khoảng đất vuông vức rất đẹp. Trên mảnh đất ấy xưa chỉ có hai gia đình sinh sống, đó là nhà ông Đồ Sinh và ông Bát. Tuy xấp xỉ tuổi nhau nhưng xét về họ hàng xa thì ông Đồ Sinh là vai chú. Ông Đồ Sinh đã vài lần lều chõng đi thi nhưng không đỗ, buồn đời mở lớp dạy học và nuôi dạy hai con, một trai, một gái. Còn ông Bát nhà có vài ba sào ruộng, quanh năm cấy cày, lúc nhàn rỗi thì hai vợ chồng đi làm thuê cho nhà khác trong làng. Thường là bà Đồ mượn hai vợ chồng ông Bát làm ruộng cho nhà mình. Tuy quan hệ chủ tớ nhưng được cái ông Bát nhanh nhẹn, khéo mồm và ông bà Đồ Sinh cũng dễ dãi nên chuyện công xá xuê xoa.

Vợ chồng ông Bát có hai người con trai, người anh cả là Tông khá xảo quyệt, ngược lại cậu em tên Tường lại ù lỳ, cục mịch, thêm tật nói ngọng. Vì nhà có hai con trai nên ông Bát luôn để tâm đến việc mở rộng thổ cư để sau này xẻ đôi cơ ngơi cho mỗi con một nửa. Những mùa sông cạn nước, ba cha con ông Bát hì hục lấy đất ở lòng sông cạp bờ lấn ra sông, đến nỗi sau mấy năm liền như vậy khúc sông ấy hẹp lại thắt eo bụng rắn. Chưa hết, thấy ông bà Đồ Sinh dễ dãi, ông Bát còn thủ tâm lấn sang đất nhà ông bà Đồ. Một đêm mưa rét, ông Bát trở dậy, lay Tông và thì thầm điều gì đấy vào tai nó. Hai cha con mở cửa ra ngoài, mang theo chiếc thuổng đào đất. Khi cả hai đứng bên cạnh chiếc mốc đá đánh dấu ranh giới giữa hai nhà mới tần ngần không biết nên làm thế nào. Tông thì thào: "Đào phéng nó lên, quãng xuống sông cho mất tích rồi sau lần hàng rào dần". Còn ông Bát lại bảo: "Mày ngu thế. Mất mốc thì ông bà Đồ biết ngay. Tốt nhất là dịch chuyển mốc". Cứ thế,

hai cha con dùng dằng mãi mỗi người một ý, không ai chịu ai. Thế rồi vắng lại từ phía xa trên đường làng có tiếng chân người bước, hai cha con ông Bát vội bỏ về nhà, quên mang theo chiếc thuổng.

Mờ sáng hôm sau, ông Bát dậy rất sớm, mò ra chỗ hòn mốc. Lạ thay, hòn mốc đá đã biến mất, chiếc thuổng của nhà ông vẫn cắm phập ở đấy. Hòn mốc không còn mà chỗ đất chân mốc lại không có dấu vết gì của sự đào bới. Sờ tay xuống chỗ đất đó ông Bát cảm thấy bình thường cứ như là chưa bao giờ có hòn mốc ở đó. Trở vội vào nhà, ông Bát gọi Tông dậy, lôi ra chỗ mốc chỉ cho xem. Tông cũng ngạc nhiên không kém gì cha. Chợt Tông ứ ớ kêu lên. Nhìn theo tay chỉ của con, ông Bát thấy rõ ràng là hàng rào ranh giới như có sự chuyển dịch tự nhiên về phần đất của nhà ông Đồ Sinh. Hai cha con bàng hoàng cứ ngỡ như nằm mơ. Nhưng không, cả hai đều tỉnh, và rõ ràng đất nhà mình rộng hẳn, còn đất nhà ông Đồ Sinh hẹp lại. Hai cha con nửa mừng nửa lo kéo nhau về.

Mãi mấy ngày sau, bà Đồ Sinh mới phát hiện ra hòn mốc bị mất nhân một lần dọn hàng rào. Ai động vào đây, nếu không phải cha con nhà lão Bát? Không phải một mà nhiều lần, bà Đồ Sinh bắt gặp lão Bát lén ngấm cơ ngơi, vườn tược nhà bà một cách thèm thuồng. Nhưng chẳng lẽ lại hỏi thẳng lão ta à. Nghĩ hồi lâu, bà Đồ Sinh bèn bước vào sân nhà lão Bát vui vẻ hỏi:

- Này ông Bát, ông hỏi xem có phải thằng cu con nhà ông nó chơi nghịch đào mất hòn đá mốc hàng rào không? Nếu cháu nó chót nghịch vứt đâu thì bảo mang về mà chôn lại, kéo để lâu hàng xóm láng giềng mất lòng nhau.
- Không đâu cụ ạ. Thằng cu Tường nhà cháu ù lì, vừa điếc vừa ngọng biết gì đâu mà chơi đùa như thế - Ông Bát vội phân bua.

Thấy vậy Tông hứa theo cha:

- Thừa cụ là đúng đấy ạ. Em cháu nó biết gì. Chắc là đứa nào đẩy thôi... Hay là hai cụ bên ấy lại nghi cho nhà cháu lấn đất? Nếu vậy thì nhà cháu xin

thề...

- Thằng cháu nó nói vậy, nhà cháu sinh bần khoản. Chẳng lẽ hai cụ lại nghĩ là...

- Thôi thôi - Bà Đồ Sinh ngăn lại - Tôi có nói gì đâu, nghĩ gì đâu. Không phải thề bồi gì cả.

Thì ra ông Đồ Sinh đã đứng ở bên kia hàng rào nghe hết chuyện và đến lúc ấy ông thủng thảng vọng sang:

- Đừng thề gì. Trời đất linh thiêng lắm. Lòng dạ ai thế nào trời đất biết cả.

Thôi chuyện xem như chẳng có gì... Mà bà ạ - ông Đồ Sinh nói với vợ - Cần gì mốc. Người xưa nay dạy là "đất có thổ công, sông có hà bá" mà...

- Thừa hai cụ là nhà cháu mà có lòng tham định lấn đất của bên ấy thì trời chu đất diệt - Ông thề thống thiết.

Còn ông Bát thì cứ loanh quanh, miệng mấp máy mà không thành lời.

*

* *

Thời gian trôi qua, ông bà Đồ Sinh khuất bóng. Người con trai duy nhất là Kinh ra thành phố làm công chức, thỉnh thoảng về quê thấp hương, còn người con gái lấy chồng nhà giàu làng bên thảng đôi lần đảo qua quét tước, thăm nom vườn tược. Ông Bát cũng qua đời sau khi cưới được vợ cho Tông. Đất nhà chia làm đôi, vợ chồng Tông ở phía trong, bà Bát và cu Tường ở nhà cũ.

Vợ Tông không kém gì chồng về khoản mồm mép. Mụ thành danh đồ mỗ. Đến miệng lưỡi liến láu như Tông còn nhiều khi phải chịu. Họ có ba con, một trai đầu lòng và hai gái. Cu Tường lớn lộc ngọc nhưng vì điếc, ngọng nên gái làng chê. Mãi đến gần thời cải cách ruộng đất, một bà ở làng hay đi chợ búa đây đó dẫn về một cô gái lạ lưu lạc, gán cho. Thế là Tường có vợ. Vợ Tường xinh ra trò, kiêu cách lại có vẻ hoa nguyệt. Tường mừng còn hơn

bắt được của, và đi đâu cũng lấp bắp khoe mình có vợ đẹp. Nhưng rồi mãi mà vợ Tường chẳng chữa đẻ gì. Trong khi đó, mẹ thành danh đỗ mở nhà Tông đẻ sòn sòn, vì thế mẹ bắt đầu chê bai vợ Tường không biết đẻ. Đi đến đâu mẹ cũng rêu rao rằng: "Ngũ ấy đẻ gì. Rồi có mà tiết giống. Sau này đến phải nhờ thằng cu nhà này cúng hộ thôi". Rồi mẹ bày tỏ sự thèm muốn chiếm nốt phần đất cha mẹ chồng dành cho Tường. Nhưng rồi mẹ lại không sống được để thực hiện ý đồ. Trong một lần bắt cua mò ốc, gặp trời mưa, mẹ chui vào chiếc quán giữa đồng cùng với mấy người khác để trú mưa. Sét đánh xuống cây gạo trước cửa quán. Mẹ ngồi ngoài cùng nên toác đầu chết ngay lập tức. Những người khác ở phía trong nên chỉ chết ngất đi, rồi sau tỉnh lại. Tông góa bụa, sống cảnh gà trống nuôi con. Người làng đồn Tông có tướng sát vợ nên tránh xa y. Mấy lần Tông nhờ mẹ đi hỏi đám này đám khác quá lứa nhưng hết thấy đều chối từ.

Vợ Tông chết thì vợ Tường lấy làm sung sướng, bởi không còn lo lắng gì nữa. Vốn mềm mỏng, khéo léo, vợ Tường chăm chút cho ba đứa trẻ mồ côi lúc tắt lửa tối đèn. Nhưng rồi anh em Tông, Tường bắt đầu hục hoặc với nhau. Tường cục mịch hay ghen. Vợ lại mỏng mảy hay hạt, tính tình xởi lởi. Vì thế, cứ mỗi bận vợ tắm tấp hoặc cho quà mấy đứa con của Tông là Tường lại nổi máu làm bầm chửi vợ. Và hễ vợ cãi lại là Tường thượng cẳng chân hạ cẳng tay làm vợ thâm tím mặt mày. Thực ra Tường không ghét bỏ gì đứa cháu mà chẳng qua Tường không tin Tông, Tường đã nhiều lần nói với mọi người rằng mặt Tông trông gian lắm. Có một lần đứa bé út nhà Tông bị ốm, Tông loay quanh chẳng biết làm gì, vợ Tường thương cháu lấy cỏ nhọ nổi đánh gió cho cháu. Nó dịu sốt nhưng hễ vợ Tường đặt nó xuống giường để ra về thì nó lại khóc thét lên. Mãi đến khuya vợ Tường mới lừa được nó về nhà mình. Tường nổi điên cho là vợ bị Tông dụ dỗ để tăng tị. Tường đánh vợ thất điên bát đảo, rồi lấy dao chặt phăng ngón tay út của mình và thề

độc rằng: "Lần sau mà như thế này nữa thì tao chém cả mày lẫn thằng Tông". Vợ Tường nhìn ngón tay út của chồng văng ra thì rú lên chui vào gầm giường để trốn. Bà mẹ cuống cuống xé vạt váy của mình để băng tay cho Tường. Tông ở nhà mình nghe thấy hết và biết là Tường nghi ngờ và đánh oan vợ song hấn cũng sợ sự hung bạo điên cuồng của Tường mà chẳng dám sang can. Thực ra, Tông cũng thích vợ Tường thật. Hấn thích từ lúc vợ hấn còn sống kia, nhưng vì sợ con vợ thành danh đỏ mỏ nên đành chịu. Từ khi vợ chết, lại thấy vợ Tường hay đi lại chăm sóc mấy đứa con hấn thì hấn nuôi chí chiếm đoạt vợ Tường. Hấn biết vợ Tường hay tắm vào ban đêm lúc hạ oi nồng. Bể nước mưa nhà Tường lại ở ngay kề hàng rào khúc gần giáp với nhà hấn. Và thế là cứ đêm về, hấn nằm ru mấy đứa con ngủ và đôi tai chuột của hấn cứ dỏng lên. Hễ nghe thấy tiếng nước róc rách là hấn vùng dậy, rón rén đến sát tường rào, vạch lá khúc tần nhìn sang. Đêm sáng trăng hấn nhìn thấy da thịt vợ Tường nõn nà, hai bầu vú thây lầy thì hấn thêm lắm. Đã có lần hấn định vạch rào chui sang nhưng lại sợ vợ Tường kêu lên, đành nuốt nước miếng chịu thêm. Lúc trở về giường ngủ, nhìn vào đâu hấn cũng chỉ thấy bóng hình vợ Tường nõn nà, kêu gọi. Hấn lèm bèm chửi thề: "Mẹ cha thằng Tường. Người nó như cục cứt mà sao lại vợ được con vợ ngon lành đến thế!".

Thêm muốn là thế nhưng sau lần này thì hấn tổn. Hấn kinh sợ thằng em ngu đần, điên khùng của mình. Song thâm tâm, hấn vẫn thêm muốn và nuôi ý định chiếm đoạt em dâu.

*

* *

Bao biến cố lịch sử dồn dập: hòa bình lập lại, giảm tô, cải cách, rồi lại chiến tranh... Những đứa con của Tông khôn lớn dần. Vợ chồng Tường vẫn chưa có con. Người làng đồn, lúc chưa lấy Tường, vợ Tường là gái hoa nguyệt

nên mắc bệnh gì đó rồi mất khả năng sinh con. Ông Kinh, con trai cụ Đồ Sinh, đang làm công chức ở Hà Nội, bỗng nhiên mang vợ con về quê sinh sống. Ông Kinh nói rằng về quê lánh đạn bom, những người làng thóc mách lại nói rằng ngày trước ông Kinh đánh gì đó với Tây nên bây giờ không được làm với nhà nước nữa. Bà con, họ hàng làng xóm người giúp cây tre, người giúp bó rạ, dựng căn nhà tường vách đất cho gia đình ông Kinh ở. Thật chẳng khác một vòng quay của sự chuyển dịch, ba gia đình lại sống bên nhau, nghèo khó, lấm lụi. Tuy vậy, ở với nhau một thời gian cũng sinh chuyện. Ông Kinh là người có học, nhường nhịn mọi người nên mọi chuyện cũng xuê xoa đi. Trong thâm tâm, ông Kinh ghét Tông bởi anh ta chỉ thon thót cái mồm nhưng tâm địa đen tối, ngược lại ông quý Tường vì anh ta cục mịch, chân chất và ngay thẳng. Nhưng không ngờ, từ sự quý mến đó lại vô tình dẫn đến cái chết thương tâm của Tường.

Chẳng là, gia đình ông Kinh nuôi một con chó cái đẻ giữa nhà. Con chó đẻ một bầy con. Tường sang chơi, thấy bầy chó con thì thích lắm. Tường thật thà bày tỏ: "Con không có tiền, khi nào bầy chó ăn cơm no, ông có bán cho con xin con còi nhất đàn". Ông Kinh vui vẻ đồng ý. Vì là chó còi nên nuôi mãi không lớn. Tường mang đi bán và thêm tiền bán mấy cái giò để mua một con chó khác về nuôi. Không may, lúc tìm mua chó, Tường bị một con cắn vào tay. Tường cũng chẳng để ý gì. Mấy tháng sau, nhân đám ma một cụ già ở làng, Tường đi đưa đám trở về, chiều thấy người gầy gầy. Rồi Tường hung hãn dần lên, sợ nước, sợ gió, sợ lửa... Vợ Tường thấy thế sợ quá, tru tréo lên làm cả xóm đổ đến. Mọi người gắng mãi, Tường mới chịu nói là bị chó cắn hồi nào. Có người bảo lấy hạt đỗ xanh cho Tường ăn, nếu thấy ngon, thấy bùi thì đúng là điên. Tường dốc cả vốc đỗ xanh vào miệng nhai và nuốt ngon lành. Thôi thế là hết. Cả đêm ấy Tường lòng lộn. Cả làng không ai ngủ được. Sáng hôm sau, Tường mặt lử, ngồi rúm trong góc tối.

Lại có người nói là lấy con dòi ở phân người sao vàng, sắc đặc cho uống may ra khỏi. Vợ Tường vì quá sợ nên ai bảo thế nào cũng nghe. Lúc đổ thuốc cho Tường, mọi người đều sợ Tường cắn. Nhưng rồi người ta cũng đề ngửa được Tường ra, cạy chiếc đũa cả ngang miệng để đổ thuốc. Tường cắn nát chiếc đũa, gãy cả răng, máu me đầy mồm. Đến chiều thì Tường quá yếu, chỉ còn nằm thoi thóp, chốc chốc lại nấc người lên để thở như có ai chẹt cổ. Lúc gần chết, Tường tỉnh hẳn, gọi vợ lại gần. Vợ Tường thương chồng nhưng cũng sợ không dám vào gần. Tường quát: "Ông không cắn đâu mà sợ. Ông sắp chết đây!" Vợ Tường đến bên chồng. Tường nhìn vợ hồi lâu rồi mặt cau lại, nhăn nhúm: "Tao chết thì ở vậy mà giữ nhà, giữ đất. Mà lấy đứa nào thì tao về tao bóp cổ chết cả hai". Vợ Tường khóc: "Khốn nạn cái thân tôi, long đong cả đời mà chẳng ra người. Đến nước này thì tôi còn thiết gì mà lấy chồng nữa hả trời".

Anh yên tâm mà nhắm mắt. Cũng chẳng bao lâu nữa tôi theo xuống với anh, để anh tiếp tục đánh tôi như ở dương gian". Tường nhìn vợ hài lòng: "Tao sẽ không đánh nữa đâu".

Làng xóm vừa thương xót, vừa buồn cười cho cái tính ghen quá đáng nhưng đầy tình yêu thương của Tường với vợ. Tường chết, đám ma Tường rất đông. Thực ra, người ta cũng chẳng yêu quý gì Tường nhưng cái chết kinh thiên động địa của Tường đánh thức lòng nhân từ trong mỗi con người. Ông Kinh thì luôn cảm thấy mình có lỗi trong cái chết của Tường.

Vợ Tường từ bấy héo mòn và bệnh tật cô đơn. Chị ta mất sau chồng mấy năm, Tông lấy vợ cho thằng con trai đầu. Nhường cho vợ chồng nó ở nhà mình, hẳn mang con ra ở nhà Tường, nói là nhang khói, giỗ tết cho vợ chồng Tường. Thằng Vên, con trai Tông có tính tật mắt từ nhỏ, đến lúc nó lấy vợ thì cái tính ấy càng tăng lên và nó theo phường đạo chích. Xóm làng liên tục xảy ra các vụ trộm cắp và phần lớn nó là thủ phạm, hay nó dắt khách về

trộm của người làng.

Bỗng một hôm Tông đi chợ phiên về dắt theo một người đàn bà ngoài ba mươi tuổi. Người này da dẻ hồng hào, mặt mũi khá đẹp, dáng người cao lớn, phốp pháp. Tông nói với làng xóm rằng người ấy là vợ mới của hắn. Nhưng chỉ mấy ngày sau khi người ta tấm tắc khen Tông lấy được vợ xinh đẹp thì người ta lại đồn ầm lên là cô vợ mới của hắn bị hủi. Để ý người ta thấy đầu các ngón chân của cô ta to tướng, sần sùi. Và thế là cô ta đi đến đâu, người làng cũng né tránh. Chẳng biết Tông có sợ bị lây hủi không nhưng hắn vẫn sống rất hòa thuận với vợ. Thằng Văn thì bô bô một cách công khai rằng cần phải đuổi cổ con hủi đi khỏi làng. Nó bị bố nó đe chém mới bớt mồm. Rồi cô vợ mới này to bụng. Người ta bảo: "Có đẻ ra thì cái giống ấy cũng hủi thôi". Nhưng bất chấp mọi lời nói xấu, thằng con trai do cô vợ mới của Tông sinh ra rất bụ bẫm, kháu khỉnh, Tông quý con lắm. Song một hôm Tông đi vắng về đến nhà thì cô vợ mới đã mang con đi đâu mất. Có người nói chắc là cô ta mang con tìm vào sống ở Trại hủi mãi tận miền Trung. Tông tức điên và lồng lộn như thú dữ đến hàng tuần, rồi hắn cũng dịu đi. Nhưng sau đó hắn không còn dẻo quẹo cái mồm nữa. Người làng kháo nhau rằng Tông quá đam mê cô vợ hủi khỏe mạnh nên bị ả ta bòn rút hết sinh lực, bởi hắn gầy rộc đến thành hom hem. Tông qua đời không kịp gả chồng cho hai con gái. Vợ thằng Văn đẻ con trai. Mụ chẳng biết làm gì. Suốt ngày bế con tha thân nơi chợ búa, lúc miếng bánh đúc chấm tương, lúc cái bỏng bột. Văn vẫn hành nghề đạo chích. Một lần hắn cùng gã bạn lên vào một nhà người ở làng bên không may cả hai thằng đều bị con chó của chủ nhà đớp cho. Thằng bạn bị vào mặt, còn Văn bị vào tay. Trộm cắp bị chó cắn xem như chuyện thường, nên chúng chẳng thèm để ý. Nhưng chỉ nửa tháng sau, gã bạn lên cơn điên dại mà chết. Lúc ấy Văn mới thấy sợ. Hắn không dám đến đưa đám gã bạn. Ngồi ru rú ở nhà, Văn biết rằng cũng sắp đến lượt hắn. Đêm về, hắn

đã cảm thấy khang khác trong người, nhưng máu đạo chích vẫn cuộn cuộn chảy trong huyết mạch hắn và quyết làm một mẻ thật to cho thỏa chí trước khi chết, cũng là tích góp thêm ít của để nuôi vợ đoảng và thằng con thơ dại của hắn. Lúc hắn ôm bọc đồ treo lên tường chuồn ra ngoài thì không hiểu vì sao hắn bị ngã xuống. Chủ nhà thấy động, hò nhau dậy bắt trộm. Khi đèn đuốc soi rõ vào mặt hắn thì người ta thấy mắt hắn trợn lên, mồm đầy dãi và hắn co rúm người lại, tru lên như chó bị đường cùng, răng nhe ra chực cắn. Người ta trói hắn mang nhốt vào kho của hợp tác xã để hôm sau nộp công an. Nhưng rồi thấy hắn lên cơn như người bị chó dại cắn, người ta sợ quá buộc chặt hắn lại đưa về nhà hắn. Thấy vậy, vợ hắn tru tréo ầm ĩ vu là họ đánh chết chồng mình. Hắn điềm nhiên bảo: "Không. Họ không đánh tao. Tao bị điên đấy. Chó dại cắn tao. Tao sắp chết. Tất cả chúng mày xéo ngay ra ngoài kéo tao lên cơn cắn chết hết". Và sau đó, hắn chết thảm thương. Nhìn cảnh hắn chết, cả làng xóm, trước đây ghét hắn vì hắn trộm cắp chẳng từ ai, nay bỏ qua hết. Người ta tha thứ nhưng không biết khi hắn từ giã cõi đời có thanh thân hay không?

Chồng chết, vợ Văn không người chu cấp. Vợ chẳng biết làm gì. Vợ đói, con vợ đói và vợ bắt đầu trộm cắp. Hai đứa em gái Văn chẳng ma nào ngó ngang tuy chúng không đến nỗi xấu xí, song quanh vùng biết cảnh nhà nên người ta tránh. Chúng bàn nhau bỏ nhà lên mạn ngược sinh sống và nghe đâu lấy được chồng, rồi lập nghiệp luôn ở đó. Vợ Văn chẳng mấy quan tâm đến đứa con. Nhiều hôm sau đi đâu, nhốt và bỏ đói con ở nhà. Hàng xóm thương tình cho ăn. Ông Kinh thấy vậy thở than. "Thật chúng chẳng biết quý người. Trộm của, bỏ người". Đứa bé ốm đau không được chạy chữa gì. Nó chết, mẹ nó định bó chiếu. Hàng xóm thương tình góp gỗ mảnh đóng cho nó chiếc quan tài gỗ. Vợ Văn còn lại một mình. Vợ rao bán đất nhưng người làng bảo đất ấy dữ, hại chủ nên có rẻ cũng chẳng ai dám mua. Vợ bỏ

nhà chẳng thêm khóa mà nhà mù đầu có gì để phải giữ. Có khi mù biệt đi đến vài tháng mới thấy lại vắng vẻ. Rồi nghe đầu mù đau ốm, bị đòn chịch chết dúi ở đâu chẳng ai hay.

Ông Kinh cũng qua đời. Tính ông vốn cả nghĩ, lại cộng thêm sự lao lực để nuôi mấy đứa con ăn học, nên chẳng thọ được đến cái tuổi "xưa nay hiếm". Mấy đứa con ông ăn học thành tài ra thành phố lập nghiệp cả. Bà Kinh cũng ra ở với con.

Thế là cả khoảng đất ven đường lại ven sông ấy bỏ không.

*

* *

Suốt một thời gian dài không có người ở chăm chút, ba căn nhà vách đất tre rạ ấy, mái trũng xuống, tường đất lở, sân gạch đầy rêu và lá mun. Hàng rào khúc tần bị tơ hồng quấn lụi đi. Cây cối trong vườn tới mùa chỉ thừa thớt quả. Chỉ cỏ dại là tốt bời bời.

Người làng, ai đi ngang qua cũng tiếc mảnh đất vuông vắn, tiện đường xá lại bị bỏ hoang. Thi thoảng, nhân chuyện gì đó, người ta cũng nhắc đến những con người đã từng sống trên các mảnh vườn ấy.

Một hôm, có một thằng bé chừng hơn chục tuổi, vận bộ quần áo tuy sờn cũ nhưng sạch sẽ, khoác chiếc tay nải. Nó hỏi thăm vào làng Giải Oan. Nhưng khi nó hỏi đến nhà ông Tông thì người ta ngạc nhiên song cũng chỉ đường cho nó. Thằng bé đi vào vườn của hai nhà Tông, Tường. Đứng ở sân, nó cất tiếng gọi nhưng không có ai trả lời. Nó cứ tần ngần mãi không biết nên đi hay ở. Lúc nó quay ra thì đã thấy phía ngoài đường làng bên hàng rào khúc tần lở nhô người đứng. Họ chỉ trỏ và nói gì đó với nhau. Nó định hỏi họ nhưng không biết sẽ phải hỏi như thế nào. Chợt nó nghe thấy một người nói: "Đúng là con của lão Tông với mù hủ ngày nào". Một người khác tiếp theo: "Hôm qua cậu con trai ông Kinh từ Hà Nội về nói là hiến mảnh đất để xây

nhà thờ họ". Nó không hiểu hết những lời họ nói nhưng nó nhìn thì thấy nét mặt ai cũng có vẻ hiền lành mà họ có phần còn biểu lộ vẻ vui mừng nữa.

Trước khi chết, mẹ nó có dặn nó đôi điều, nó vẫn nhớ hết, nhưng cả mẹ nó và nó cũng không thể ngờ tới cảnh này.

Chợt nó nhìn thấy ngay phía dưới chân nó đứng, một mầm táo dại nhú lên.

Bỏ mặc những tiếng người cười nói thêm phần ồn ào ngoài hàng rào, nó cúi xuống, đưa bàn tay khẽ chạm vào mầm táo dại bụ bẫm...

Hà Nội, tháng 11 - 1993

N.C.N

Gánh càn khôn

“Một gánh càn khôn quẩy xuống ngàn

Hỏi rằng chi đó?

Gửi rằng than...”

(Trần Khánh Dư)

Đêm tháng giêng trăng mờ, bầu trời u ám. Nhân Huệ Vương Khánh Dư cùng người hầu thơ thần bên bờ sông phía ngoài doanh trại. Nếu chỉ nhìn bề ngoài, người ta có thể nghĩ ông đang tìm cảm hứng để làm một tứ thơ

vịnh thảng giêng, nhưng không, lòng ông cồn lên những cảm xúc lo âu, trần trở sau trận thua đoàn thuyền chiến của giặc Nguyên xâm phạm cửa Vân Đồn. Phải chăng ông đã phụ lòng tin cậy của Tiết chế Hưng Đạo Vương đã giao ông toàn quyền công việc biên phòng nơi cửa ngõ đông bắc, phụ lòng thương cứu vớt của quan quân (một cách gọi nhà vua)? Nhân Huệ vương bỏ mũ, mặt hướng ra ngoài sông hứng chịu luồng gió giá buốt phả vào. Cái buốt lạnh về thể xác đâu bằng sự tê tái ở trong lòng. Lời hứa sáng nay của ông với quan Trung sứ còn văng vẳng bên tai, âm u trong đầu ông, từng từ một: “Theo quân luật thì tôi cam chịu, nhưng tôi xin hoãn hai ba ngày để lập công, lần sau sẽ trở về chịu rìu búa cũng chưa muộn”. Đáng lý ra, sau thất bại này, ông phải chịu còng tay về chịu tội chết trước mặt quan quân, song may mà, Trung sứ là người nhân từ, hiểu biết nên đã nhân nhượng hoãn lại cho ông. Làm như thế cũng có nghĩa là quan Trung sứ đặt cược sinh mệnh của chính mình vào ông. Nếu như thuyền lương của Trương Văn Hổ không qua đây, và nếu như có qua mà ông lại thua thì điều đó có nghĩa là ông sẽ chết và Trung sứ cũng phải tội lây. Nhân Huệ vương ngúc ngắc cái đầu tưởng tượng lúc phải vươn lên chịu chém. Thấy ớn nơi sống lưng và da gà nổi khắp người, ông cố trấn tĩnh hít đầy lồng ngực gió lạnh và từ từ thở ra. Nam nhi không sợ chết, nhưng nếu chết giữa trận tiền cho bỏ. Đằng này... Chao ơi, lại còn tiếng xấu lưu vào sử sách nữa chứ. Nếu trời đất không thương ta thì hận này nghìn thu không tan! Còn nàng nữa. Lúc này, ông nghĩ đến nàng, đến tình yêu của ông với nàng và hết thấy những gì mà nàng đã dành cho ông... Người hầu khế thừa làm ông bưng tĩnh: “Thưa quan Phó tướng, mong người lưu tâm giữ tấm thân quý báu của mình trở vào doanh trại ngay kéo không cảm lạnh!”. Nhân Huệ Vương khế ờ và mỉm cười giễu cợt trong bóng tối. Tấm thân quý báu ư, chẳng bao lâu nữa cái thân này sẽ thối rữa ra và tan vào bụi đất, còn lại có chăng là vết ố trên trang sử mà

thôi?!

Rồi ông cũng nghe lời người hầu trở vào trướng. Sai người hầu mang rượu lại và cho anh ta lui, còn lại một mình, ông tự rót rượu và nhấp từng ngụm nhỏ. Rượu đắng nghét trong cổ như nuốt phải bọt nẹt...

Cái thời ông còn là Thiên tử nghĩa nam (tức con nuôi vua) của Thánh Tông, được ra vào cung cấm, ông đã gặp nàng. Thiên Thụy công chúa được vua cha nhất mực yêu quý và dẫu nàng không phải là một đấng sắc nước hương trời thì dung mạo nàng cũng thật tuyệt vời. Trong dáng vẻ nàng dịu dàng, hơi u buồn bên ngoài, Nhân Huệ vương thấy được những con sóng ngầm cuộn lên và sự bất chấp số phận để đi theo tiếng gọi của tình yêu ở nơi nàng. Chỉ sau một lần gặp mặt, chàng Phó đô tướng quân rồi Phiêu kỵ đại tướng quân trẻ tuổi, tài cao, tiếng tăm nổi như cồn sau những chiến công trong lần đánh quân Nguyên lần thứ nhất và đánh dẹp sơn Man đã thấy rộn lên trong trái tim một niềm phấn khích. Chàng đêm ngày tơ tưởng đến nàng và Thiên Thụy công chúa cũng chỉ ước ao đến một ngày nào đó, được sánh duyên với chàng Thiên tử nghĩa nam xuất chúng. Nhưng thật ác thay, để xoa dịu mối bất hòa giữa hai nhà và lấy lòng Hưng Đạo Vương, quan quân đã hứa gả cho con trai trưởng của Quốc Tuấn là Hưng Vũ vương Nghiễn. Biết chuyện vỡ lở sẽ nguy đến tính mạng, nhưng sóng tình nổi lên như bão gió cuốn phăng tất cả những vật cản trên đường đi, và thế là hai người bất chấp, lao vào cuộc tình mây mưa. Và không may, chuyện thông dâm giữa Thiên tử nghĩa nam và công chúa cung của Thánh Tông, người mang tiếng đã là vợ của Hưng Vũ vương Nghiễn bị bắt quả tang. Thánh Tông nổi giận đùng đùng, phần sợ mang tiếng, phần lo Hưng Đạo Vương phật ý bèn sai người tâm phúc đưa Khánh Dư ra Tây Hồ, trước mặt bàn dân thiên hạ đánh cho chết, nhưng bên trong lại ngầm dặn nương nhẹ tay. Ai có thấu được nỗi đau đón trong lòng Nhân Huệ vương khi ấy? Nếu chết được thì mới chỉ nhẹ

được nổi đau về thể xác, song Nhân Huệ vương không thể chết, phải sống để có ngày ngửa mặt lên với đời. Bị cách hết quan tước, tha tẩm thân rách nát, Khánh Dư lui về Chí Linh, trông coi sản nghiệp cũ của Thượng tướng Trần Phò Duyệt. Chí Linh phong cảnh u tịch, lại cách Yên Tử không xa, nơi đây có thể xoa dịu được nỗi đau trần thế bằng cuộc sống an nhàn chốn cửa thiền, nhưng tự sâu thẳm cõi lòng, mối tình cay đắng với nàng chưa nguôi, và lại lòng ham muốn chiến công và danh vọng cũng chưa dứt, Khánh Dư âm thầm nuôi chí đến một ngày nào đó... Hằng ngày, cũng nón lá, áo ngắn, quần cộc, Khánh Dư cùng đám thợ đốt than lên núi cưa cây, làm hầm đốt than, rồi lúc xuống núi lại quảy trên vai gánh nặng. Những lúc đổ mồ hôi, sôi nước mắt, mặt mũi đen nhem, bước thấp bước cao, còm nắm muối vùng, nước suối, Khánh Dư mới thấm nỗi khổ của người dân cơ hàn. Ngẫm nghĩ, thấy ở đời, hạt gạo, giọt nước và hòn than là quý nhất, bởi ba thứ ấy nuôi sống người ta. Khánh Dư đưa ra triết lý hòn than, nó được tinh luyện từ linh khí của trời đất thành cây và rồi lại luyện thêm trong lửa khói để thành than. Nó chính như con người được nhào nặn qua sung sướng và khổ ải, như chính bản thân mình vậy. Hễ ai hỏi gánh nặng trên vai Khánh Dư là gì thì ông trả lời là gánh càn khôn. Đúng là thế: “Một gánh càn khôn quảy xuống ngàn...”. Đã làm người đứng trong cõi trời đất này thì nghiệp chướng, căn quả có nặng đến mấy cũng phải gánh, è cổ, sụn lưng, dập mặt xuống bùn cũng gánh.

Tự ngẫm, Khánh Dư thấy mình đâu có làm gì nên tội. Minh tư tình với Thiên Thụy công chúa cũng là lẽ thường tình của đấng mày râu, của một con người. Và nếu có chút tự mãn sau những chiến công thì đâu đến nỗi bị vùi dập như vậy! Ta không cam tâm trở thành nhà sư. Ta không muốn xa lánh cuộc đời. Vô lo vô nghĩ, nhàn tâm thì cứu khổ, cứu nạn được cho ai? Ta không muốn thế!

Gầm lên thành tiếng, Nhân Huệ vương mở choàng mắt, chống tay xuống mặt bàn, đứng phắt dậy và vô tình ông gạt đổ chén rượu. Người hầu, giật mình ngã bổ ngửa về phía sau, vì khi đó, thấy ông gục xuống bàn thiếp đi, bèn mang áo choàng lên khoác lên người ông chống lạnh. Nhân Huệ vương nhìn trừng trừng phía trước giây lát rồi ngồi xuống, nhẹ nhàng bảo người hầu: “Ta đã làm nhà ngươi phải sợ”. Người hầu lồm cồm bò dậy, vâng dạ luôn miệng. Ông gọi: “Ta vẫn thấy khát, mang bình rượu khác ra đây cho ta”.

Chén rượu đầy, sóng sánh trước mặt. Nhìn chăm chăm vào đấy, ông tưởng như sóng Vân Đồn đang cồn lên... Ừ phải rồi, cái ngày ta được ngẩng cao đầu, ngửa mặt lên với đời đã đến. Đó là vào cái ngày, vua Thánh Tông mở hội nghị trên bến Bình Than năm Thiệu Bảo thứ tư (1282), mùa đông. Người tâm phúc của Khánh Dư ở Thăng Long mật báo cho ông biết chuyện ấy và thế là cơ hội đã đến, ông phải chớp lấy. Giặc Nguyên hung dữ tràn vào bờ cõi, trong lúc nước sôi lửa bỏng này, nhà vua cần phải biết dùng người tài, hoàng tộc cũng như thứ dân phải đoàn kết một lòng. Từ Lục đầu, ông xuất phát, cấp giong thuyền than cho kịp. Thật may sao, con thuyền của ông gặp lúc triều xuống, gió to, xuôi dòng ngang qua nơi quan quân mở hội nghị và Đức Thánh Tông đã tinh mắt thấy được. Biết có thuyền nhỏ của quan thần đuôi đàng sau để gọi lại, ông tảng lờ. Đến cửa Đại Than thì kịp, quân hiệu gọi: “Ông lái kia nhà vua có lệnh gọi”. Ông vờ làm kiêu và hiểu rằng thế nào Thánh Tông cũng nhận ra mình, nên trả lời: “Lão già này là người buôn bán, có việc gì mà gọi đến? Lời nói đó, kẻ phàm trần nào dám nói, chỉ có người quân tử, chí anh hùng mới có được khẩu ngôn như thế. Quả nhiên, Thánh Tông nhận đúng là Khánh Dư. Áo ngắn, nón lá, ông quỳ trước mặt vua. Đức Thánh Tông nhìn ông độ lượng và khuyến khích, mà buông lời than: “Nam nhi phiêu bạt đến thế!”. Đó là dấu hiệu của sự mềm lòng, của

trắc ẩn... Và đúng lúc ấy, chí anh hùng trỗi dậy trong lòng ông sôi sục, cộng thêm chút kiêu bạc của kẻ biết mình có tài, ông nén chặt, gồng mình lên mà kìm giữ để tránh xảy ra cử chỉ nào thất thố, và nếu có hòn sỏi ở trong tay thì ông cũng bóp vụn, chứ đâu chỉ bóp nát quả cam như cậu bé miệng còn hơi sữa Hoài Văn Hầu Quốc Toản kia!

Trai thời loạn, chí anh hùng chưa kịp thỏa thì điều ông tiếng ve lại đến. Ra trấn thủ Vân Đồn, biên ải phía đông bắc giang san là ta chấp nhận đứng nơi đầu sóng ngọn gió. Trong vùng dân cư thưa thớt, ít ruộng vườn, toàn gò đồi, sông lạch, phong tục, đời sống của cư dân toàn trông chờ vào việc làm ăn, buôn bán với người phương Bắc. Khi điểm quân, ta giật mình vì thấy đa phần quân sĩ đều đội loại nón của người phương Bắc. Thời bình dùng của người đã là không hay, lúc loạn ly, binh đao thế này lại càng không nên dùng. Ta ban lệnh quân sĩ chỉ được dùng nón Ma Lô của Lộ Hồng là muốn tránh nhầm lẫn và cũng thể hiện lòng tự hào dân tộc, kích tướng sĩ một lòng vì nước. Thật hại thay cho ta, khi người nhà được lệnh mua nón Ma Lô về bán chỉ được phép lấy lãi chút đỉnh bù công sức của đám thừa hành, nhưng chúng lại nổi máu tham thu giá lên cao gấp đôi, kiếm lời chia nhau. Thế là ta mang tiếng, để bọn xấu miệng hiểm lòng làm thơ cạnh khoe rằng “Vân Đồn kê khuyến diệc giai kinh” (nghĩa là: Gà chó ở Vân Đồn đều kinh sợ). Lúc ấy thì ta có trừng phạt đám người nhà đến mấy thì cũng không thể nào rửa sạch được tai tiếng!

Nhân Huệ vương nghe tiếng gà gáy, biết đêm đã sang canh ba. Đầu ông căng lên bởi những dòng suy nghĩ chen lẫn nhau. Tính mạng ông như ngàn cân treo sợi tóc, song điều đó cũng không thật quan trọng, bởi đã từng lên voi xuống chó, ông không sợ chết, cao hơn cả là sinh mạng dân tộc, là sự tồn vong của vương triều Trần mà ông đang phụng sự. Nếu như thuyền lương của giặc không qua đây và nếu như ông không chặn nổi chúng thì khi

ấy không biết điều gì sẽ xảy ra? Tự ngẫm mình trung thực, một lòng vì quan quân, vì dân tộc, cái chết chẳng có gì đáng sợ. Nhưng phải chết lúc này thì oan uổng biết bao, đáng tiếc biết bao. Và trong sâu thẳm cõi lòng, ông khát khao chiến thắng, ông nguyện dâng chiến thắng đó cho nàng, người đàn bà ông yêu thương nhất cõi đời, người mà ông đã chịu đắng cay tủi hổ, chịu ô danh với sử sách, và ông phải có cái quyền được sống để mà chiến thắng, để mà lấy chiến thắng ấy xóa đi vết nhơ trong sử sách do chính ông với nàng gây nên.

Nhân Huệ vương Khánh Dư đắm chìm trong hồi ức và ý nghĩ, sự mềm yếu và chí anh hùng. Ngoài cửa Vân Đồn trời biển vân vũ, nhưng đã rạn ra, hắt lên cao những tia sáng rẽ quạt...

Nhân Huệ vương đang gục đầu trên án thư chợt nghe tiếng người đầu đó vắng lại, ông định thần lắng nghe, đúng là tiếng ấy nói với ông: “Hãy nghe ta, thuyền chiến đi qua, ắt thuyền lương sẽ theo sau. Hãy thu thập tàn binh đợi chúng. Ngài sẽ đánh bại chúng, bắt được quân lương, khí giới vô kể. Hãy chuẩn bị ngựa trại báo tiếp cho Thượng hoàng mà xin tha tội trước!”. Ông nhìn quanh quất mà chẳng thấy bóng dáng ai, bèn chấp tay mà hỏi vào thinh không: “Thế Ngài là ai? Không nói quở tôi chứ?”. Tiếng nói ấy lại vang lên, như rót thẳng vào tai ông, rành mạch từng câu, từng chữ: “Ngài chẳng nên biết ta là ai làm gì. Ngài sẽ phiêu du vào cõi Bồng Lai tiên cảnh vào mùa thu năm Khai Hựu thứ mười một. Quãng thời gian lưu lại với phạm trần, ngài không được hưởng vinh quang, và sẽ còn chịu thêm nhiều điều tiếm nữa. Song ngàn sau, người đời sẽ biết đến ngài qua những dòng mà các sử gia đặt bút viết thế này: “Việc đánh lui giặc Hồ (tức quân Nguyên) ở đời Trùng Hưng, ai cũng khen nhiều về chiến thắng trên sông Bạch Đằng của Trần Hưng Đạo, mà không biết đến trận thắng ở Vân Đồn của Khánh Dư. Trận thắng đó rất kỳ diệu và là căn bản cho trận thắng sau

đấy. Cho nên nói, trận thắng ở Vân Đồn là căn bản của việc đánh lui giặc Hồ đấy!”.

Nhân Huệ vương xiết bao mừng rỡ. Ông tỉnh hẳn. Thì ra vừa rồi là ông nói chuyện với người côi mộng, vi thần tiên nào đấy. Ông chấp tay bái vọng lên trời, rồi xuống đất. Nhân Huệ vương Khánh Dư lặng lẽ rời bàn thư, bước ra bên ngoài, hướng mắt về phía cửa Vân Đồn bình minh đang rạng!

Giấc mộng đêm xuân

Đỗ Thích thí Đình Đình

Lê gia xuất thành minh

Cạnh đầu đa hoành tử

Đạo lộ tuyệt nhân thành

Thập nhị xưng đại vương

Thập ác vô nhất thiện

Thập bát tử đăng tiên

Kế độ nhị thập niên

(Đại việt sử ký toàn thư)

Dương là phóng viên của một tờ báo ngành, nhưng xuất thân là một giáo viên dạy sử. Bạn bè hay trêu Dương là người bốc mùi thư tịch cổ. Ấy vậy

mà kiến thức về sử giúp Dương rất nhiều trong nghề làm báo. Đầu xuân, Dương đi một chuyến công tác, gọi là xuất hành đầu năm cầu may. Xuất hành hướng nam, đoàn của Dương nhằm cố đô Hoa Lư thẳng tiến. Tối trước ngày lên đường, Dương cũng cố lại vốn hiểu biết lịch sử của mình về vùng đất này bằng cách gặm nhấm lại mấy chương trong bộ Đại Việt sử ký toàn thư.

Anh cán bộ văn phòng Ủy ban sở tại sốt sắng động viên:

"Đầu năm, các anh nên du xuân, thăm thú danh lam thắng cảnh, viếng đền chùa, còn công việc thì cứ thư thả tính sau, vả lại còn cả những một năm để làm cơ mà, đi đâu mà vội. Các anh nên viếng đền vua Đinh, vua Lê trước, rồi sau thăm Tam Cốc, Bích Động ".

Được lời như cởi tấm lòng, mọi người nhận lời ngay. Anh cán bộ văn phòng Ủy ban tỏ vẻ thông thạo, giới thiệu sơ qua về xuất thân của vua Đinh, điều đó gài vào đúng chỗ ngựa trong vốn sử của Dương, anh lập tức lên tiếng:

Sử tuy viết rằng, vua Đinh là con của thứ sử Hoan châu Đinh Công Trứ, mà ông này vốn là nha tướng của Dương Đình Nghệ. Nhưng dân gian lại tồn tại một nghi vấn, vì thế mới có truyền thuyết rằng, vua Đinh là con của Đàm thị với một con giao long, đúng ra là một con rái cá. Chuyện kể rằng, sinh thời, khi còn là cậu bé chăn trâu, một lần, Bộ Lĩnh được một thầy địa lý Tàu thuê lặn xuống đáy vực sâu của con sông ở quê (có lẽ là sông Hoàng Long chẳng?) tìm một con ngựa đá. Thấy ngựa đá rồi, thầy địa lý yên tâm trở về quê. Bộ Lĩnh là một người tinh ý, đoán biết đó là một huyết mộ tốt, bèn nảy ra ý định để mộ cha ông mình, bèn hỏi mẹ là Đàm thị xem mộ cha mình ở đâu. Người mẹ buồn rầu chỉ lên gác bếp bảo rằng hài cốt cha Bộ Lĩnh để ở đó. Bộ Lĩnh lục gác bếp lấy xuống xem, thì ra là bộ xương của một con rái cá, bèn gói vào trong một nắm cỏ, lặn xuống đáy vực, nhử con ngựa đá, và khi ngựa đá há miệng thì nhét nắm cỏ có cốt vào trong đó để ngựa nuốt vào

bụng. Mấy năm sau, khi thầy địa lý Tào trở lại động Hoa Lu thì nghe tin Bộ Lĩnh đã dấy binh, thắng như chẻ tre, xưng là Vạn Thắng Vương rồi; biết Bộ Lĩnh đã chiếm mất long huyết, y căm lắm bèn nghĩ cách trả thù, bèn xin yết kiến Vạn Thắng Vương. Khi được gặp, thầy Tào thưa: “Nơi đó là long huyết có thể phát Đế, Vương. Hồng phúc của Đại Vương hơn kẻ tiểu nhân này nên có được long huyết. Đại vương sẽ làm vua, song ngựa mà không có kiếm thì cũng vô dụng. Đại vương nên cho đúc ngay một đôi kiếm thật sắc bén, đeo vào cổ ngựa đá. Ngựa có kiếm sẽ tung hoành bốn cõi”. Vạn Thắng Vương nghe lọt tai, bèn làm theo đúng thế. Chỗ vực ấy nước xiết, song kiếm đeo trên cổ ngựa đá, theo thời gian cứ xiết vào hai bên cổ ngựa đá đến khi cắt đứt rồi cổ ngựa đá mới thôi. Thế là long mạch đứt, nhà Đinh đoán vận... Cứ cho rằng truyền thuyết là hư đi chẳng nữa, chín chín phần trăm là hư, thì ít ra cũng phải dựa trên một phần trăm là thực. Như vậy, phải chăng vua Đinh là con không cha, bởi là con của giao long thì chắc chắn không phải rồi.

Chuyện đứt thì đền vua Đinh, vua Lê đã hiện ra trước mắt. Anh cán bộ văn phòng Ủy ban nhờ chị thuyết minh của khu di tích đưa đoàn đi thăm. Chị thuyết minh là dân học sử, kiến thức sử chẳng kém gì Dương, song hiểu về đền hai vua này thì hơn Dương là cái chắc. Theo đúng tục lệ, khách viếng thăm phải vào đền vua Đinh trước. Chị thuyết minh bảo, cung điện của vua Đinh xưa chính là nền của đền vua Đinh ngày nay, bên dưới vẫn còn dấu tích chứng minh cho một triều đại oanh liệt nhưng sớm tàn lụi. Dương sờ tay vào những đường nét chạm khắc trên sập đá – long sàng và nghĩ, ngày xưa vua Đinh đã ngủ ở đây ư, và còn đâu là nơi nhà vua say rượu để kẻ thất phu là Đỗ Thích hành thích người? Dương cứ tần ngần, hết ngắm bức tượng Đinh Tiên Hoàng, lại ngắm tượng Nam Việt Vương Đinh Liễn, Thái tử Đinh Hạng Lang và Vệ vương Đinh Toàn nơi chính điện. Chẳng lẽ, việc kiếm sắc cửa đứt cổ ngựa đá lại liên quan đến việc cả bốn cha con họ Đinh đều “bắt

đắc kỳ tử” ư?

Sang đền vua Lê cách đó chừng một quãng, chị thuyết minh lưu ý mọi người rằng, đền vua Lê có nền thấp hơn đền vua Đinh và tượng vua Lê có khắc chữ Vương ở trán, bởi vì, mặc dù về trị quốc và đánh ngoại xâm, vua Lê Đại Hành còn được xem là xuất sắc hơn Thái tổ Lý Công Uẩn kể sau đó, nhưng quan niệm dân gian vẫn cho rằng, vua Lê được ngôi không chính danh, bởi thông qua con đường tình ái, đúng ra là một cuộc đảo chính cung đình thông qua tình ái bất chính. Dương nghĩ nhanh, vậy tình ái không làm nên một người anh hùng, bởi thế, anh rời bỏ tượng hai cha con vua Lê mà tìm đến tượng của Đại thắng minh Hoàng hậu Dương Vân Nga. Đang mải ngắm thì anh nghe có tiếng thở dài nhẹ nhẹ bên tai, liền quay đầu lại, thì ra chị thuyết minh đã đứng ngay sau anh từ lúc nào. Chị bảo:

" Bức tượng này lạ lắm, nhìn chính diện thì nàng là một người đàn bà đoan trang, hiền thực. Nhìn từ ngoài vào thì thấy rõ nàng khẽ cười như thể giễu cợt ai. Còn đứng từ trong nhìn ra thì mắt nàng long lanh nước và khuôn mặt ẩn chứa một nỗi buồn thăm thẳm.". Dương lập tức làm theo và anh thấy bức tượng sống động hẳn lên, như thể nàng từ nghìn năm trước bước lại gần anh...

Khi thấy một người đàn bà dáng nhẹ nhàng thanh mảnh ăn mặc xiêm y cổ bước vào phòng, Dương thoáng ngỡ ngàng, rồi anh nhanh chóng tự nhủ, thì ra cái lối kinh doanh dịch vụ theo kiểu “cung đình” đã từ Huế lan ra đến đây rồi đấy, cơ chế thị trường có khác. Anh hỏi: “Chị đến dọn bàn trà và thay phích nước à? Sao sớm thế?”. Không thấy trả lời, anh lại hỏi: “Phàm tất cả các khách sạn ở đây đều ăn vận theo lối cổ như thế này hay là chỉ mỗi ở đây?”. Người đàn bà vẫn đứng ở lối ra vào, không hề động chân động tay, khẽ cười và bảo: “Vì ta với người cách nhau những ngàn năm nên ta tha cho cái lối ăn nói xách mé đó, chứ ở vào thời ta, người đã bị lôi ra chém đầu về

tội khi quân phạm thượng rồi đó. Người nhìn lại đi, có phải người mới gặp ta lúc chiều và đã có lời thỉnh cầu ta không. Vì tên người trùng với họ của ta và trong lời thỉnh cầu người đã gọi ta là Nàng, nên ta mới xuống xuất đến người!”. Dương hết sức ngạc nhiên: “Vậy bà là ...Dương Vân Nga?... Chết, xin lỗi... là Đại thắng minh Hoàng hậu thật sao?”. Người đàn bà: “ Sao lại là bà? Nàng chứ! Đã là đàn bà thì không có gì hơn sự ngưỡng mộ của đàn ông, của thế gian đàn ông. Dù ta có hơn người hàng nghìn tuổi nhưng ta vẫn muốn được gọi là Nàng!”. Thật là đơn giản và minh triết. Nàng đã làm Dương đi từ ngõ ngàng này sang ngõ ngàng khác. Dương nhận thấy vẻ chân thành và thân thiện trong giọng nói của Nàng nên anh mạnh bạo: “ Sử không thấy ghi chép gì về xuất thân của Nàng, song tương truyền thì Nàng là con nhà thứ dân ở động Hoa Lư, kết duyên cùng vua Đinh từ thừa còn hàn vi. Thế nhưng, điều đó chưa hẳn đúng, bởi người thông minh, nhan sắc như Nàng thì có gì vua Đinh lại không lập làm Hoàng hậu, trong khi đó, nhà vua lại lập năm hoàng hậu khác là Đan Gia, Trinh Minh, Kiều Quốc, Cổ Quốc và Ca-ông từ năm 970? Hẳn khi đó, vua Đinh chưa kết duyên cùng Nàng, hoặc kết duyên rồi thì Nàng cũng lẫn đi giữa đám cung nữ, chưa có gì nổi bật ? Phải chăng, mãi đến năm 974, Nàng có công sinh được hoàng tử Đinh Toàn thì Nàng mới được vua Đinh chú ý và nâng địa vị của Nàng lên?”. Nàng khẽ đung đưa người: “Đàn bà bất kể xuất thân sang hèn, chỉ cần xinh đẹp. Đã xinh đẹp tuyệt vời thì dù là hàng thứ dân hay con ở thì bậc cao nhân, ngay cả người có quyền lực tối thượng đi chăng nữa vẫn có thể quỳ gối cầu xin tình ái. Có đúng vậy không nào? Nếu không tin, người có thể về mà tra cứu lại lịch sử thì sẽ rõ, con một sách ạ ?”. Dương không bức mình vì bị gọi là con một sách, trái lại, anh càng hăng hái: “Phải chăng là từ trong thâm tâm, Nàng giận vua Đinh đã không lập Nàng làm hoàng hậu thứ sáu, và Nàng đã say mê vị Thập đạo tướng quân trẻ tuổi anh hào? Phải chăng, Nàng đã tham

vọng có ngày được nâng lên địa vị cao quý tột đỉnh và đã chọn vàng ngọc của vị Võ quan tuần kiệt Lê Hoàn làm chỗ dựa cho tham vọng và dục vọng của mình, bởi không có sự giúp đỡ của Nàng thì làm sao Lê Hoàn được lên ngôi báu?”. Nàng bình thản: “Xem ra người lên án ta còn mạnh hơn hai vị thần đáng kính là Lê Văn Hưu và Ngô Sĩ Liên. Hai ông ấy không bình luận gì về hành động của ta khi gỡ áo long bào từ vai con trai ta để khoác lên người Thập đạo tướng quân. Người thấy đấy, trước đó, Nam Việt vương Đinh Liễn vì ghen tức đã giết em mình là Đinh Hạng Lang – người đã được vua Đinh lập làm Thái tử. Còn mẹ con ta phải biết giữ mình chứ! Con ta bé, ta là đàn bà thân cô thế cô, ai dám bảo đảm cho mẹ con ta, rằng một ngày nào đó, vua Đinh không gạt ta xuống, hoặc Đinh Liễn giết mẹ con ta để đề phòng hậu họa. Vua Đinh chết vì sự bất cẩn của ngài, vì sự thỏa mãn với quyền lực và tiếng tăm lập quốc, vì sự đam mê vinh hoa, vì gặm nhấm chiến công của mình, và còn vì lực ngài đã cạn. Còn đã là người thì ai chẳng có chút tình riêng. Với vua Đinh, ta đã chung tình khi ngài còn sống, rồi ta cũng giữ đúng đạo làm vợ, chờ đoạn tang ngài mới tái giá. Vua Đinh chết rồi, cả Đinh Liễn và Đinh Hạng Lang cũng chết rồi, ta làm sao đặt niềm tin vào hai lão cáo già Đinh Điền, Nguyễn Bặc được, bởi với cả hai con người này, thì khát vọng về quyền lực và phú quý cao hơn tình người. Ta phải đặt niềm tin vào Chàng, đơn giản bởi, Chàng có tình người và Chàng hội đủ những phẩm chất mà ta mong muốn!”. Dương chỉ chờ cho Nàng dứt lời và anh cũng không chịu kém: “Quả là Nàng đã không lầm khi đặt niềm tin vào vị Thập đạo tướng quân. Khi được ngôi báu, ông ta đã không quên ân tình của Nàng mà lập Nàng làm hoàng hậu, vị hoàng hậu đứng đầu trong số năm hoàng hậu của ông ta. Với nàng, thì chẳng mất mát gì, được làm vợ của hai vua đứng đầu hai triều đại. Nàng thử nghĩ lại xem, trong lịch sử nước nhà, liệu có ai sánh được với Nàng? Họa chăng sau này, có bà Trần Thị Dung, là hoàng hậu

của vua Lý Huệ Tông và sau đó được Thái Tông Trần Cảnh ưu ái vì có công phò giúp, nhưng thực ra, vẫn chỉ là vợ của Thái sư Trần Thủ Độ. Chỉ thương cho vua nhỏ Đinh Toàn bị giáng làm Vệ Vương, và sau khi nàng mất có một năm đã yếu mệnh mà “bất đắc kỳ tử” giữa tuổi xuân. Nàng đã được tất cả, việc chung và tình riêng”. Nàng nghiêm nét mặt: “Thế người quên rằng, ta đã phải chịu đựng búa rìu dư luận hàng ngàn năm nay và không biết sẽ còn bao lâu nữa. Song ta chấp nhận, bởi tự thâm tâm ta thấy mình không sai trái, không làm điều thất đức và lớn hơn nữa, như những người bên vực ta, rằng ta đã biết đặt quyền lợi của quốc gia lên trên quyền lợi của một dòng tộc.

Vậy theo người thì ai là người xứng đáng với cương vị tối cao hơn Thập đạo tướng quân? Và vua Lê không xứng đáng với cương vị lịch sử sao?”. Dương nhận thấy vẻ giận dữ bị kìm nén trong giọng nói của Nàng, anh vội phân bua: “Không, không... Nàng hiểu nhầm rồi, thắng Tống, bình Chiêm, dẹp loạn giữ yên bờ cõi, riêng việc đó cũng đủ để đưa vua Lê lên hàng anh hùng nhất đời rồi!”.

Dương vừa dứt lời, anh chợt thấy phía sau Nàng xuất hiện bóng một người đàn ông, mờ tỏ... Dương định hỏi thì người đó nói: “Ta đã nghe hết câu chuyện của người với Hậu của ta. Không phải đợi đến ngày hôm nay, người – một kẻ hiểu biết nông cạn đưa những lời nhận xét về thời đại của chúng ta. Sử thần Ngô Sĩ Liên cho rằng, ta lên ngôi không chính danh, lợi dụng tình ái của Nàng, dùng bọn Phạm Cự Lang hiếp vua bé và quần thần bằng binh lực, rồi kiêu ngạo và xa xỉ trong việc dùng vàng bạc dát cột lợp mái cung điện. Lời bình của ông ta đã đóng đinh ta vào lịch sử”. Dương sững sờ, trong khi đó, Nàng lánh người sang một bên nhường lối cho người đàn ông tiến lên phía trước, và Nàng khuất ở phía sau, khoanh tay, khẽ cúi đầu lặng lẽ, đứng với đạo phụ phụ theo Tam cương. Dương nhìn chòng chọc vào người đàn ông khi đó đã rõ hình hài lẫm liệt và hỏi: “Ngài có đúng là Đại Hành Hoàng

đế thật không?”. Người đàn ông: “Vậy ngươi còn nghi ngờ à? Đó là thụy hiệu của ta. Nhưng há ngươi chẳng biết việc ông Lê Văn Hưu chê rằng, Ngọa Triều con ta ít học và bất hiếu đã không biết cách đặt thụy hiệu để đời sau chê cười đó sao?”. Dương nổi máu anh hào bảo: “Ngài là bậc quân tử sao không xuất đầu lộ diện mà đứng nghe lỏm chuyện Nàng là có làm sao?”. Đại Hành Hoàng đế cả cười mà rằng: “Ngươi là kẻ vô tình, chỉ khéo trách người. Nàng là mỹ nhân, ta là đàn ông và ngươi cũng là đàn ông. Nếu ta xen chuyện, cướp lời thì há chẳng phải ngươi sẽ cho rằng ta hẹp hòi sao? Vì ngươi cũng theo đòi người xưa ca ngợi ta là anh hùng nhất đời nên ta mới xuất đầu lộ diện để nói cho ngươi biết rằng, để có được sự nghiệp và giữ vững giang san, ta cũng đã phải trả một cái giá khá đắt hay sao! Miệng thế khôn lường, tiếng thơm khôn rửa, tiếng xấu còn lưu, dù vẫn lập đền thờ ta, nhưng như ngươi thấy đây, đền của ta thấp hơn đền của vua Đinh, còn trán ta thì hằn sâu chữ Vương. Thế vẫn chưa đủ hay sao? Lũ con ta thì bất chấp tình cốt nhục, cẳng đầu đun hạt đậu, huynh đệ tương tàn, ăn chơi sa đọa để đến mức vong gia bại quốc. Thế vẫn chưa đủ hay sao? Với vua Đinh, ta hằng tôn kính ngài, bởi ngài là anh hùng lập quốc, biết trọng dụng người tài. Ngài anh minh tài trí hơn người song ngài cũng có phần kém của ngài chứ, còn kém như thế nào ư, thì Hậu đây của ta đã nói cho ngươi biết rồi. Riêng ta, thì ta chỉ lưu ý ngươi rằng, hãy về mà xem kỹ lại sử sách, sự khuynh bại của nhà Đinh là do chính vua Đinh gieo mầm loạn, bằng cái việc bỏ trường lập thứ. Chẳng phải, năm Thái Bình thứ 9 – Mậu Dần, vua Đinh lập con nhỏ là Hạng Lang làm Hoàng thái tử, thì ngay năm đó, tháng giêng – động đất, tháng hai – mưa đá, còn mùa hạ tháng sáu thì đại hạn, thế là lòng trời không thuận đó sao?”. “Thưa Đại Hành Hoàng đế” - Dương kính cẩn – “Quả là ngài đúng, nhưng sao đến lượt mình, ngài lại đi vào đúng cái vệt xe đồ ấy, Ngài cũng đã lập hoàng tử thứ Long Đĩnh làm Hoàng thái tử, để rồi sau này,

Long Đình giết vua Trung Tôn và tự lập mình làm vua?”. Đại Hành Hoàng đế ngậm ngùi: “Đó là nỗi đau của ta, cũng là phần kém của ta!... Nhưng lỗi trước hết là do con trưởng ta là Kinh thiên vương yếu mệnh mất sớm ngay sai cái chết của Hậu yêu của ta. Có lẽ cái chết của nàng làm lòng ta đau xót mà kém mình mãi chẳng!” Dương vẫn chưa chịu: “Vậy còn Vệ Vương Đình Toàn thì sao?”. Đại Hành Hoàng đế khẽ chau mày: “Thì ta vẫn trọng dụng đó thôi. Ta đã để cậu bé ấy được sống ở trong cung với mẹ. Dù sao, cậu ta cũng có một thời làm vua, vả lại, đó là núm ruột yêu của Hậu ta. Sau này đi đâu, ta cũng mang cậu ta theo bên mình”. Dương kêu lên: “Vậy là kìm giữ nhiều hơn yêu quý. Ai đã gây nên cái chết của Đình Toàn. Giặc Cử Long chỉ là loài giặc cỏ vô danh, có gì ngài phải thân chinh đi dẹp? Thì cứ cho là ngài thích xông pha nơi chiến trận để làm gương cho tướng sĩ đi, song có gì ngài phải mang theo cả Vệ vương Đình Toàn? Một mũi tên đã giết chết mầm móng cuối cùng của vua Đình, vậy mũi tên ấy bắn ra từ phía nào, và do ai bắn? Có phải là giặc Cử long bắn không hay do một tay chân nào đó của ngài đã làm việc đó, thực hiện sứ mệnh mà ngài ngầm giao. Ngài nghe đây nhé, để xem ngài nói như thế nào, về đoạn sử mập mờ này: Tân Sửu, năm Ứng Thiên thứ 8 Vua thân đi đánh giặc Cử Long. Chúng thấy Vua giương cung bắn thì tên bị rơi, lại giương cung lần nữa thì dây đứt, tự lấy làm sợ mà rút lui. Vua mới đi thuyền theo dọc sông để đuổi. Giặc bày trận hai bên bờ để chống lại quan quân bị hãm ở sông, vua cũ nhà Đình là Vệ vương Toàn trúng phải tên chết tại trận. Vua kêu trời ba tiếng rồi thúc quân đánh giặc tan vỡ”. Vậy ngài là thần thánh hay sao mà giặc bắn ngài hết tên rơi thì dây lại đứt?”. Đại Hành Hoàng đế chau mày: “Người biết một mà không biết mười. Cùng là người cả, nhưng mỗi người đều mang một số mệnh riêng. Người có uy lực, kẻ lại không...”

Một giọng đàn ông khác vang lên, át cả giọng Đại Hành Hoàng đế, đầy vẻ

sát khí: “Khá khen thay cho sự biện bạch. Vậy trong lòng, có bao giờ người lo lắng rằng Vệ vương Toàn con ta đến một ngày nào đó đủ lông đủ cánh sẽ giành lại ngôi báu mà người cướp của nó, của triều đại ta không?”. Dương ngạc nhiên lắm nhưng anh cũng đủ nhận thấy cái rùng mình dù rất nhẹ của Đại Hành Hoàng đế khi nghe lời nói đó, rồi sau đó ngài lặng người đi.

Dương nhận thấy rằng, anh phải là người phá tan bầu không khí tĩnh lặng đến ngạt thở, anh cúi đầu thưa: “Kể thường dân hậu sinh này kính chào Đinh Tiên Hoàng đế! Thật may mắn được ngài xuống xuất và chỉ bảo cho đôi điều!”. Đinh Tiên Hoàng đế ôn tồn: “Ta biết người là người đam mê lịch sử, vậy thì hãy lắng nghe và tích góp thêm vào cái vốn hiểu biết sử còn nông cạn của người.”. Ngài dừng lời và quay sang nói với Đại Hành Hoàng đế và Nàng – “ Thế nào, miệng lưỡi hai người để đâu, không đáng chào ta một tiếng hay sao?”. Đại Hành Hoàng đế kính cẩn: “Xin bậc tiền bối có lời chỉ giáo”. Còn Nàng vẫn đứng lặng, chắp tay trên trán cúi đầu. Đinh Tiên Hoàng đế khẽ gật đầu mà bảo: “Ta xuất thân cũng chẳng phải cao sang, nhưng vốn chí khí, nhờ làm con nuôi Minh Công Trần Lâm xứ Bồ Hải Khẩu và được ngài gây dựng cho mà dẹp được loạn sứ quân, lập ra nhà nước Đại Cồ Việt hùng cường. Có được giang san này, một phần ta nhờ có người tài phò giúp, quân dân một lòng, Nguyễn Bặc, Đinh Điền là con nhà thường dân theo ta từ thừa cờ lau tập trận. Còn ông, Lê Hoàn, ông vốn chỉ là tiểu tướng của Đinh Liễn con ta, song vì mến tài mà ta đưa lên làm Thập đạo tướng quân thống lĩnh ba quân, vậy mà, không vì ta phò giúp con ta lại cam tâm lấy ngôi của nó. Ông có điều gì để nói với ta đây?”. Đại Hành Hoàng đế không hề nao núng trước câu hỏi đó, ngài thưa: “Bậc tiền bối thử đặt mình vào hoàn cảnh ấy thì mới hiểu, ngoài bờ cõi giặc ngoại xâm lăm le, còn trong nước thì sau khi ngài mất, có bao kẻ rắp ranh đoạt ngôi bởi cái mộng cuồng danh của Đỗ Thích đã vô tình xói lên lòng hám địa vị của bao người, trong khi đó, vua bé

còn ấp vú mẹ, nên nguy cơ đã là một sớm một chiều. Ngài có nghĩ là Đinh Điền, Nguyễn Bặc trung thành với ngài, phò giúp vua bé hay là cầu kết với nhau để mong chiếm ngôi đoạt vị, mà chẳng lo gì đến chống ngoại xâm? Giết Điền, Bặc, dẹp loạn là Hoàn này chiều theo thánh chỉ của Dương Thái Hậu khi đó đang nhiếp chính. Rồi phò mã Ngô Nhật Khánh rước giặc Chiêm xâm phạm bờ cõi phía Nam. Hoàn này cũng gắng công đánh đuổi. Những kẻ đó chỉ biết thỏa lợi riêng mà không đếm xỉa gì đến quyền lợi quốc gia, cam tâm làm việc xằng bậy. Họ há không phải là tôn thân ngoại thích của ngài sao? Song dẹp loạn vẫn là chuyện nhỏ, nơi biên giới Lạng - Châu giặc mạnh lắm le, thì Hoàn này không thể không lên ngôi để thống lĩnh ba quân, tập trung lực lượng, quyết đoán việc quốc gia đại sự... Có dám làm như vậy thì mới giữ được giang san bền vững, mới tỏ được cái chí, cái công của bậc tiền bối mà còn hợp lòng dân, giữ yên bình cho mọi nếp nhà! Khấu kiến bậc tiền bối mình xét kéo để tiếng oan cho Hoàn này!”. Đinh Tiên Hoàng đế dường như dụi đi, ngài đi đi lại lại một hồi như để tĩnh tâm rồi bảo: “Lý lẽ mình bạch lắm. Thật đáng khẫu khí của một bậc anh hào!... Nhưng... nghe nói trước khi chém Bặc, ông còn hạch tội là bội nghĩa, phản loạn. Chẳng lẽ trước khi chết, Bặc không nói điều gì à? Chỗ này sử không chép gì và sau này Ngô Sĩ Liên cũng nghi ngờ?”. Đại Hành Hoàng đế thoáng chau mày, liếc nhìn Nàng, ôn tồn: “Hoàn này chỉ làm việc bắt Bặc giải về kinh sư, còn quyền phán là thuộc vua bé Đinh Toàn và Dương Thái Hậu nhiếp chính quyết định. Chém Bặc là việc của quan chấp pháp, Hoàn này không được biết và cũng không nghe nói gì đến Bặc, có hay không cũng không can gì, bởi con chim trước khi chết thì hót hay, nhưng chó dại trước khi chết lại cắn càn... Hoàn này thiết tưởng bậc tiền bối thấu hiểu!” Đinh Tiên Hoàng đế khẽ phẩy tay: “Thôi được rồi!... Còn Vân Nga ái phi, nàng nói gì với ta đi chứ?”. Nàng vẫn cúi đầu, Đinh Tiên Hoàng đế tiếp lời: “Chẳng lẽ, nàng trách ta không lập

nàng làm hoàng hậu mà phải nhờ đến ông ta? Với năm hậu ta đã đủ hầu người bởi những mâu thuẫn đàn bà, những đong đánh nữ nhi, nữa là thêm nàng, nhất là họ lại biết ta yêu chiều nàng... Nàng đã trả ơn ta thế nào vì ta đã gây dựng cho nàng?”. Thấy không thể chối từ, Nàng cung kính thưa: “Khấu hiển tiền bối, tiện thiếp rất biết ơn người đã gây dựng cho mẹ con thiếp và cũng không phụ Người. Trước đó, mẹ con thiếp luôn ý thức thân phận thê thứ, nhưng tình thế lịch sử đã đẩy mẹ con thiếp vào cảnh ngộ này. Nếu Người không lập Hạng Lang làm Hoàng thái tử thì Nam Việt vương Liễn cũng đâu vì ghen tức và cậy công hãm hại Hạng Lang. Liễn không hại Hạng Lang thì Đỗ Thích cũng đâu dám làm càn. Bi kịch của triều Đinh là ở chỗ đó. Vệ vương Toàn thơ bé đâu biết gì đến việc làm vua, nhưng khổ cho nó lại là mầm mống duy nhất còn lại của Người nên không thể không lên ngôi, và là mẹ đẻ ra nó, thiếp phải chấp nhận trở thành Hoàng thái hậu nhiếp chính. Thế là từ chỗ muốn nấp bóng cả cây cao hưởng thanh nhàn thì mẹ con thiếp bị đẩy ra chính trường. Giữa bối cảnh ấy, thiếp còn biết dựa vào ai? Điền, Bặc ư? Hai lão ấy nhìn thiếp hau háu như cú vọ... Thiếp đành dựa vào Thập đạo tướng quân... Ở vào địa vị của thiếp, thưa bậc tiền bối, dám hỏi, Người sẽ dựa vào ai ạ ?”... Giọng Nàng vỡ ra thành nước mắt. Dương cảm động và anh thấy không thể không xen vào: “Thưa các bậc tiền bối, kẻ hậu sinh này thiên nghĩ, lịch sử hàm chứa các quy luật. Cái gì đã qua rồi không thể làm lại được nữa. Nếu Đinh Tiên Hoàng để trách Đại Hành Hoàng đế lấy ngôi của dòng họ mình thì Đại Hành Hoàng đế lại có thể trách Thái tổ nhà Lý là Lý Công Uẩn; rồi Lý Thái Tổ cũng lại trách Trần Thủ Độ giúp Thái tổ Trần Cảnh lấy ngôi từ tay Lý Chiêu Hoàng, và cứ thế mãi về sau.... Thế thì còn đâu là lịch sử nữa! Sinh tử là quy luật, hưng phế cũng là quy luật, rồi hợp tan – tan hợp cũng vẫn là quy luật cả. Có một nhãn quan lịch sử thì tất cả những việc ấy đâu nghiêm trọng làm vậy. Chuyện cũ qua đi, việc còn lại

là của các nhà chép sử, của nhân gian hậu thế và của nghệ thuật... các nhà thi ca, nhạc họa sẽ tha hồ tô vẽ từ cảm hứng lịch sử. Việc ấy có sai lệch ít nhiều với lịch sử thì dễ hiểu và có thể tha thứ được. Có đúng vậy không, thưa các bậc tiền bối?”..

Dương mãi hùng biện, đến lúc anh dừng lời thì chẳng còn ai. Anh ngơ ngác rồi gào lên: “Đi đâu hết cả rồi? Ấy ấy các vị!... Xin hãy nán lại chút đã!”

Dương xô cửa vùng người định đuổi theo... Anh choàng mở mắt. Có bóng người đang cúi xuống người anh. Định thần thì ra là cậu lái xe ngủ cùng phòng. Điện sáng choang. Cậu lái xe bảo:

- Gớm. Anh mê ngủ gì mà khiếp thế, hết lảm nhảm lại cười rồi còn hét lên. Lúc đầu em nghĩ là anh uống nhiều rượu say xỉn nên mặc kệ, nhưng một lát thì biết là anh mê nên đánh thức anh dậy. Mê thế là một người lảm!.

Dương vẫn chưa hết bàng hoàng, hồ nghi hỏi:

- Thế cậu vẫn ở phòng từ tối đến giờ à? Tớ không đi đâu và cũng không có ai vào đây chứ?

-Thì em chờ nước nóng tắm cho nhẹ người. Xong việc, đã thấy anh úp quyển sách lên ngực mà ngủ. Em chờ tóc khô, bật ti vi xem bóng đá mãi. Hết bóng đá, em vừa mới tắt ti vi xong, ngả lưng còn chưa kịp ngủ. À, lúc anh mới ngủ, chỉ có cô nhân viên nhà khách gõ cửa hỏi xem bình nóng lạnh chữa lúc chiều đã được chưa.

-Thế cô nhân viên ấy ăn vận thế nào?

-Anh hỏi vậy là làm sao? – Cậu lái xe ngạc nhiên – ý anh muốn nói là ăn mặc có hở hang hay không chứ gì? Bớ ơi, Nghị định 87 dẹp hết những cái đó rồi!?

-Không, không!... À mình mơ...

Cậu lái xe cười trêu Dương. Anh không thể giải thích và cũng không thể kể ra giấc mơ cho cậu ta được.

Sau chuyến xuất hành đầu xuân về cố đô Hoa Lư mấy ngày. Người bạn đồng nghiệp ở một tờ báo khác gọi điện cho Dương bảo rằng, toàn bộ pô ảnh chụp trong chuyến đi ấy không được một kiểu nào, và anh ta than thở kêu tiếc.

Dương gào lên trong máy:

-Sao lại thế? Lọt sáng à? Hay là không đủ ánh sáng?

-Không phải! Phim không quay tý nào cả, thành ra toàn chụp không!... Mà này, không hiểu sao... bao giờ chụp ảnh ở đình, chùa, đền miếu gì thì mình cũng thấp hương xin phép. Hôm ấy mình cũng thấp hương khấn các vị, xin được chụp mấy kiểu ảnh. Thế mà các vị không cho.

-Mình hiểu rồi – Anh trả lời bạn mà như tự nói với mình.

Tự thâm tâm, Dương hiểu là mình đã may mắn!.....

Giải thoát

Quê tôi cách Hà Nội không xa. Đó là một làng quê nằm ven một nhánh sông lớn đổ về sông Hồng. Cho đến bây giờ, đã ba chục tuổi nhưng tôi luôn có cảm giác là cuộc đời tôi, cả những năm trước đây và sau này, luôn bị ám ảnh bởi một cảnh tượng mà lần đầu tiên tôi nằm mơ khi tôi mới chừng năm hay sáu tuổi gì đấy. Tôi thấy cảnh ở dưới đáy một cái hồ, hoặc đầm rộng, có một con vật to lớn thân dài, đầu to, răng nhọn hoắt, mắt sáng, móng sắc và cả thân hình được phủ bởi một lớp vảy cứng. Cho đến năm mười tuổi, tôi con

mơ thấy con vật ấy mấy lần nữa. Và lần nào cũng vậy, con vật kỳ lạ này bị một hòn đá đè lên gáy làm nó giãy giụa nhưng không làm sao hất nổi hòn đá ra, và vì thế, nó chẳng bao giờ cất nổi đầu lên được. Có thể, hồi mơ thấy cảnh tượng đó tôi còn quá bé nên tôi không hiểu con vật đó là con gì, vả lại, tôi giữ kín trong lòng mà chẳng dám hé răng nói với ai, ngay cả mẹ tôi. Rõ ràng là con vật đó không giống bất cứ con vật nào như trâu bò, lợn. chó... đại loại các loài vật mà tôi nhìn thấy hàng ngày.

Rồi một lần, mẹ tôi cho tôi về chơi quê ngoại. Khi mẹ dắt tôi đi trên đường làng, ngang qua cửa đình thì tôi giật mình nhìn thấy trên mái đình có hình con vật giống hệt với hình dạng con vật từng nhiều lần xuất hiện trong giấc mơ của tôi. Tôi hỏi mẹ đó là con gì thì mẹ bảo nó là con rồng. Tôi tò mò muốn biết thêm rồng là con vật như thế nào và sống ở đâu? Mẹ chỉ ừ à cho qua chuyện, rồi còn mắng át đi rằng tôi là trẻ con chỉ hay hỏi lung tung. Lát sau mẹ bảo: “Con phải học cho giỏi. Lớn lên con tự tìm hiểu lấy xem con vật ấy nó như thế nào. Mẹ là đàn bà chỉ biết đến đây thôi”.

Nghe lời mẹ, tôi cố lắng nghe. Thế nhưng, dù cho tôi có thông thuộc bốn phép tính, thuộc lòng bảng cửu chương, thì tôi vẫn chẳng biết thêm về con rồng. Ở làng tôi có ông Tổ Vị, lúc đó ông đã gần sáu mươi, được người làng xem là người hiểu biết nhất. Người ta bảo rằng ông biết cả chữ Hán, chữ Nôm, hiểu tử vi tướng số. Cả làng, hễ nhà nào có việc đại sự như làm nhà, cưới hỏi gì đó, người ta đều đến hỏi ông. Tôi tìm đến nhà ông Tổ Vị, kể chuyện tôi mơ thấy con rồng bị đá đè ở gáy. Chấm chú nghe tôi kể, rồi ông hỏi tuổi của tôi và bảo: “Mày sinh năm Thìn, cầm tinh con rồng, mày mơ thấy rồng là phải. Có điều, rồng bị chẹn đá ở gáy còn làm nên trò trống gì. Hoặc sau này mày là thằng tâm thần, hoặc có điều bí ẩn chi đây.” Khi tôi gắng hỏi xem con rồng nó thường sống ở đâu để tôi tìm cách bắt thì ông cười ầm lên và bảo: “Con rồng không có thật. Con rồng là sản phẩm của sự

tượng tượng, nhưng lại là con vật hổ lớn, tam khoanh tứ đốm. Nó có mình rắn, đầu sư tử, móng vuốt của loài hổ báo, vẩy của loài thủy sinh... Các vua chúa ngày xưa lấy rồng làm biểu tượng cho uy quyền và sự cao quý của mình... Uy quyền cũng không có thật, chỉ là sự huyền hoặc, bởi lúc thì uy quyền là có thật, khi khác chỉ là hư vô"...

Nghe ông nói, tôi không hiểu, vả lại tôi không tin ông, tôi tin vào giấc mơ của tôi hơn. Đêm ấy tôi trần trọc, suy nghĩ lung tung. Đến gần sáng, tôi mới chợp mắt đi được và tôi lại mơ thấy cảnh tượng cũ. Có điều khác trước là cảnh tượng không hư ảo mà rõ ràng hơn, con rồng nằm dưới đáy cái đầm rộng, cạnh quán Táo, có cống thông ra sông. Tôi giật mình choàng tỉnh, bởi con rồng tung mình giãy giụa, cố hất hòn đá ra nhưng không nổi. Trời còn mờ tối. Tôi lên ra khỏi nhà, chạy hộc tốc ra phía đầm quán Táo. Tôi đứng trên nóc cống, cố mừng tượng lại giấc mơ để định vị. Tôi nhảy xuống đầm, lặn ngụp. Tôi quyết tìm cho ra nơi con rồng bị giam hãm bởi hòn đá. Nhưng lặn mãi, quờ quạng mãi, tôi chỉ thấy toàn là bùn, vài ba vỏ ốc, xác cua chết. Mệt quá, tôi lên bờ ngồi thừ ra. Đôi ba người đi chợ sớm ngang qua thấy tôi bèn hỏi, tôi nói dối là đi nhấc đồ. Nhưng khi ông Tổ Vị đi qua thì tôi đành phải nói thật, và ông bảo tôi về đi. Tôi còn nghe rõ tiếng ông lầm rầm trong miệng: “Đúng là thằng này tâm thần rồi! Còn nếu không thì nó cũng là một thằng gian hùng, đa nghi như Tào Tháo”.

Không tìm thấy rồng thì tôi tìm Tào Tháo, để xem đó là người thế nào. Tôi hỏi người này, người nọ mãi mới biết được Tào Tháo là một nhân vật trong chuyện Tam Quốc, sống ở bên Tàu cách đây gần hai ngàn năm. Vật nài, rồi tôi cũng mượn được bộ truyện Tam Quốc của một người quen ở xã bên. Tôi đọc say mê và tìm thấy ở đó bao nhiêu điều hay. Tôi thấy Tào Tháo không đến nỗi đa nghi, giả dối như người đời sau vẫn ví, bởi ông ta biết làm thơ, vả lại còn có những lúc say sưa mà bộc bạch thật lòng hơn mấy ông vua, ông

tướng khác. Ở đây, tôi cũng thấy Điều Thuyền đâu có điều toa gì. Nàng thật đẹp và đáng thương, bởi nàng là đàn bà hạ đẳng, là con tốt thí trong nước cờ “Mỹ nhân kế” của những kẻ thống trị thiếu nhân cách và độc ác. Dầu sao, tôi cũng thầm biết ơn ông Tổ Vị, vì lời nói khích bác của ông đã vô tình dẫn tôi đến một thế giới khác, nơi sâu thẳm của lịch sử. Bản thân tôi luôn khâm phục những người dám làm việc nghĩa, ghét thói hư tật xấu, mặc dù, tự thâm tâm, tôi thấy mình cũng đầy những thói hư tật xấu. Trong tình yêu cũng vậy, tôi yêu say đắm nhưng không bộc lộ.

Nhà tôi chỉ có hai mẹ con. Bố tôi mất sớm khi mẹ tôi còn chưa đến năm mươi tuổi. Ngày trẻ, mẹ là người mỏng mày hay hạt, nụ cười tươi tắn. Mẹ dồn tất cả tình thương yêu cuộc đời vào tôi, nhưng tôi lại là một thằng dở hơi, người ta bảo thế. Nhiều lúc tôi bắt gặp mẹ ngồi lặng yên suy nghĩ và lén lau nước mắt. Tôi thương mẹ lắm, mẹ chẳng đáng phải đánh đổi cả cuộc đời lấy tôi. Nghĩ vậy, nhưng tôi không biết nói thế nào và cũng không thể thốt ra được. Những lúc bắt gặp mẹ như vậy tôi bỏ đi nơi khác, tôi không nở quấy động tâm tư mẹ.

Có một dạo, cứ tháng một đôi lần, ông Tổ Vị đến nhà tôi chơi. Lấy cớ là hỏi han tôi học hành thế nào, xem được những sách gì, và thường là ông ngồi uống trà cho đến sẩm tối. mấy lần đầu tôi còn ngồi hầu chuyện ông, nhưng sau vì bận công việc, tôi kệ ông ngồi nói chuyện với mẹ tôi, tôi còn phải đi làm. Rồi sau, bằng đi vài tháng, không thấy ông lai vãng, tôi cảm thấy cứ thiếu thiếu thế nào ấy, bèn hỏi: “Lâu nay không thấy ông Tổ Vị đến chơi, mẹ nhỉ?”. Mẹ tôi trả lời: “Ồ... lâu rồi... Mà mẹ không muốn con giao du với nhà ông ta”. Tôi hỏi: “Sao hả mẹ”? Mẹ bảo: “Cái lão ấy không phải là người đứng đắn. Có nhiều chữ thật đấy, nhưng mà không đứng đắn thì cũng bằng thừa”. Mẹ quay mặt đi và tôi lờ mờ hiểu ra. Một lúc sau, mẹ lại bảo: “Chẳng nhẽ ... tao lại đuổi thẳng vào mặt lão ta!”.

Mẹ bảo tôi không được giao du, đi lại nhà ông Tổ Vị, tôi không cãi lại nhưng làm sao tôi có thể nghe lời mẹ được. Ông ta là người hiểu biết, là người duy nhất ở cái làng này có thể giảng giải cho tôi biết nhiều điều. Và lại, tôi thích cái Hảo, con gái ông và nó học cùng lớp với tôi.

Tôi và cái Hảo cùng học một lớp với nhau từ ngày nhỏ, rồi dần lên lớp trên. Nó học dốt toán nhưng lại giỏi văn, còn tôi thì ngược lại. Làm toán tôi chỉ thoáng cái đã xong, nhưng hễ phải làm văn thì tôi không biết phải viết thế nào, mặc dù ,trong đầu tôi nghĩ có vẻ đâu ra đấy. Tôi học khác bọn trong lớp. Chúng nó đều có mục đích cả. Có đứa mong sau này thành kỹ sư, bác sĩ... Hay như cái Hảo thì muốn được trở thành “kỹ sư tâm hồn”. Còn tôi, tôi chẳng có mục đích gì cụ thể. Mẹ tôi bảo học để hiểu biết thì tôi cũng học để hiểu biết. Hiểu biết rồi làm gì thì tôi lờ mờ lắm. Giờ kiểm tra bài, không thuộc thì bọn chúng tìm mọi cách quay cóp. Tôi mà không thuộc thì đành bỏ trống chịu điểm kém. Bọn chúng gian dối nhưng lại cười tôi, tức quá, tôi cũng quay cóp. Và lại tôi sợ bị đúp. Song tôi biết, làm thế trí óc tôi chẳng khá lên được.

Cái Hảo hay nhờ tôi làm toán hộ. Nó ngồi ngay sát bên tôi, còn tôi vừa suy nghĩ vừa lén nhìn vào khoảng trống nơi ngực nó. Mũi hít căng mùi lá bưởi ngai ngái nơi tóc nó. Tôi thầm nghĩ “Nó là vợ mình thì mình sẽ làm gì nhỉ?”. Những lúc như thế, tôi dần mặt ra, và cái Hảo hiểu ngay, nó liền cảnh tỉnh tôi : " Này... đừng ấy nhìn gì thế? Làm đi chứ ". Tôi giật thót mình, lại nghĩ nó là con gái ông Tổ Vị. Để gì mẹ tôi lại chịu làm dâu gia với nhà ông Tổ Vị? Cái Hảo thì hình như nhờ vậy thôi, song nó cũng chẳng để ý đến lời tôi giảng giải. Nó cứ ngó ngoáy ngo ngoáy không yên như ngồi trên ổ kiến lửa. Một bận nó bảo tôi: “Học nốt năm nay, xong cấp hai, tớ nghỉ ở nhà. Bỏ tớ bảo... - Nó cười... Con gái cần gì nhiều chữ... Con gái chỉ cần lấy được thằng chồng tốt.... Với lại, con gái nhiều chữ thì dễ hư lắm.... Để lý sự, để

cãi lại chồng à? Đạo lý nào xưa nay đi dạy con gái cãi chồng?”. Tôi nói: “Mẹ tớ cũng bảo, con gái phải tiết hạnh”. Cái Hảo cãi: “Tiết hạnh để làm gì? Thế con trai không cần tiết hạnh à? Mà thôi... đằng ấy hiền lắm... hình như đằng ấy bị... làm sao ấy”. Tôi nóng mặt. Tôi chỉ muốn câu xé cái Hảo ra hàng trăm mảnh.

Đêm ấy về, tôi mơ. Tôi mơ thấy tôi và cái Hảo trần truồng nắm tay nhau bơi xuống đáy hồ nước, nơi có con rồng bị hòn đá chẹt cổ. Hai đứa tôi hùn sức đẩy tung được hòn đá. Con rồng cất đầu lên, vùng vẫy làm sóng nước sôi lên ừng ực. Tay tôi nắm hòn đá, tôi bóp chặt lấy...nhưng hòn đá trong tay tôi lại hóa thành bầu vú cái Hảo mây mây.... Tôi căng người rồi lịm đi, chìm sâu dưới đáy nước.... Tôi nghĩ lơ mơ, hòn đá thế này, thảo nào rồng không giãy ra được là phải thôi. Sáng hôm sau, tôi tỉnh dậy, nhưng thu mình nằm im, lắng nghe không gian. Mẹ tôi gọi dậy đi học, tôi trả lời ú ớ. Mẹ tưởng là tôi ốm, sờ trán, nắm chân tay, rồi mẹ lật đật chạy sang hàng xóm nhờ bạn bè đi học xin phép nghỉ hộ tôi. Đến gần trưa tôi mới dậy. Đi ra ngoài vườn, tôi thấy đất trời đổi khác.

Cuối năm ấy, chiều ba mươi tết, tôi lảng vảng ra cổng Quán Táo. Minh tôi lẻ loi giữa cánh đồng rét buốt. Chiều tắt niên tai tái dài dại. Làng xóm cúm rúm, xo xắt lại. Tôi ngồi bệt xuống vạt cỏ nâu xin cần cỗi. Chợt tôi giật mình, thì ra ông Tổ Vị đứng sau lưng tôi từ lúc nào không hay. Tôi chào và ông hỏi: “Mày ra đây làm gì, hả thằng dở người kia? Tao đi tảo mộ thấp hương tắt niên ở đằng kia, nhìn thấy mày, tao đành chịu rét thêm, là để bảo cho mày biết, mày không tìm được gì ở đây đâu. Thôi về đi, con ạ. Không tao lại bảo mẹ mày ra lôi mày về”. Như mọi khi, hễ thấy ông gọi là thằng dở người, tôi bực mình lắm. Tôi bảo ông cứ mặc tôi, và cũng không mướn ông nói với mẹ tôi. Nghe vậy, ông có vẻ tức, rửa tôi đủ thứ rồi bỏ đi. Đi một đoạn, ông dừng lại nói to “Làm gì có rồng. Mà có rồng thật, sống ở cái vũng

trâu đầm này thì rồng cũng thành giun thôi, con ạ! BỐ mày đây, bảo cho mà biết, lại không chịu nghe lời. Cá không ăn mắm cá thối, con ạ!”. Khi ông Tổ Vị về rồi, còn lại một mình, tôi cảm thấy lạnh ghê gớm. Nhang cháy dở phía nghĩa địa, gió thổi bùng lên thành ngọn lửa. Tôi nhìn thấy từng đoàn người đi như lướt trên mặt đồng chạng vạng... Tôi sợ run người, định bỏ chạy. Bỗng tôi nghe lục súc phía dưới cống. Tôi căng mắt nhìn thì phát hiện ra từng đàn cá chép nhô hẳn sống lưng đang ngược nước từ sông vào đầm. Tôi ngăn người, quên cả sợ, tôi để cả áo quần lội xuống. Tôi bắt mãi miết. Dễ chừng được mấy chục con cá chép lớn nhỏ đủ cỡ. Tôi cởi áo ngoài để bọc cá, khệ nệ ôm về. Mẹ tôi cúng tất niên xong, đang ngồi chờ tôi về để cùng ăn. Thấy tôi về, mẹ mừng lắm. Lại càng mừng khi thấy tôi bắt được bao nhiêu là cá. Tôi đổ cá ra sân, bảo mẹ đi mổ cá. Còn tôi lên giấu một con to nhất, thay quần áo tinh tươm và mang con cá đến biếu ông Tổ Vị. Tôi gọi công, cái Hảo mở cổng, thấy tôi thì ngạc nhiên lắm. Tôi đùa: “Có món quà sêu lễ bố vợ tương lai đây”. Cái Hảo liếc xéo, véo tôi một cái thật đau, nhưng tôi thích lắm. Sau khi nghe tôi nói, ông Tổ Vị cầm con chép lên, bảo: “Lý Ngự vượt vũ môn đây! Chú mày đưa Táo Quân lên châu trời, sao không hóa rồng còn về đây làm gì mà để cho cái thằng nửa vĩ nhân nửa dờ hơi này túm được. Nay mắc cạn thế này, ầu cũng tại số kiếp cả!... Còn cậu Thằng, cậu vợ bỏ đấy. Cảm ơn cậu! Thôi về đi, kéo sắp giao thừa rồi... Về trễ, quá đi... kéo sang năm mới lại đông cho nhà tôi và cả nhà cậu nữa đấy!...”

Ra đến cổng, tôi mừng thầm, ông không xưng hô tao mày với tôi nữa mà gọi tôi là cậu, có lẽ sau này, không chừng, ông sẽ đồng ý gả cái Hảo cho tôi. Về nhà, mẹ tôi mổ cá vẫn chưa xong, mà pháo giao thừa đã lác đác nổ...

Tưởng cái Hảo nói chơi, thành ra thật. Hết cấp hai nó ở nhà làm ruộng. Tôi cũng định thôi nhưng mẹ tôi muốn tôi phải học. Tôi vào cấp ba. Cả xã có

mấy đứa, chúng chơi với nhau, bỏ mặc tôi. Tôi cũng chẳng cần. Tính tôi ưa lặng lẽ, suy tư một mình nên tôi chẳng vì thế mà buồn. Nhà tôi không có xe đạp. Mẹ tôi bán mấy tạ khoai tây giống sấm cho tôi một chiếc. Đám con gái ở lớp thì tôi thấy chán ngấy. Chúng cứ tí tởn như đám búp bê má hồng nơi phố xá, song thật ra thì vẫn quê mùa một cục, chẳng đứa nào bằng cái Hảo. Tôi nhất quyết sẽ cưới cái Hảo bằng được.

Đùng một cái, làng có chuyện động trời. Người ta đồn ầm chuyện ông Tổ Vị dan díu với bà Cả Khoái, bị con gái bà bắt quả tang. Bà Cả Khoái cũng chạc tuổi ông Tổ Vị. Bà góa chồng trẻ, ở vậy nuôi cô con gái độc nhất là chị Bái. Chị Bái lấy chồng, lại cũng góa chồng trẻ, có một con trai. Ba mẹ con bà cháu ở với nhau. Mọi người bảo nhau rằng, tưởng bà Cả Khoái khi còn trẻ có tí tấu tí mẽ, chứ ai lại già đời rồi mới đồ đốn. Người làng kể cho nhau nghe chuyện chị Bái mắng mẹ thì bà Cả Khoái thú tội rằng bà đang già gạo, thì ông Tổ Vị đến chơi. Bà định ngừng già pha trà, tiếp ông, ông lại bảo “thân già làm một mình cực lắm, để tôi cùng già đỡ cho vui chân”, thế rồi từ vui chân ông chuyển sang vui vầy. Biết chuyện, tôi chẳng dám nói gì với mẹ tôi. Mẹ bảo: “Con thấy chưa! May mà dạo nào... mẹ đuổi lão ta thẳng cổ ... chứ không... có ngày rầy rà to. Lão ta là đồ mất mảnh”. Nghe nói, cái Hảo khóc lăn lộn và còn đe tự tử. Cái Hảo vừa khóc vừa bảo bố nó: “Thầy làm như thế thì con còn mặt mũi nào... Rồi đây, ai còn thèm dòm ngó đến con... Người ta kén vợ kén tông”. Còn ông Tổ Vị thì u uất: “Chuyện lỡ rồi! Mà cũng có gì đâu.... Mà việc gì phải chết, hả con! Đời người ta còn nhiều thứ điểm nhục hơn... Giá chết được thì tao đã chết từ lâu, và chết nhiều lần rồi, con ạ !”...

Sau chuyện ấy, tôi không vui mà cũng chẳng buồn. Đầu óc tôi lúc trống rỗng, lúc mông lung. Một hôm, sau buổi học, tôi quăng xe đạp lại và tôi bỏ đi. Tôi đi và chẳng biết đi đâu. Đêm đầu bơ vơ ngoài đường, tôi cứ nhìn

vàng sáng hắt lên trời mà hướng tới. Có lẽ nơi ấy là thành phố!....

Rồi tôi trở về nhà bằng cách nào thì tôi cũng không nhớ rõ. Trong cơn tâm thần bột phát ấy, tôi chỉ nhớ duy nhất một hình tượng. Đó là lúc tôi đi dọc bờ sông, khi trời đã về chiều, thì trời đất bỗng nhiên tối sầm lại, mù mịt bụi bay, gió thốc mạnh làm cây cối ngã nghiêng, tôi đứng không vững, ngã sấp ngã ngửa, tai nghe tiếng nước rồi réo ào ào, rồi phía dưới bờ đê, ngay trên vạt ngô bãi bồi, một cây cột sừng sững mọc lên và nó lung lay nghiêng ngả. Tôi cố mở mắt ngược nhìn lên thì chỉ thấy cây cột vút mãi tận trời. Tự nhiên, tôi có cảm giác người như bị nhấc bổng lên khỏi mặt đất. Tôi nhanh tay nắm chặt lấy bụi trính nữ bên bờ đê, cố ghì mình để tránh khỏi bị nhấc bay lên. Mặt tôi vực xuống, răng cắn vào đất. Đúng lúc ấy đầu tôi chợt lóe sáng. Thôi đúng là con rồng tung mình bay lên khỏi đầm nước rồi. Nhưng sao chỉ thấy phần thân và phần đuôi của nó tung quẫy? Còn phần đầu của nó đâu? Hay là đầu của nó vẫn còn bị hòn đá chặn chặt dưới đáy đầm? Và tự nhiên, trong người tôi sôi lên một ý chí mạnh mẽ, rằng tôi sẽ quyết tâm sư học đạo để có đủ trí tuệ và sức mạnh giải phóng con rồng ra khỏi nơi giam giữ, rằng tôi cam tâm tình nguyện sẽ suốt đời đấu tranh và hiến dâng thân mình cho sự nghiệp giải phóng này!

Sau khi về nhà, tâm thần ổn định, được mẹ cho biết là ngay khi biết tin tôi bỏ đi, mẹ tôi đã huy động họ hàng và đám bạn học của tôi bỏ về thành phố tìm kiếm. Gần hai ngày lục lợi khắp ngõ ngách, hè phố, xó chợ... người ta bắt gặp tôi ngồi rũ ra dưới một gốc cây to trong công viên nhỏ thành phố giữa trời mưa tầm tã. Tôi bị lạnh đến cứng hàm mà tôi vẫn cố lẩm nhảm “Giải phóng.... Giải phóng...” Mẹ tôi bảo: “Lúc ấy mọi người tưởng con chết vì cảm lạnh... Nhưng rồi con sống và hồi tỉnh dần. Có lẽ cơn mưa đã gội rửa những mê muội trong đầu óc con! Xin cảm tạ trời đất!”

Từ ngày đó, tôi ít đến nhà ông Tổ Vị. Tôi không hiểu ông ta là người như

thế nào. Có lẽ, trong ông ta có cả thần thánh và ma quỷ! Riêng với cái Hảo, tôi vẫn thích. Nó càng lớn càng đẹp thêm. Nhưng sau chuyện ông Tổ Vị dan díu với bà Cả Khoái thì trông nó ỉu xiu, ủ dột như bánh đa nướng gặp tiết nồm. Về ủ dột phủ lên cơ thể đầy sức sống càng làm cho nó thêm phần thánh thiện. Một đêm, làng có hát chèo, cái Hảo đi xem cùng mấy đứa con gái cùng xóm. Tôi để ý tìm kiếm và ngồi cách đó một quãng. Trên sân khấu đến đoạn Thị Kính hát điệu Sở rầu mang con Thị Màu đi ăn xin thì cái Hảo bỏ về trước một mình. Vừa để mắt chú ý một chút lên sân khấu, ngoảnh sang đã không trông thấy cái Hảo đâu. Tôi đảo mắt chợt thấy thoáng bóng nó ở phía cửa ra vào. Tôi chạy theo, giẫm bừa lên chân người ngồi xem. Đến cửa ra vào thấy mất hút bóng nó. Tôi đoán nó bỏ về nhà nên rảo bước về hướng nhà ông Tổ Vị. Gần tới cổng, tự nhiên máu tự ái bốc lên làm tôi đứng sững lại. Tôi quay về nhà mình chứ không xem nốt chèo nữa. Đêm ấy, tôi khó ngủ. Sáng sớm hôm sau, khi tôi oằn oại chưa muốn dậy thì mẹ tôi đến bên giường bảo: “Thôi dậy đi con! Mọi người khao nhau là đêm qua, ông Tổ Vị tự vẫn chết rồi. Khi cái Hảo xem chèo bỏ dở về đến nhà thấy ông Tổ Vị treo cổ ngay giữa nhà”. Tôi vùng ngay dậy. Đêm qua, giá tôi không tự ái thì có phải tôi đã có mặt ở bên cạnh người tôi yêu lúc hoạn nạn không. Song biết đâu, nhờ có mặt ở đấy, tôi phải làm nhân chứng cho một vụ án, và không chừng, người ta còn nghi tôi dính nứ gì tới cái chết của ông ta cũng chưa biết chừng. Thế là người hiểu biết cao nhất của làng không còn nữa!

Ông quyên sinh vì lẽ gì? Sau khi ông chết người ta còn đồn đại, thêu dệt nhiều chuyện bĩ ối. Chẳng biết nên tin vào đâu!

Từ ngày ông Tổ Vị chết đi, tôi lại vợ vẫn nghĩ đến chuyện con rồng. Một trưa hè tháng sáu, tôi ra đầm. Tự nhiên ở giữa đầm sủi lên một đám bong bóng to. Thôi đúng là con rồng bị đá chẹn cổ lâu ngày ngạt thở rồi. Có lẽ nó đang hấp hối. Không kịp suy nghĩ, tôi lao mình xuống, bơi ra giữa đầm, lặn

một hơi dài, quờ quạng lung tung song chẳng thấy gì. Lên bờ tôi tần ngần mãi. Tôi nghĩ, có lẽ con rồng đã chết rữa ra lâu rồi, hoặc giả nó đã gãy ra được rồi bay lên trời mà bữa nào tôi đã nhìn thấy. Còn mấy cái tấm to sủi lên, có lẽ do trời quá nắng, nước nóng làm khí thoát từ bùn bốc lên thành bọt trên mặt nước?

Sau đó, tình cờ tôi đọc được ở một tờ báo có bài viết nói về con rồng. Vị giáo sư, tác giả của bài viết nói về một huyền thoại rằng con rồng vốn là một loài rắn biển hung dữ. Đọc rồi, tự nhiên tôi thấy chán ngấy. Tôi cũng ít nghĩ đến cái Hảo. Mỗi lần nhớ đến nó, tôi không thấy sôi lên trong lòng mình khát vọng nhục dục nữa. Song khi nghĩ đến bầu ngực, vóc dáng thon thả của Hảo tôi không khỏi bần thần. Tôi không sợ lấy cái Hảo sẽ mang tiếng, bởi đơn giản từ bé đến giờ, tôi luôn hành động theo ý nghĩ của mình, bất chấp người nói vào ra thế nào. Để ý quanh làng xóm, tôi thấy gia đình mới tù túng làm sao. Tự thân tôi cũng thấy vậy. Nhưng tôi biết, cái Hảo, cùng với mẹ tôi luôn là chỗ dựa tinh thần cho tôi.

Tôi không học thêm cao nữa mà ở nhà làm ruộng nuôi mẹ. Mẹ tôi yếu lắm rồi. Tôi biết thâm tâm mẹ muốn tôi lấy vợ, sinh năm đẻ bảy, bởi có như vậy mẹ mới coi như mình trả xong nợ với đời mà nhắm mắt xuôi tay. Tôi ba chục tuổi. Nhớ có lần, ông Tổ Vị bảo “Tam thập nhi lập... Ở cái tuổi này mà không định hướng được ý chí mình thì coi đời là bỏ đi”. Vậy mà tôi vẫn bị người ta cho là một thằng dở người. Khi ông Tổ Vị còn sống, ông hay khích bác tôi, nhưng tôi còn có được sự khích bác để mà nổi xung lên, mà tự ái... Còn bây giờ, người ta lẩn lội, lam lũ, sao vẫn chán ngấy. Chán đến tái tê! Hàng ngày, tôi vẫn phải ra đồng. Không làm thì lấy gì mà đút vào miệng mình, chứ chưa nói đến chuyện nuôi mẹ. Tôi cầm cày đi sau con trâu, rồi gieo mạ, cấy hái... như mấy nghìn năm trước tổ tiên tôi từng làm. Mọi người xung quanh tôi cũng vậy. Nhưng chẳng một ai, ngoài ông Tổ Vị, biết

tôi đang nung nấu ý chí sắt đá, biết tôi đang tích tụ sinh lực để giải phóng con rồng thoát khỏi nơi tù hãm.

Tháng Giêng 1994

Gió ven bờ sóng

Chủ doanh nghiệp đồ mỹ nghệ Phong Hải sau khi làm ăn phát đạt và nhận thấy trên thị trường xuất hiện nhiều người kinh doanh loại hàng này nên quyết định mở rộng, chuyển hướng kinh doanh sang dịch vụ du lịch tắm biển. Phong Hải không chủ trương nhắm vào các bãi biển nổi tiếng, bởi anh biết, mình chưa đủ vốn liếng và kinh nghiệm để chen chân vào đó, mà anh tìm đến các bãi biển nhà quê, vừa phù hợp với vốn liếng, vừa thỏa mãn được nhu cầu vui chơi của tầng lớp bình dân.

Gọi là tìm kiếm, nhưng thực ra, Phong Hải đã có chủ định từ trước. Anh về vùng biển gần quê mình. Hôm anh đi khảo sát thực địa, bãi biển Diên Dương sóng lớn và đục ngầu, bởi con sông Ninh đang mùa mưa lũ, đổ nước phù sa ra cửa biển. Cậu trợ lý của anh gàn: “Biển đục thế này, mà lại ở nơi hẻo lánh, đường sá khó khăn... Em nghĩ, ta không nên đầu tư khai thác nơi đây, anh ạ!...”. Phong Hải cười: “Thế cậu tưởng là tôi không biết điều đó hay sao? Nhưng cậu mới chỉ biết có một. xu thế của du lịch lữ hành thế giới

bây giờ là người ta nhắm vào những nơi hoang sơ, nơi thiên nhiên là thiên nhiên thực, ít có sự can thiệp của bàn tay con người. Đây là nhìn ra xa, còn nhìn gần, chỉ cần thỏa mãn nhu cầu vui chơi tắm biển của nhân dân cái tỉnh gần hai triệu người này cũng là đủ rồi. Rồi cậu xem. Tôi quyết làm!”. Thực ra, nói như đinh đóng cột, song Phong Hải cũng hơi lo. Đầu tư hàng tỉ đồng chứ đâu phải ít. Thâm tâm, ngoài việc nắm bắt kịp xu thế thời cuộc, thấy bãi biển đẹp với cảnh sắc thiên nhiên hài hòa, anh quyết định còn có thêm lý do khác mà ngoài anh ra, không một ai đoán biết nổi. Đó là ký ức của một thời trai trẻ, về một môi tình chớp nhoáng kiểu “bãi biển, đời người” ở chính nơi đây hơn hai mươi năm trước!...

Mọi thủ tục giấy tờ về đất đai, vốn đầu tư, phân chia lợi nhuận với địa phương được thảo ra nhanh chóng và được quyết định để thực hiện cũng nhanh chóng không kém. Và rồi vật tư, trang thiết bị xây dựng khu nhà nghỉ được ùn ùn chở đến. Khu nhà nghỉ dần hình thành. Vấn đề còn lại là khai thác như thế nào thôi.

Trong bản hợp đồng với địa phương, phần tuyển dụng lao động phục vụ khu nhà nghỉ được ghi ưu tiên cho người địa phương. Và như vậy, Phong Hải bắt đầu cuộc tuyển dụng. Trừ một vài nam giới làm công tác bảo vệ và những việc nặng nhọc, còn lại, các nữ tiếp viên, anh chủ trương chọn một số cô gái trẻ ở ngay trong làng, đào tạo cấp tốc các kiến thức sơ đẳng về 4b (buồng-bàn-bar-bếp) như người ta thường làm. Cậu phụ tá của Phong Hải ghé tai anh nhắn nhủ: “Về việc tuyển dụng thì Sếp cứ để em... Em sơ tuyển, rồi Sếp chung khảo... Cứ là phải có sắc một chút, để còn phục vụ cho nhu cầu tươi mát của khách nữa chứ!... Thiếu cái khoản này thì cứ là... Hi hi...” Anh nói trắng: “Sập tiệm chứ gì!”. Cậu ta cười phá lên: “Sếp thật là thoáng. Thời kinh tế mới nó phải vậy chứ!”. Anh tưng tửng: “Nhưng chưa hẳn tôi đã bằng lòng. Cậu cứ xúc tiến việc tuyển mộ cho tôi. Còn sử dụng thế nào thì sau

hăng hay...”.

Chưa đầy nửa tháng sau, cậu ta đã mời Phong Hải “duyet đội danh dự”. Trước mặt anh là ngót chục cô gái quê. Nhìn lướt qua một lượt, anh nhận ra ngay vẻ e dè, sợ sệt, nhưng lại pha chút hân hoan, hi vọng ở họ. Chắc là các cô mơ đến một cuộc sống kiểu cách theo lối đô thị chờ đón, mặc dù vẫn chỉ là thân phận bồi bàn, làm thuê, và dường như, các cô đã chán ngấy cái cuộc sống lao động nặng nhọc, chân lấm tay bùn từng đè nặng nhiều kiếp người ở chốn quê mùa rồi. Về hình thức, quả là cậu trợ lý có con mắt tinh, các cô đều kha khá cả. Con gái vùng biển, tuy hơi thô vì công việc và quen ăn sóng nói gió, nhưng bù lại cô nào ngực cũng nở, bụng thon do chèo thuyền nhiều, nước da ngăm ngăm và có gương mặt, cái nhìn gợi cảm. Trong số đó, Phong Hải chú ý đến một cô gái có dáng vẻ buồn buồn, khá xinh và tuổi cũng cứng hơn so với chúng bạn. Gương mặt ấy gây lên trong anh một xúc cảm lạ. Anh hỏi: “Cô tên gì, bao nhiêu tuổi rồi?”. Cô ta rụt rè: “Cháu tên là Nghĩa.... Cháu... đã hai... mấy rồi ạ!”. Anh hơi đùa: “Cô đừng sợ tôi chê già... Yên tâm đi, tôi sẽ tuyển cô”. Cô vẫn không vui lên được bao nhiêu: “Thế ạ! Cháu xin cảm ơn chú...”.

Thực ra, ký ức về một mối tình chớp nhoáng trong vòng tuần lễ từ hơn hai mươi năm trước chỉ là giọt nước cuối cùng làm tràn cốc nước, khiến Phong Hải quyết định xây nhà nghỉ ở bãi biển nhà quê này. Làm ăn kinh tế, phải biết tính toán chi li sau khi đã nắm bắt được xu thế, và cũng phải biết táo bạo, nói nôm na là phải có máu liều. Phong Hải đã nghĩ đến cái việc như cậu trợ lý nói, là đáp ứng nhu cầu tươi mát của khách du lịch, song cứ nhìn và nghĩ đến cô gái tên Nghĩa kia, một ngày nào đó, theo yêu cầu của việc kinh doanh, sẽ phải lả lơi, ngả ngón với khách, và thậm chí phải hiến thân xác cho khách, thì anh thấy bất nhả làm sao! Phong Hải không đang tâm. Đối với cô gái đó, anh vừa muốn gặp lại vừa ngại gặp. Nói đúng ra, anh

không dám nhìn lâu vào gương mặt u hoài và ánh mắt đau đáu của cô ta. Không phải một lần, Phong Hải tự nhủ mình, tại sao cái cô gái nhà quê ấy khiến mình phải quan tâm, băn khoăn? Một hôm anh bảo cậu trợ lý: “Này, cậu tìm hiểu cho tôi xem cái cô gái tên Nghĩa ấy gia thế như thế nào?”. Cậu ta nhìn anh, hấp háy mắt, toét miệng: “Cô Nghĩa ý à. Bây giờ là không có Nghĩa nào hết, cô ta mang tên mới Nguyệt, Như Nguyệt... Này nhé, em mạn phép anh đổi tên hết thầy các cô bé, nào Minh Nga, Kiều Loan, Thu Ánh... Thế mới xứng đàn tiếp viên trẻ đẹp chứ anh! Mà này, Sếp có ý đồ gì mà điều tra lai lịch con bé ấy kỹ thế? Chắc là... nó lọt vào mắt xanh của Sếp rồi phỏng? Em cứ nói thật nhé, cái con bé ấy trông xinh xinh đấy nhưng mà cứ đơ đơ thế nào ấy... rõ quê một cục. Em gọi là Như Nguyệt, thì cãi lại rằng "em tên là Nghĩa, cha sinh mẹ đẻ đặt cho thế, xin cứ gọi đúng tên, không Như Nguyệt gì hết, gọi khác đi em không thừa thì đừng có trách...". Thế thì anh bảo có chán không chứ. Nếu anh cần... thì cứ để em...em sẽ lựa chọn cho một đứa khác, ngon lành hơn...”. Phong Hải không nén được bực, dần giọng: “Cậu có thôi đi không. Cậu cứ làm như tôi bảo, càng sớm càng tốt. Còn như cậu lải nhải về cái chuyện kia thì không chừng, người tôi sa thải đầu tiên chính là cậu đấy ! ”.

Cậu ta cụt hứng, cáo lui.

Vài ngày sau, cậu trợ lý đã làm xong việc anh giao. Khi gặp Phong Hải, không cần giấy tờ, cậu ta liền thoáng về lai lịch cô gái tên Nghĩa với cái giọng hài hước, trót nhả: “Thưa Sếp! Lý lịch trích ngang của tiếp viên Như Nguyệt cụ thể như sau: Họ tên khai sinh, Lê Thị Nghĩa, sinh năm bảy tư, cầm tinh con HỎ, loại này ghê gớm và khó lấy chồng lắm đây. Bố là Lê Văn Tèo, có dị tật chàm phẩy, nát rượu, cờ bạc, đúng là loại bỏ đi. Mẹ là Phạm Thị Nụ, đã chết cách đây hai năm vì bệnh ung thư, nghe nói ngày xưa xuân sắc lắm... chắc là quá đa tình nên chết sớm. Một em trai tên là...”. Phong

Hải rít lên : “Thôi đi!...”. Anh choáng váng ngây mặt. Cậu trợ lý ngừng bật, nhưng rồi lại mấp máy: “Có nột điều này, em xin nói nốt, dư luận ở làng nói rằng, cô ta chỉ là đứa con trắng men của ông bố thọt mà thôi... Chẳng hiểu bố cô ta là ai, chắc là một gã mất mảnh!”. Phong Hải lẩm bẩm: “Có lẽ vậy”. Cậu trợ lý tưởng anh đồng tình với gã, lại cao hứng: “Một lý lịch nhọ nhem như vậy thật thích hợp với nghề tươi mát, thế mà lại sĩ nữa cơ chứ, làm như cao quý lắm. Rõ đồ cút nát có chóp!....”. Phong Hải không còn đủ sức để thốt ra điều gì nữa...

Ngày ngày hôm sau, Phong Hải về Hà Nội. Cả một tuần, đêm nào anh cũng mất ngủ, ra phòng khách đốt thuốc lá và bật video xem, những nhân vật trai tài gái sắc trong các bộ phim võ hiệp phong tình nhảy nhót, uốn éo trước mặt anh. Còn ban ngày, anh ra vắn vào vợ, rồi lại phóng xe đến đám bạn bè và đi bia bọt với họ. Vợ anh, cô giáo dạy sử ở một trường cấp ba, con gái người thủ trưởng liệt sĩ của anh hồi quân ngũ, mấy lần gắng hỏi vì thấy anh khác thường. Anh thoái thác, nói dối là cảm thấy mệt mỏi, biểu hiện của tuổi già. Vợ anh thì cứ lo là chuyện làm ăn có gì đó trắc trở.

Khi quyết định kinh doanh du lịch ở Điện Dương, Phong Hải đã có thêm dũng khí nhờ ký ức về một môi tình thời trai trẻ, song anh không bao giờ ngờ đến, khi công việc mới khởi công, anh đã gặp ngay một sự thực, khiến anh sụp đổ không còn thiết gì làm ăn nữa...

Hơn hai chục năm trước, khi ấy anh vừa đôi mươi, đang học đại học thì anh có lệnh nhập ngũ. Anh về quê chuẩn bị để lên đường. Mẹ anh bảo sang thăm bà ngoại, chào các cậu dì bên ngoại. Mang tiếng quê ngoại ở huyện khác, nhưng chỉ cách quê nội anh hơn chục cây số đường chim bay và một con sông. Anh sang Điện Dương là để chào người dì ruột lấy chồng ở đấy. Làng nằm kề ngay biển, cách nhà bà ngoại anh một cánh đồng. Từ ngày nhỏ, hễ có dịp đến chơi nhà dì là anh lao ngay ta biển. Anh mê biển từ thơ

bé. Trong trí óc non nớt của anh hồi đó, những đám mây xấp lổn nhổn như ngồi trên mặt nước, những con sóng ngẫu bọt ầm ào không hề biết mệt mỏi, những cánh buồm rách nát cũ bươm vá chằng vá đụp, những người dân chài đen đúa cần mẫn làm lụng, những con còng gió nhoảnh nhịt trên bãi cát... và tất thấy những gì thuộc về biển, đều có sức lay động, cuốn hút mạnh mẽ. Buổi chiều ấy, anh đã ra biển. Một mình anh chạy nhảy, bơi lội, gào thét thỏa thuê. Có lẽ những người dân chài ở đấy nhìn anh buồn cười lắm, thậm chí, họ còn nghĩ anh là một kẻ dở hơi, rò dại. Mặc kệ, anh cứ nhảy, cứ hét, bởi chỉ đầy tuần nữa thôi, anh đã ra trận rồi, và nói đại dột, biết đâu đấy, anh chẳng bao giờ còn được trở về làng quê, trở về sân trường đại học, và trở về vùng biển quê xinh đẹp này. Nghĩ vậy, anh rộn người, rồi như người không xương, anh sụn xuống bãi cát. Anh đưa tay sờ đầu, sờ tóc, vuốt mặt, xoa xoa nhẹ lên vòng ngực đầy căng, khẽ nắn bóp chân bóp tay rắn chắc của mình và thần thờ...chao ôi, nếu một ngày nào đó mình không may trúng đạn, chết đi, tất cả sẽ thôi rữa ra tan vào bụi đất ư? Anh không theo tôn giáo nào cả, nhưng tự nhiên lúc đó, đầu anh căng lên bởi suy nghĩ về một câu Kinh Thánh rằng “thân cát bụi lại trở về với cát bụi”. Và anh xục đôi tay xuống cát, vốc lên một vốc cát, đưa lên cao trên đầu, mắt nhắm lại, buông từ từ cho cát chảy xuống đầu, không nghĩ ngợi gì... Vốc cát đã hết từ bao giờ, anh không biết nữa!... Một ý nghĩ tia loáng trong đầu anh, chết chắc là cũng đến vậy thôi, thế thì có gì mà phải sợ. Anh mở bừng mắt, và bắt gặp ngay trước mắt mình đôi chân trần và đôi ống quần thâm đất. Thoạt đầu anh ngạc nhiên, ngược mắt nhìn lên, thì đó là một cô gái. Cô trạc mười bảy, mười tám là cùng. Gương mặt dễ thương, mắt to đen láy, da ngăm đen, trừ bàn chân đi đất hơi khô, còn lại khá thon thả. Bộ quần áo cô đang mặc trên người, có lẽ do mồ hôi, do sóng biển bắn vào mà bị ướt từng đám. Cái nhìn của anh dừng lại hơi lâu nơi bầu ngực gọn và nâng cao của cô gái. Chợt anh nghĩ đến một

câu ca mà mẹ anh hay nói “những người thất đày lưng ong vừa khéo chiều chồng lại khéo nuôi con”, anh bật cười thành tiếng. Cô vẫn đứng vậy, hỏi: “Anh cười cái gì? Có phải cười tôi không đấy?”. Anh nhìn cô bặm môi có vẻ hơi tức và đầu dụi: “Không đâu. Tôi cười là bởi tôi nghĩ đến cái việc vừa ban nãy cô thấy tôi làm trò hề thì hẳn cô phải nghĩ rằng tôi là một thằng điên”. Đến lúc ấy thì người cười lại là cô, cô hồn nhiên: “Trông anh giống phù thủy đang phù phép ấy”. Anh nảy ra ý định trêu cô vì anh thấy men men cô rồi: “Đúng đấy. Tôi đang phù phép và tôi khấn trời đất cho tôi...”. Anh bỏ lửng câu nói vì biết thế nào cô cũng tò mò. Quả nhiên, cô gặng: “Anh cầu trời cái gì vậy? Có phải...”. Anh tinh nghịch: “À, tôi cầu trời ban cho tôi người con gái của thần biển”. Cô băng khuâng: “Thế à!”. Anh nhìn cô dò xét và quyết định: “Cô hãy xem nhé... giờ tôi nhắm mắt lại và tiếp tục khấn, khi tôi mở mắt ra thì tiên nữ con gái thần biển sẽ xuất hiện ngay...Nào...”. Anh quỳ đầu gối xuống cát, chắp hai tay để ngực, nhắm mắt và làm rằm. Anh mở mắt ra, từ từ đứng dậy, giang hai tay, tiến gần đến cô, miệng nói như lên đồng: “Ôi... tiên nữ của lòng tôi. Con xin cảm tạ thần biển nhân hậu đã sáng tạo nàng tiên tuyệt mỹ này. Xin cảm tạ trời đất đã ban tặng nàng cho con”. Anh từ từ đặt tay lên vai cô gái và chợt nghĩ là mình đang diễn kịch, hết như tập kịch ở đội văn nghệ nhà trường. Cô gái tròn mắt, ngạc nhiên, và khi bàn tay anh chạm đến bờ vai cô thì cô lùi lại, bảo: “Cái nhà anh này... buồn cười nhỉ? Tự dưng lại ... chẳng đứng đắn chút nào. Người ta không đùa đâu đấy!...”. Anh nghĩ nhanh, xưng người ta à, thế thì tiếp tục trêu cho biết tay nhau, và cất giọng đầy trai lơ: “Cô nói phải, à không, nàng phải lắm. Ta làm sao đứng được nữa, mà đang xiêu như điều đổ bởi sắc đẹp của nàng!...”. Cô gái kêu lên khe khẽ: “Ồ ơ...Cái nhà anh này, càng nói càng trơ...Đúng là điên...Thôi trời tôi rồi, tôi phải về đây kéo cá ươn hết rồi. Tôi làm gì có thì giờ mà đứng đây để anh bêu giếu tôi mãi”. Cô gái nói và dứt

khoát bước đi, cắp thúng cá để cách đó một đoạn, quây quả về làng. Anh chạy theo gọi: “Cô gì ơi! Tôi đùa một tí mà ... là vì... thấy cô dễ mến. Đừng hiểu sai về tôi nhé...”. Cô dừng bước: “Anh sẽ không đùa nữa chứ?”. Anh nói nhanh: “Không, không...Nếu cô muốn, tối nay trăng sáng, cô ra chỗ này... tôi sẽ đợi và cô sẽ kể cho tôi nghe về chuyện nữ thần Sắc Đẹp được sinh ra từ bọt biển như thế nào...?”. Cô khẽ cười: “Tối nay thì không được rồi. Tôi có hẹn...à, tôi bận”. Anh ỉu xiu: “Hẹn với người yêu à?”. Cô hoảng hốt: “Ồ, không... nếu quả tình anh không đùa, thì có thể tối mai... ở đây... mà này...tôi đoán anh là người nơi khác đến... và chắc là sinh viên?”. Cô cười rúc rích và đi thật nhanh, khiến anh đờ người nhìn theo.

Chiều hôm sau, anh lại ra chỗ đó tắm, có ý chờ. Sấm sấm tối thì cô về ngang qua chỗ anh, anh hỏi: “Hôm qua cô không giận tôi chứ?”. Cô vẫn cảm chừng: “Ồ không đâu... Tôi làm lụng suốt ngày đâu có thời giờ mà giận với chả dỗi. À, anh tên là gì nhỉ”. Anh không dám đùa nữa, nói thật: “Tên Hải...Tối qua không được... thì tối nay ra nhé ? Thế nào... tôi cũng chờ ở đây...Thế còn tên cô?”. Cô khẽ ngúng nguẩy: “Tên xấu lắm, nói ra anh lại cười. Có thể tôi sẽ ra, nhưng hể anh còn trêu, tôi bỏ về ngay đây”.

Tối ấy, cơn nước xong xuôi, anh nói với dì là đi chơi hóng gió, ra nơi hẹn. Đợi sốt ruột, anh định bỏ về thì cô tới. Cô có vẻ hồi hộp và sợ sệt như có ai vừa đuổi theo. Cô nắm lấy tay anh, hỏn hển: “Tôi...tôi sợ quá!”. Anh hỏi: “Cô sợ cái gì? Sợ ma à? Hay là ...Bố cô không cho đi à?”. Cô ấp úng: “Vâng...ờ...không phải thế!”. Anh bảo cô bình tĩnh lại và khi đã yên vị bên cạnh nhau, cô rụt rè: “Anh Hải này... mới quen anh mà tôi... tôi đã đi chơi với anh như thế này thì tôi có phải là người xấu không?... Anh có khinh tôi không?”. Anh mạnh bạo: “Em... em nói gì mà lạ thế! Anh mến... anh rất quý em mà!”. Cô cười khe khẽ trong bóng tối: “Tôi, à... em chỉ sợ anh nghĩ thế... Anh nói khéo lắm, người như anh khó mà tin được... mà em lại ra đây

với anh...Như thế... tức là em tin anh rồi đấy!”. Cô lại cười: “Em chịu không cãi lý với anh nữa, bởi thế nào anh cũng nói được... Bây giờ anh kể cho em nghe về anh đi đã”. Thế là anh đành phải kể sơ qua về mình, lẽ dĩ nhiên, anh có thêm bớt đôi chút cho thêm phần ly kỳ. Anh giấu không dám nói mấy hôm nữa anh sẽ ra trận. Và cũng cho đến lúc ấy, anh mới biết tên cô là Nụ, mồ côi mẹ, là chị cả của hai em, nhà nghèo. Anh nịnh và khen tên cô: “Nụ tức là nụ hoa”. Cô cãi: “Bố em là dân đi biển, ông đặt tên con toàn là tên cái loài cá, em là Nụ, tức là cá nụ ấy...em gái dưới là Thu, thằng em trai út là Kinh”. Anh cười trừ, rồi liên thuyền đủ các thứ chuyện trên trời dưới bể. Chợt cô nhớ ra: “A... anh hứa là kể cho em nghe chuyện về nữ thần Sắc Đẹp cơ mà. Vì muốn nghe chuyện...nên em mới ra đây đó”. Và thế là anh cười, không thể từ chối, kể: “Từ thuở trời đất còn hỗn mang, có một người đàn bà tên gọi là Aphrodite, nàng được các chư thần bầu là Thần Sắc Đẹp, nàng được kết tinh từ bọt biển...”

Đã gần đến ngày phải về trường tập trung để nhập ngũ mà anh cứ ở líp Điền Dương, mẹ anh sốt ruột bắt chị gái sang tìm. Anh bảo chị về trước, sáng hôm sau anh sẽ về. Và tối ấy, anh đã gặp Nụ. Anh vẫn giấu chuyện nhập ngũ, chỉ nói rằng sớm mai anh phải về. Tự nhiên, anh thấy Nụ thân mật hơn, quyến rũ hơn. Và trong khung cảnh ấy, anh đã nói với Nụ những lời có cánh, đó cũng là tâm trạng thật của lòng anh. Anh đã gọi Nụ là “nàng Aphrodite của tôi”. Anh nói nhiều, nhiều lắm và khi ngôn từ bất lực thì đôi bàn tay anh trở nên mẫn cảm, nồng nàn...Nụ gục vào ngực anh, tay cô tìm bàn tay anh và dẫn dắt nó. Khi bàn tay anh trườn qua bầu vú cô thì anh rùng mình và ngay khoảnh khắc ấy, anh nghĩ mình không được phép vượt quá giới hạn, bởi biết đâu mình sẽ không trở về, và như vậy, cô ấy sẽ tủi nhục nếu như... Còn Nụ, như đọc được sự lưỡng lự trong anh, cô dần tới, quyết liệt hơn và khi đó thì anh không còn đủ sức để dứt ra, buông thả mình vào

con lốc của dục tình...

Khi hai người rời nhau ra, anh vẫn chưa hết ngạc nhiên, bàng hoàng bởi hương vị của trái cấm đầu đời. Trong khi anh vẫn cứ trần người tự hỏi mình sao sự việc lại diễn ra như vậy, thì Nụ vợ áo quần trên cát luống cuống mặc vào, hình như cô xỏ nhầm ống nên cứ lúng túng mãi... Và cho đến lúc đó, anh mới cảm thấy sức nặng của bản năng và trách nhiệm đè trĩu người mình. Anh lúng búng: “Em... Nụ... Em có hối hận không? ... anh sẽ lấy em, cưới em... Nhưng mà... vài hôm nữa anh đã phải nhập ngũ rồi!... Hay là sớm mai anh về ngay nhà nói với thầy mẹ anh đem coi trầu sang nhà em... coi như chúng mình đã thành vợ chồng”... Anh gấp gấp một hồi rồi tắc nghẹn. Rồi người gầy gầy như lên cơn sốt, mặt đi, không biết mình đã nói gì và Nụ đã trả lời ra sao. Cô khóc và đã tháo ở tay đưa anh chiếc nhẫn đồng làm từ một đồng trinh cổ, còn anh thì trao lại cho cô chiếc nhẫn của anh được tạo ra từ cát-tút đạn... Nụ bảo anh, rằng cô sẽ gắng đợi anh đến chừng nào có thể... rằng cô coi anh như người chồng đầu... và anh cũng không phải ràng buộc gì với cô cả... tự thân, cô lo liệu cho mình. Anh cảm động và đã khóc với cả sự chân thành, biết ơn...

Phong Hải đang bù đầu với đồng giấy tờ thì anh nghe thấy như có tiếng bước chân, ngẩng đầu nhìn lên, có một người đàn bà đi thẳng trước mặt anh. Ánh sáng lờ mờ làm anh không thấy rõ gương mặt người đó. Người đàn bà nói ngay: “Chào anh, anh Hải. Hồ chừng... hơn hai mươi năm cách mặt nay mới gặp lại nhau đây, nhỉ !?”. Anh gỡ kính, đáp lại: “Bà... chị là... xin lỗi, tôi không quen!”. Người đàn bà: “Anh đeo kính vào đi thì sẽ rõ. Anh đâu còn trẻ trung tinh tường như hơn hai chục năm về trước”... Anh làm theo, ngạc nhiên : “Ồ kìa, Nụ... Đúng Nụ rồi, em đó phải không?”. Người đàn bà: “Rốt cuộc thì anh cũng đã nhận ra”. Anh nghi ngờ: “Em còn sống thật sao? Anh không nghĩ là em vẫn còn trẻ đến thế!” Người đàn bà: “Người

không sống nữa thì có quyền trẻ”. Anh hỏi: “Thế bây giờ em ra sao?”.

Người đàn bà: “Anh muốn biết từ khi ta xa nhau?”. Anh vội vàng: “Đúng vậy. Anh muốn biết tất”. Người đàn bà: “Đơn giản là sau khi anh đi, tôi đã mò tìm sang bên quê anh và biết anh đã thật sự nhập ngũ. Tôi lấy chồng sau đó nửa tháng và cũng chỉ già bảy tháng sau ngày cưới, tôi sinh một đứa con gái, một ca đẻ non con so bình thường... Chồng tôi là một người bị dị tật từ bé, tính tình lầm lì và cục cằn. Trước khi gặp anh, tôi đã bị gia đình buộc phải lấy anh ta vì một lời hứa gả con cho nhau của hai người cha. Với anh ta, tôi vừa ghét vừa sợ, bởi người trong làng đồn rằng, xưa ông nội anh ta bị hủi mà rụng cả chân tay... Tôi biết thế nào cũng phải lấy anh ta và sợ con cái mình sau này bị lây bệnh tổ tiên, nên khi gặp anh, tôi nảy ra ý định có một đứa con với anh. Khi gặp anh, tôi thấy anh thông minh, đáng yêu nên ý định ấy càng quyết liệt, và tôi đã chủ động xin anh một đứa con... Thật không may cho tôi nó lại là con gái. Song cũng chính vì con gái mà tôi thương nó hơn. Sau này, chồng tôi đã hiểu được, đứa bé không phải là con của anh ta nên anh ta hắt hủi con bé, và thô bạo với tôi. Tôi thường xuyên bị anh ta đánh đòn vô cớ. Tôi cắn răng chịu đựng bởi tôi đáng bị như thế, vì tôi đã đang tâm lừa gạt anh ta, vì tôi đã có nó với anh...nhưng con bé thì có tội tình gì. Và rồi tôi cũng có hai đứa con với anh ta. Nhiều lần anh ta bảo tôi: " May mà mày sinh cho ông đứa con trai, vì thế ông tha chết cho mày... Rốt cuộc thì tôi cũng được giải thoát!". Anh nói như cầu xin: “Tôi không tệ bạc. Tôi đâu biết con bé là con tôi. Khi tôi từ quân ngũ trở về, tôi có dò hỏi thì được biết là em đã lấy chồng, có con... Tôi cũng rần rật lắm chứ...song tôi nghĩ là em hạnh phúc và quên chuyện cũ rồi, vì thế tôi chẳng nên xen vào”.

Người đàn bà vẫn lạnh băng: “Tôi không trách gì anh. Tình nghĩa hai ta có thể thôi... Tôi trả lại anh chiếc nhẫn xưa, và cũng không đòi lại anh chiếc nhẫn tôi trao anh đâu... Vì tôi biết chắc chắn là ...anh không còn giữ nó

nữa... Hăn nhắ anh đeo bây giờ là nhắ vàng mười, nhắ mặt kim cương...Mà thôi...Tôi giao con bé cho anh, cứ xử thế nào là tùy ở anh. Anh hãy tỉnh ngộ đi... vì chính anh đang đẩy con bé vào vòng tội lỗi đấy... Dù sao ...Tôi vẫn phải đánh anh một cái tát ... là để cảnh cáo trước!...”.

Phong Hải giật bắn mình vì cú tát vào má. Anh chồm người dậy, mở choàng mắt, miệng kêu “Nụ! Nụ!...”. Vợ anh đang sững trước mặt anh: “Nói mãi rồi, cứ nốc cho lấm vào rồi ngủ mê lảm nhảm... Xem lại mình đang ngủ ở đâu? Nụ gì ? Nụ nào, hả ? Nụ hoa hay là nhũ hoa...? Lại con bé mắt xanh mỏ đỏ nào ở nhà hàng nó hút mất hồn rồi, phải không ? ”.

Phong Hải bần thần, thì ra anh tựa vào sa lông phòng khách mà ngủ quên. Điều thuốc lá cháy ngún hết cả điều trên gạt tàn. Anh nặng nề đứng lên, lê người định vào phòng ngủ. Vợ anh chặn lại. Dọn dẹp cốc ly và lon bia trên bàn, cô ta lẩm bẩm: “ Còn ở đâu ra... cái nhắ bằng đồng gỉ xanh thế này? Ah...Lại bày cái trò tặng ...? Vớ vẩn !”. Lúc ấy, anh mới chú ý đến chiếc nhắ đồng gỉ xanh trên tay vợ. Ngẩn người ngạc nhiên, miệng há ra không thành tiếng...Sao thế nhỉ ? Chiếc nhắ ấy ở đâu ra? Rõ ràng là... trước đây, trên mặt bàn làm gì có nó ? Hay là...? Chẳng nhẽ là cô ấy...? Anh bàng hoàng...!

Đầy vẻ bức tức, vợ anh tiện tay trút nó vào sọt rác cùng với đám vỏ lon bia.

Hôm sau, Phong Hải đâm bỏ ngay xuống Điền Dương với tâm trạng day dứt và lo lắng. Cậu trợ lý đón anh, toe toét: “Gớm, Sếp líp đến cả tuần ở Hà Nội. Nhưng Sếp cứ yên tâm đi, mọi việc trôi tuồn tuột”. Anh hấp tấp: “Có chuyện gì không?”. Cậu trợ lý vẫn hồn nhiên: “Không... À có cái cô Như Nguyệt ấy bỏ về làng rồi ạ”. Anh hốt hoảng: “Sao? Mà đã làm gì con bé rồi? Nói ngay!”. Cậu trợ lý sợ : “Đâu có...em có làm gì nó đâu... Em đã đoán là Sếp cảm con bé rồi nên không dám bén mảng...Ai đời... lại dám đi

săn trên đất của nhà vua... Là hôm qua, nó dọn phòng khách thì bị khách gạ gẫm, cưỡng ép gì đó và nó đã đẩy ông khách ngã bổ ngửa, chảy cả máu đầu. Còn nó có làm sao không thì em không biết. Là em nghe mấy cô tiếp viên nói lại như thế...”. Anh gầm lên trong cổ: “Thôi đi. Đủ rồi! Cấm đũa nào được đụng đến con bé. Mà có biết nó là gì không?...”. Anh đã kịp ngừng lại. Lặng trăn.

Chiều ấy, Phong Hải lang thang ngoài bãi biển. Anh đi như người mất hồn. Bóng chiều xuống. Thuyền chài về. Những khách tắm hò hét nhộn nhạo. Anh thấy tất mà lại như không thấy gì. Đầu óc anh quay trở về hơn hai mươi năm trước, nơi có một chàng sinh viên sắp nhập ngũ và một cô gái dân chài đã trao nhau những chiếc nhẫn đồng tự tạo sau khi hòa nhập vào nhau... Một ngày nên ngẫm!... Phải rồi, cô ấy đặt tên con là Nghĩa, chính để nói điều ấy...

Còn con. Con gái của ta ơi... Ta có lỗi với con... Chút nữa ta đẩy con vào vũng nươc bần... Liệu con có tha thứ cho ta? Anh kêu lên thành tiếng, và cảm thấy người nhẹ bẫng, chơi vơi ...

Ngoài kia... biển có giông. Gió đang nổi ven bờ sóng!...

Hạ 1997

Hồng Lôu Mộng, giấc mộng lâu hồng của con người.

Hàng trăm nhà nghiên cứu văn học và khoa học xã hội nhân văn hàng đầu thế giới, vào đầu năm 2007, đã họp nhau lại, bàn bạc và bỏ phiếu để đi đến việc nhất trí chọn ra 20 tác phẩm văn học bất hủ mọi thời đại của thế giới. Người ta thấy trong danh sách có những cái tên rất xứng đáng như : Lev Tolstoi với tác phẩm Chiến tranh và hoà bình, Anna Karenina, A.P.Tsekhov với những truyện ngắn tuyệt vời , Homère với Odysee, Cervantes với Don Quixote, Gustav Flaubert với Bà Bô-va-ry , William Shekespeare với Hamlet, Vua Lia, Marcel Proust với Đi tìm thời gian đã mất, Fedor Dostoiesky với Tội ác và trừng phạt, Gabriel Garcia Márquez với Trăm năm cô đơn v.v...

Tôi chỉ ngạc nhiên, sao lại thiếu vắng cái tên Tào Tuyết Cần với Hồng Lôu Mộng ? Vâng, một câu hỏi có tính nghi ngờ độ chuẩn xác và cả công tâm trong việc bình chọn kia. Phải chăng, cái hội đồng hàng mấy trăm con người, mà toàn những người thông thái nọ, lại có quá ít thuộc châu Á nên số phiếu đã không đủ để đưa Hồng Lôu Mộng vào danh sách ấy ? Hoặc giả, tiêu chí bình chọn không phù hợp để người ta bỏ phiếu cho nó ? Hoặc nữa, nó chưa được chuyển ngữ sang tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha ? Nhân chuyện này, tôi lại nghĩ đến một việc khác còn lớn hơn, đó là sự lo

ngại của dân Trung Hoa khi quá ít người biết sử dụng internet để làm cái việc bỏ phiếu cho Vạn Lý Trường Thành của họ lọt vào danh sách 7 kỳ quan thế giới mới do một tổ chức đứng ra bình chọn, trong khi bình thường ra chỉ cần nhắc đến tên thôi ta cũng thấy nó quá xứng đáng rồi. May rồi chuyện cũng qua, khi mà Vạn Lý Trường Thành đã có tên trong số 7 kỳ quan thế giới mới được bình chọn. Nhưng , Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần tiên sinh lại không, trong khi nó thực sự là một "Vạn Lý trường thành" của thế giới văn chương đông tây cổ kim.

Với cá nhân tôi, nếu ai đó hỏi rằng thích tác phẩm văn học nào nhất, tôi không ngần ngại mà trả lời : Hồng Lâu Mộng.

Tôi thích viết tên tác phẩm này với cả ba chữ cái đầu đều viết hoa. Viết hoa theo cách tu từ. Nghĩa là nó xứng đáng để viết hoa, như khi người ta muốn nhấn đến Con Người với phẩm chất cao đẹp nhất trong thế giới muôn loài !

Không phải ngẫu nhiên mà Trung Quốc có cả một hội mang tên Hồng học (hội của những người yêu thích và nghiên cứu Hồng Lâu Mộng). Chúng ta đều biết, Trung Hoa có lịch sử văn tự đến mấy ngàn năm, với biết bao tác phẩm nổi tiếng gồm triết học, sử ký, địa dư, bách khoa thư và văn học..., song chỉ có mỗi một Hồng học, bao gồm hàng vạn những con nhang đệ tử của Hồng Lâu Mộng, mà không riêng ở trong biên giới Trung Quốc, còn ở nước ngoài. Đây là chưa kể đến hàng triệu độc giả say mê Hồng Lâu Mộng ở khắp thế giới. Như thế đủ biết Hồng Lâu Mộng nổi tiếng và hấp dẫn, kỳ thú đến độ nào. Trong tứ đại kỳ thư của nền văn học Trung Hoa, Hồng Lâu Mộng không có sự kỳ vĩ hoành tráng của Tam Quốc diễn nghĩa, không có sự mãnh liệt đến sáng khoái và bi tráng của Thủy Hử, và cũng không có chất phiêu dạt ly kỳ của Tây Du Ký, song bù lại, nó có sự tinh tế, mơn trớn đến ảo diệu và mộng mị hút hồn người.

Quả đúng với mệnh danh, đây là giấc mộng lâu hồng của con người, mà không ai không thấy và không muốn. Ở đây, tôi không bàn, nếu không muốn nói là loại trừ việc hiểu hai từ hồng lâu là để nhằm đến loại gái lâu hồng (ám chỉ kỹ nữ). Giấc mộng lâu hồng ở đây, mà cũng là tất thấy những gì được Tào Tuyết Cẩn tả trong bộ sách của mình là cuộc sống cực kỳ vương giả, xa hoa nơi lầu son gác tía của thế gia quyền quý. Cuộc sống của các chàng công tử và những tiểu thư khuê các trong Đại quan viên của đại gia đình họ Giả đất Kim Lăng dù có đạt đến đỉnh điểm vinh hoa phú quý, cũng sẽ trở thành bình thường nếu như tác giả không lồng vào đây những triết lý, mà thực ra chính là bản chất vốn có của cuộc sống đời người. Những mối quan hệ chân-giả, phúc-họa, tĩnh -động, thực-ảo... đan xen khôn lường, lẫn vào mỗi tính cách và số phận hàng mấy trăm con người, cho ta thấy mọi phương diện, góc ngách của cuộc sống từng cá nhân đến gia đình, cộng đồng, xã hội, quan trường, triều chính... Tầm triết lý sâu sắc và ảo diệu của bộ sách còn ở tên chính nó là Thạch đầu ký. Hòn đá trên đỉnh núi Thanh Ngạch có linh tính bởi mấy ngàn năm lắng khí thiên nhiên, vì nghe lén chuyện đời mà nảy sinh thêm muốn được hưởng phúc phận nơi trần thế với đủ các cung bậc ái, ố, hỉ, nộ... Phiêu lãng cao siêu lắm thay mà cũng chân thực đến tận cùng.

Cứ thế, cuộc sống như dòng Trường Giang, đoạn thẳng khúc quanh, nơi dốc nơi bình, khi cuộn cuộn hung dữ lúc hiền hòa sâu lắng, mùa đục mùa trong, chảy hoài ra biển Đông- sóng vui đập hết anh hùng. Tưởng chừng, cuộc sống chốn vinh hoa phú quý tột bậc ấy, ngày đêm, tháng năm chỉ biết có yến tiệc cùng phong hoa tuyết nguyệt sẽ êm đềm, vô lo vô nghĩ, song thực ra lại là nơi ẩn giấu của những yêu thương-thù hận, vui vẻ-sầu não, ngây thơ-muru mô, chân thành-lừa lọc gian manh, muru cầu thành-bại...tất thấy chồng chất lên nhau và lặn sâu vào trong, tạo thành những lớp

lang, thường ra nào thấy được ... Đấy, chính những lớp lang ấy làm nên đặc sắc ảo diệu cho Hồng Lôu Mộng. Người đọc, mỗi bận mỗi hay, mỗi lần mỗi khám phá, càng đọc càng mê mẩn và ngạc nhiên !...

Về mỹ cảm đã vậy . Hơn nữa, về sự thâm trầm sâu lắng, như trầm tích, như vật chất quý báu là những tư tưởng Nho, Phật, Lão hòa quyện, ẩn chứa. Ấy là nền tảng tư tưởng của xã hội Trung Hoa mấy ngàn năm, nó chi phối tư tưởng xã hội nhiều nước phương Đông và khiến phương Tây hết sức nể trọng, thích thú khám phá.

Từ thuở học trò cho đến bây giờ, tôi đã đọc đi đọc lại Hồng Lôu Mộng chẳng rõ bao nhiêu lần rồi. Mỗi khi đọc xong dòng cuối, buông sách xuống, tôi lại như người mất cảm giác. Hình như đó là trạng thái của người ý thức được sự mất phương hướng của mình chẳng ?!...

Tôi đã hơn một lần lưỡng lự khi cầm trên tay cuốn Hậu Hồng Lôu Mộng do Lưu Trọng Thuỷ hiệu điểm. Đọc hay không ? Tôi sợ sự thất vọng như khi đọc Hậu Tam Quốc, Hậu Thủy Hử...Song dẫu sao, với truyện Tam Quốc hoặc Thủy Hử thì phần nhiều là lịch sử, là chiến tranh, là sự kiện, nên ít nhiều có chất hấp dẫn riêng của nó. Vậy mà còn thế, nữa là chuyện nhân tàn phong hoa tuyết nguyệt, nếu không khéo sẽ nhạt nhẽo và tẻ ngắt.

Biết là thế, nhưng rồi sự cuốn hút từ Hồng Lôu Mộng bắt tôi phải đọc cuốn Hậu . Đọc rồi sinh ngẩn ngơ. Không phải ngẩn ngơ vì sự tiếp nối thành công của câu chuyện mà lại chính từ sự non kém của tác phẩm. Một kiệt tác thì không cần chi thêm nếm. Hồng Lôu Mộng đã làm trọn sứ mệnh của mình là xây nên giấc mộng lâu hồng cho con người. Tự mình mộng giấc mộng của riêng mình triền miên ngàn năm, nhiều ngàn năm. Và bất kỳ lúc nào, hễ ai dấy vào rồi thì ngẩn ngơ cả đời với nó !... Thế thì Hậu, có hay không cũng vậy thôi. Hay, hay không hay, đó là một câu chuyện khác. Tôi đã xem Hậu Hồng Lôu Mộng với ý nghĩ như thế.

Trở lại với Hồng Lôu Mộng, một kiệt tác trong Tứ đại kỳ thư của Trung Hoa tự cổ chí kim. Có chuyện cho rằng, Tào Tuyết Cần viết phần lớn bộ sách, phần sau là do Cao Ngạc viết. Cho dù thế đi chăng nữa, bộ sách vẫn là một chỉnh thể nhất quán, mà người đời không tìm ra dấu vết nào của sự lắp ghép. Sự hòa quyện nhuần nhuyễn về mạch chuyện, hơi văn, tính cách nhân vật, tình tiết từng câu chuyện và sự biến hóa mỗi tuyến chuyện của bộ sách, đã làm nên một lâu đài văn chương, đến mức, tác phẩm điện ảnh ăn theo tuy khó theo kịp nguyên tác, song cũng đã thành công vang dội khắp thế giới, bởi nó đã hỗ trợ và vun đắp cho lâu đài Hồng Lôu Mộng thêm lung linh huyền diệu. Sự thành công ấy của bộ phim Hồng Lôu Mộng, bản dựng năm 1987, không những đem vinh quang đến cho đạo diễn mà cả cho các diễn viên chính như Âu Dương Phấn Cường (vai Giả bảo Ngọc), Trần Hiểu Húc (vai Lâm Đại Ngọc), Đặng Tiệp (vai Vương Hy Phượng) v.v... Niềm vinh quang ấy kéo dài cho đến 20 năm sau, khiến các nhà làm phim trẻ tiếp tục nuôi tham vọng dựng Hồng Lôu Mộng bản mới hoành tráng hơn, và hy vọng sẽ thành công không kém bản dựng trước. Người ta sẵn sàng chi 125 triệu USD để làm Đại quan viên 2 cũng ở ngay Bắc Kinh để làm phim trường. Thế nhưng, khó khăn lại ở việc lựa chọn diễn viên chính, và vì thế phim vẫn chưa thể bấm máy. Lại càng thấy rõ tầm vóc của Hồng Lôu Mộng lớn đến mức nào !...

Lại nữa, có chuyện rằng Tào Tuyết Cần viết Hồng Lôu Mộng như viết tự truyện. Gia sản nhà họ Tào thời cha ông là Tào Luyện Đình trở về trước vốn giàu sang quyền quý, qua niên hiệu Khang Hy đến niên hiệu Ung Chính nhà Thanh thì bị tội (án văn tự ?) mà mất hết gia sản, tan tác cửa nhà, nên Tào Tuyết Cần viết Hồng Lôu Mộng như trút một hơi thở dài đầy những luyến tiếc...

Cũng có chuyện khác, sách Tùy Viên thi thoại của Viên Mai , một nhà

thơ, nhà nghiên cứu và phê bình văn học xuất sắc của Trung Hoa đời Thanh, trong một thiên sách của mình, ông có nói đến Hồng Lâu Mộng của Tào Tuyết Cần. Viên Mai cho rằng, Đại quan viên trong bộ Hồng Lâu Mộng thực ra là mô tả theo Tùy Viên (vườn nhà họ Tùy) nơi cư ngụ của gia đình Viên Mai. Sách này còn dẫn chuyện, rằng Tào Tuyết Cần có lần đến chơi Tùy Viên, thấy có cô gái hồng lâu (gái lầu hồng) tuyệt đẹp, đã cảm động mà tặng bài thơ, đó là : " Bệnh dung tiều tụy thắng đào hoa/ Ngộ hạn triều hồi nguyệt chuyển gia/ Do khùng ý trung nhân khán xuất/ Cường ngôn kim nhật hiệu sai ta " (được dịch là : Dung nhan tiều tụy quá hoa đào/ Trưa sốt quay về nóng trở cao/ Còn sợ người yêu nhìn thấy rõ/ Gượng rằng nay đã bớt phần nào). Thực hư ra sao, chẳng cần truy nguyên mà làm gì. Chỉ rõ thêm một điều, tâm ý thương hoa tiếc ngọc, nâng niu trân trọng đàn bà con gái, bất kể thân phận cao sang hay bình dân, con ở, kỹ nữ của chàng Giả Bảo Ngọc trong sách kia đích thị của Tào Tuyết Cần.

Riêng chỉ ngần ấy thôi, cũng khiến người đời phải ngẩn ngơ rồi ! ?...

Kim Dung tiên sinh

Kim Dung tiên sinh quả không hổ danh oai trấn giang hồ giới cầm bút võ hiệp kỳ tình. Có thể mạnh dạn mà đưa ra nhận định như thế.

Nửa đầu thế kỷ hai mươi, các tín đồ của truyện kiếm hiệp xứ ta say mê

với các tiểu thuyết kiếm hiệp như Bồng Lai hiệp khách, Giao Trì hiệp nữ, Lục kiếm đồng... hay một số tiểu thuyết dã sử mang màu sắc kiếm hiệp như Thuyết Đường, Chinh Đông, Chinh Tây, Vạn hoa lâu, Ngũ hổ bình Liêu, Ngũ hổ bình Nam, Phấn trang lâu v.v... Song như thế chưa thấm đâu, và sẽ là thiệt thòi nếu như không được biết đến hàng loạt những tác phẩm kiếm hiệp khác của các danh tài như Kim Dung, Cổ Long, Lương Vũ Sinh, Ngọa Long Sinh, Nam Kim Thạch, Trần Thanh Vân...

Trong số ấy, ngôi sao sáng nhất không ai khác ngoài Kim Dung tiên sinh. Không cần nhắc đến toàn bộ sự nghiệp, chỉ cần mấy bộ trường thiên như Thiên long bát bộ, Xạ điêu anh hùng truyện, Tiểu ngạo giang hồ, Thần điêu hiệp lữ, Lộc đỉnh ký, Kim Dung đã khiến không ai sánh kịp ông rồi. Thêm nữa, mấy bộ ngắn hơn như Thử kiếm ân cừ lục, Tuyết sơn phi hồ, Bích huyết kiếm, Liên Thành quyết, Hiệp khách hành ... cũng rất chi là đặc sắc và hấp dẫn .

Ở Trung Hoa, nếu trước đây có Hội Hồng học (Hội của những người chuyên nghiên cứu tiểu thuyết Hồng Lâu Mộng và tác giả của nó là Tào Tuyết Cần) thì giờ đây có thêm hội của những tín đồ yêu mến và chuyên nghiên cứu về Kim Dung tiên sinh cùng các tác phẩm của ông. Đây là một vinh hạnh không dễ ai có được.

Trên thế giới, có nhiều nhà văn, nhà nghiên cứu quan niệm rằng, kiếm hiệp không phải là văn học, mà chỉ là cận văn học, nên tác giả của loại tiểu thuyết này cũng không phải nhà văn. Đánh giá như thế nào là quyền của họ. Tuy nhiên, nếu chỉ cần lấy tiêu chí là số lượng người đọc và sự ảnh hưởng của tác phẩm đến văn hóa đọc, đến đời sống xã hội thì chắc chắn Kim Dung xứng đáng với danh hiệu nhà văn hơn ồi người.

Rõ ràng Kim Dung cùng các tác phẩm của ông là một hiện tượng đặc biệt trong làng văn hóa đọc ở thế kỷ 20, và lan sang cả thế kỷ 21, không

riêng gì ở Trung Hoa mà cả châu Á và thế giới.

Tôi nhớ không thật rõ, nhà văn Vương Sóc thì phải, đã có bài viết về Kim Dung (Kim Dung trong mắt tôi) và ở đó, sự đánh giá về Kim Dung tiên sinh rất thường, khi cho rằng tiểu thuyết kiếm hiệp nói chung không phải là văn học với đúng nghĩa của nó, nên cũng coi như không đóng góp gì cho tiến trình phát triển của văn học cả, mà chúng chỉ là thứ mua vui (giải trí) cho đông đảo độc giả mà thôi.

Cứ cho là như thế đi, vậy chúng ta sẽ lý giải làm sao khi đánh giá tính văn học của các bộ sách như Harry Potter (J.K. Rowling), Chúa tể của những chiếc nhẫn (The Lord of the Rings - J.R.R Tokien), Mật mã Da Vinci, Thiên thần và ác quỷ (Dan Brow)- những tiểu thuyết thần thoại và trinh thám, xét cho cùng như một thứ kiếm hiệp thời đại mới của châu Âu ? Xa hơn nữa, là những Sherlock Holmes (Conan Doyle) hoặc Bá tước Monte Cristo (Alexandre Dumas) cũng vậy ?

Tôi dám cả quyết rằng, riêng sự ly kỳ và tính hấp dẫn, truyện kiếm hiệp của Kim Dung tiên sinh đã ăn đứt rồi. Đây còn chưa kể đến những hiểu biết rất chi là siêu của tiên sinh về lịch sử, địa dư, triết học, tôn giáo, võ học, y học ... được thể hiện trong các tác phẩm một cách tài tình.

Quay trở lại với những tác phẩm của Kim Dung. Tiên sinh đã gác bút sau 15 tác phẩm trường thiên, dài ngắn đủ cả. Lý do ông gác bút, có thể đã cảm thấy bút lực không còn dồi dào, và sự lặp lại đã thấy đâu đó trong một số tác phẩm. Cũng có thể từ những nguyên do khác nữa. Song theo tôi, khác với Cổ Long và một số cây bút võ hiệp kỳ tình khác, viết vì tiền và viết như một thói quen, Kim Dung tiên sinh ý thức việc gác bút khi đang ở đỉnh cao. Đây là một điều khó, khiến ông khác người và đương nhiên việc ấy tôn ông lên vị trí cao hơn những người khác. Quả nhiên, dù không viết thêm tiểu thuyết kiếm hiệp nào nữa, nhưng ông đâu có vì thế mà kém đi về tiền tài và

danh vọng so với thiên hạ. Việc những tác phẩm của ông ngày càng được dịch ra nhiều thứ tiếng với số lượng bản in cực lớn, thêm vào đó, các nhà điện ảnh đua nhau dựng phim ăn theo, tất thấy, đều đem đến cho ông những khoản thu khá lớn từ bản quyền. Tiền tài và danh vọng đủ cả. Không những thế, ông còn được phong giáo sư danh dự và thỉnh giảng ở nhiều trường đại học danh tiếng trên thế giới.

Sự gác bút đứng lúc của Kim Dung tiên sinh cũng đáng giá lắm chứ ?!

Gần đây, thiên hạ om xòm với tiểu thuyết kiếm hiệp Tru Tiên của một chàng sinh viên thất nghiệp (Tiêu Đình). Nghe đâu, khi xuất hiện vào năm 2003, nó đã gây nên một làn sóng trong giới độc giả mê kiếm hiệp ở Trung Hoa, và cùng với " Phiêu Diêu chi lữ ", " Tiểu Bình truyền kỳ " làm thành "Tam đại kỳ thư Internet ". Tôi đã đọc nó trên mạng, và chỉ sau ít trang mê hoặc phần đầu, tôi đã nhận ra sự non kém của nó về mọi phương diện. Cái được cư dân mạng gọi là " thời đại kiếm hiệp hậu Kim Dung " đã nhanh chóng chết yểu khi nó được phơi ra dưới ánh sáng ban ngày trước bàn dân thiên hạ dưới dạng ấn phẩm.

Lại cũng mới đây, báo chí Trung Hoa đưa tin về một cuộc bỏ phiếu xếp hạng các nhà văn có tên gọi là " Bảng xếp hạng thực lực nhà văn Trung Quốc ", được hình thành từ 58 nhà văn- ứng cử viên được giới thiệu bởi 10 nhà phê bình văn học do Chu Đại Khả cầm đầu. Kết quả, người được 9 phiếu là Mạc Ngôn; được 6 phiếu có Dư Hoa, Vương An Úc...; được 5 phiếu có Bắc Thôn, Tô Đồng, Giả Bình Ao...; nữ văn sĩ đương kim Chủ tịch Hội nhà văn Trung Quốc là Thiết Ngưng cũng chỉ nằm trong số được 4 phiếu ; còn Vương Sóc và Trần Trung Thực cùng mấy nhà văn khác thì chỉ được có 3 phiếu mà thôi. Tôi không rõ trong số 58 ứng cử viên được giới thiệu bình chọn có Kim Dung hay không ? Song nếu có thì cũng chẳng biết sẽ ra sao, bởi nhìn chung, mỗi nhà phê bình đều có quan niệm riêng của họ, vậy nên,

mức độ tin cậy chỉ còn một nửa. Đây mới là sự xếp hạng của chục nhà phê bình mà thôi. Nghe đâu, danh sách 58 nhà văn ứng cử viên này sẽ còn được công bố để rộng khắp bạn đọc bỏ phiếu. Kết quả phiếu bầu của đông đảo công chúng mới là quyết định đưa đến chung cục cho bảng xếp hạng này.

Dầu sao, tôi nghĩ, Kim Dung luôn được bạn đọc ở khắp mọi nơi trên thế giới thán phục và yêu mến, bởi ông đã đem đến cho họ những cảm xúc bi tráng và phiêu bồng khi đọc các tác phẩm của ông.

Đây là phần thưởng không dễ gì có được !

Ngày Xưa Ấy

Một người đồ đạt cả họ được tiếng, đó là một câu cửa miệng mà đến nay vẫn có giá trị và được nhiều người nhắc đến ở vùng quê tôi, nhất là những dịp làng có ma chay cưới xin, hoặc giỗ chạp.

Làng Giải Oan quê tôi gần như thuần nhất một họ Nguyễn, nhưng chia thành ba chi: Nguyễn Văn, Nguyễn Xuân, Nguyễn Huy. Như thế có nghĩa là ông tổ của họ Nguyễn của làng có ba con trai, từ đó hình thành ba chi họ như ngày nay. Theo thứ tự thì Nguyễn Văn là chi trưởng, Nguyễn Xuân là chi thứ và chi út là Nguyễn Huy. Ấy thế, duy chỉ có chi út sản sinh ra một nhân tài khoa bảng, đỗ đồng tiến sĩ xuất thân thời Hậu Lê (tôi đã từng đề

cập trong truyện “Thấm thoát tháng ngày”). Đỗ đạt làm quan, đó là niềm khát khao của ông tổ họ Nguyễn sinh thời, một người vốn dòng dõi quan lại khoa bảng từ Thăng Long trôi dạt về vùng đất chiêm trũng này. Có người kể tục đỗ đạt, tưởng đó là niềm vinh hạnh, song không phải chỉ đơn thuần như vậy, bởi từ đó nảy sinh chuyện chẳng lành, được coi là nổi sỉ nhục, nhục nhối trong cả dòng họ suốt bao đời nay, không dễ gì xóa nhòa đi được.

Nguyên cụ Thủy tổ họ Nguyễn thuở lập làng có hai vợ. Tuy đông con nhưng mỗi bà chỉ sinh hạ được một con trai, sau này phát sinh hai chi Nguyễn Văn và Nguyễn Xuân. Đa đình, phú túc như thế, nhưng cụ thủy tổ vẫn buồn lắm. Cụ buồn bởi cả hai người con trai đều chỉ say mê và giỏi nghề nông tang, chứ không ai chịu học hành, có chăng cũng chỉ ê a đôi ba câu Tam tự kinh để khỏi mang tiếng không biết chữ thánh hiền. Cụ thủy tổ nuôi chí kiếm một thằng con trai nữa, hy vọng sau này người đó sáng dạ, học hành đỗ đạt. Như thế cụ sẽ phải lấy một người vợ khác, mà người đó phải thuộc dòng dõi khá giả, có học. Suy ngẫm mãi, cụ thủy tổ quyết định hỏi cô con gái út của một người quen ở làng khác trong tổng.

Cụ Nguyễn tự thân đến nhà người bạn, trước hết là với lý do thăm hỏi. Đôi mắt sắc sảo của cụ thỉnh thoảng lại ánh lên dõi theo bóng dáng của cô Vy, con gái út của người bạn mà cụ đã nhắm trước. Càng ngắm cụ càng ưa. Cụ thầm nghĩ “Con người tươi trẻ, óng ả, sáng láng thế kia, thế nào cũng sinh hạ cho ta quý tử”. Rồi cụ Nguyễn ngó ý với người bạn.

Thoạt tiên, người bạn hơi sững sốt, bởi con gái mình tuổi mới độ trắng tròn lẻ, mà bạn mình thì đã ngót lục tuần. Nhưng cứ nhìn cụ Nguyễn, tóc còn xanh, râu vênh, lông mày rậm hơi xéch, mặt đỏ, thì phần nào yên tâm. Rồi

thì ván cũng đóng thuyền, cô Vy trở thành vợ ba cụ Nguyễn.

Về nhà cụ Nguyễn, cô Vy không phải làm việc nặng, bởi công việc đồng áng đã có bà cả, việc nội trợ gia đình thì đã có bà hai. Hằng ngày, công việc chính của cô Vy là lau chùi bộ ấm chén uống trà, đánh bóng chiếc tràng kỷ và tủ sách, bàn thư của cụ Nguyễn. Lẽ dĩ nhiên, tối tối chừng gà gáy thứ nhất, cụ Nguyễn mới vào với vợ ba. Thường khi đó, cô Vy chỉ có một cảm giác duy nhất là sự sợ hãi cộng với nỗi tủi thân, nên cô co rúm người lại, nhắm nghiền mắt, mặc cho ông chồng già vằn vò muốn làm gì thì làm. Khi chồng đã thỏa mãn ngủ say, cô vẫn còn sợ, chỉ nằm im, ứa nước mắt và lúc này cô mới đủ tỉnh tâm để nghĩ đến chàng khóa Huy. Chàng hơn cô bảy tuổi và là học trò của cha cô. Chàng thông minh, vóc dáng ung dung thư thái. Cha cô bảo, sau này thế nào chàng cũng đỗ đạt. Cô và chàng thâm yêu trộm nhớ nhau. Mới tết vừa rồi, chàng cùng đám khóa sinh đến nhà cô chúc tết, chàng đã giả vờ ra đầu hồi nhỏ bã trầu rồi len lén dúm vào tay cô bài thơ xuân chàng viết tặng cô. Bài thơ ấy đến giờ cô vẫn thuộc. Chỉ tiếc nỗi, biết chữ nhưng chẳng hay thơ để làm mấy vần hồi đáp chàng. Với cô, ban đêm vừa đáng sợ, vừa là nỗi mong chờ. Bởi là vì, chung đụng với chồng tuy thật khổ sở, nhưng sau đó, cô được thả hồn về với chàng khóa Huy, mặc sức cho trí tưởng tượng bay bổng. Có một lần, cô mơ thấy đám cưới mình với chàng khóa Huy, rồi đêm tân hôn, cô mê man trong vòng tay xiết chặt của chàng, nhưng lạ lùng thay, sau những phút giây khoái cảm, chàng khóa Huy mặt xanh mét và đầu chàng tóc mọc ra lờm chờm. Cô sợ quá lay gọi thì chẳng thấy chàng đâu và thay vào chỗ chàng nằm là một đồng tóc. Không hiểu tóc ở đâu mà lấm thế. Những mẩu tóc cắt vụn cứ đùn ra như tổ mối xông. Cô hét lên, choàng tỉnh, người đầm mồ hôi. Cụ Nguyễn đang ngủ say mê mết sau những phút giây hành lạc, cũng giật mình ngồi dậy. Cô phải nói dối là ngủ

mê thấy ma để chồng khỏi nghi. Từ đó, mỗi đêm với cô Vy chỉ còn là đêm của cực hình.

Lạ thay, về làm vợ cụ Nguyễn hơn năm trôi qua, cô Vy vẫn không có thai. Điều đó làm cụ Nguyễn buồn lắm. Còn cô Vy thì chẳng hiểu sao qua những biểu hiện của đàn bà, cô vẫn thấy bình thường. Hay là trời đất phạt cô? Phạt cụ Nguyễn? Trong sâu thẳm tâm can, cô muốn có đứa con để trút hết lòng yêu thương nỗi giận hờn của cuộc đời vào đấy, song cô tự mâu thuẫn, không muốn đứa con mà cô phải mang nặng đẻ đau là của cụ Nguyễn, mà đứa con phải là của chàng khóa Huy, người cô yêu thương. Phải chăng, sự đau đớn dần vặt đã tước đi của cô khả năng hoài thai? Song linh cảm vẫn mách bảo cô một điều gì đấy. Và cô nén lòng chờ đợi. Chờ đợi mông lung...

Rồi một đêm mưa ngâu sùi sụt. Đã sang gà gáy canh ba, khi đang mơ màng nghĩ, chợt cô Vy nghe thấy tiếng gọi tên mình mơ hồ như gió thoảng.

Cô lắng tai nghe ngóng. Đúng là ai đó gọi mình rồi. Hay là oan hồn ma quỷ từ kiếp nào hiện về ám cô. Cô đã làm gì nên tội. Lắng tai nghe. Không. Đúng là ai đó gọi chứ không phải hồn oan nào hết. Cô khẽ mồm dậy. Thôi đúng là chàng rồi, chàng khóa Huy của lòng cô. Nếu đúng là chàng, thì làm sao lại dám mò đến đây nhỉ? Cô Vy liếc nhìn chồng. Cụ Nguyễn ngủ say mê mết. Cô ngồi hẩn dậy, sửa sang lại yếm váy. Nhìn chồng tận ngần. Tiếng chàng khóa như vang lên tha thiết ngoài kia mà chỉ mình cô nghe thấy. Tiếng gọi của đáy lòng thúc giục cô. Cô buông thõng chân xuống khỏi giường và nhẹ nhàng trườn ra. Tự nhiên, cô bỗng thấy thương chồng. Lại phân vân, thù người ra. Phải nói, từ ngày lấy cô về làm vợ, chưa bao giờ cụ Nguyễn nặng lời với cô một câu. Cô cũng không phải làm việc nặng, còn

chuyện cô bị dày vò mỗi đêm thì cô cũng chỉ xem là lẽ thường tình đối với thân phận của người đàn bà có chồng. Nhưng cô còn cuộc đời riêng của mình chứ, có nỗi khát khao không giống một ai. Bằng mọi giá cô phải đoạt lấy.

Đúng là chàng khóa Huy. Nhưng làm sao chàng vào được với mấy lần cửa đóng then cài, cùng bày chó dữ canh gác, mà sức vóc chàng lại yếu ớt thế kia. Đây là cô nghĩ vậy chứ lúc ấy cô làm gì có đủ thời gian và sự tỉnh táo vẫn chàng. Không còn giữ lễ nghĩa phép tắc gì, cô ngã vào lòng chàng khóa Huy. Chàng vuốt ve, xoa nắn khắp cơ thân thể cô, miệng lấp bắp những lời yêu thương, nhớ nhung xen lẫn những lời trách móc hờn giận. Mưa ngâu vẫn rắc đều làm hai người ướt đầm, nhưng cơ thể họ vẫn cứ dần nóng lên. Chiếc yếm che ngực của cô Vy đã bung ra, còn tóc vẫn đầu thì sổ tung. Đúng lúc ấy, tiếng chó sủa rộ lên. Cô Vy giật thót mình. Về đây đã hơn năm nay, cô biết, hễ con chó mực đầu đàn một khi đã lên tiếng sủa thì khó có gì qua được nó. Cô vội buông chàng khóa, nhưng chàng đang cơn mê man, cứ xiết chặt lấy làm cô đau nhức người. Rồi hai người giằng co. Cô Vy luôn miệng giục chàng khóa chạy đi kéo không thoát được. Đến lúc chàng khóa tỉnh người, ngộ ra điều gì, vội lẩn vào bóng cây đến bên chân tường rào, bám vào leo lên tìm cách thoát ra ngoài, thì mọi sự đã muộn. Mấy tay đây tớ còn nhanh hơn cả lũ chó, chúng đã kịp thời bám sát, túm lấy hai chân chàng khóa giật mạnh xuống. Chàng khóa Huy ngã đập mặt xuống, máu mồm, máu mũi trào ra ướt đầm ngực áo lụa mỏng.

Chàng khóa bị trói chổng gọng, vút nằm trong nhà ngang. Cụ Nguyễn chống chiếc gậy trúc màu đi xuống, cầm chiếc đèn từ tay tên đến tớ, soi vào mặt kẻ bị bắt. Chàng khóa nhắm nghiền mắt lại, nhìn kỹ hồi lâu, cụ Nguyễn

lờ mờ hiểu ra là đã từng thấy con người này ở đâu rồi. Hay đó là hình bóng của cụ thuở nào? Hay người trong giấc mơ đây ? Cụ nhìn ra sân đầy bóng tối... Chợt ngộ, khẽ gọi nhưng giọng đanh thép: “Dì ba đâu , lại tôi bảo”. Cô Vy rón rén bước vào. Hết nhìn chồng lại nhìn người bạn tình bị trói chổng gọng nằm giữa gian nhà ngang. Cụ Nguyễn hết nhìn vợ lại nhìn kẻ lạ mặt, nhát gừng : “Dì ba...có biết người đàn ông này không...nhỉ ?”. Cô Vy lúng túng: “Dạ, dạ ... không ạ!”. “Thế hả?”- cụ Nguyễn cộc lốc: “Thế thì đánh!”. Những chiếc roi thì nhau vụt xuống.

Cô Vy rùng mình. Mặt cụ Nguyễn đanh lại. Cụ hạ lệnh: “Thôi”. Rồi cụ đưa cô Vy lên nhà, dẫn bọn đầy tớ canh phòng cẩn thận kéo kẻ gian chạy trốn.

Cả cụ Nguyễn và cô Vy nằm lặng thinh bên nhau, không ngủ. Cả hai đều nghĩ đến một người. Một mối và sợ hãi, rồi cô Vy cũng thiếp đi. Lúc cô tỉnh dậy, thì giường trống không. Không hiểu cụ Nguyễn thức từ bao giờ và đi đâu. Cô lại hoảng lên và lo sợ cụ Nguyễn sẽ làm gì chàng khóa Huy, còn lo cho chính bản thân mình nữa. Cứng người chôn chân không dám đi đâu.

Trong lúc cô ngủ, cụ Nguyễn trở dậy xuống nhà ngang, lại soi đèn vào mặt người lạ. Người lạ nhìn cụ chăm chăm. Không nói. Cụ Nguyễn gọi tên đầy tớ vào ghé sát tai dặn khẽ rồi yên tâm chờ đợi. Chừng nửa giờ sau, tên đầy tớ bung vào một bát cháo to.

Cụ Nguyễn đón lấy, chìa bát cháo vào sát mặt người lạ, răn giọng: “Hãy nghe ta nói đây. Dù thế nào người cũng là kẻ gian. Người phải chọn một trong hai cách. Hoặc ăn hết bát cháo này rồi ta cởi trói tha bổng cho. Hoặc ngày mai, ta cho lột truồng dẫn dọc đường làng, đưa ra đình hạch tội vì lén vào nhà ta ăn trộm. Thế nào?...”. Chàng khóa im lặng một lát, dứt khoát :

“Đưa cháo đây... ta ăn”. Cụ Nguyễn: “Tốt lắm. Yên tâm mà ăn...Cháo không có thuốc độc đâu”. Và chàng khóa Huy đã rướn cổ trào nước mắt nuốt hết bát cháo trộn tóc bằm nhỏ. Chàng đã được cụ Nguyễn tha bổng như đã hứa.

Chuyện tưởng tày đình, không ngờ lại được thu xếp khéo đến thế. Máy đầy tớ được cụ Nguyễn cho ít tiền kèm với lời căn dặn nửa đe dọa rằng: “Đứa nào hé chuyện ra ngoài thì cũng phải ăn cháo tóc như thế”. Chàng khóa Huy biết mình ăn hết bát cháo tóc sẽ chết dần chết mòn, nhưng thà như vậy còn hơn, chàng làm sao chịu nổi sự nhục nhã khi bị lột truồng đi giữa bàn dân thiên hạ, nhất là trong số đó có cô Vy. Chàng chết khổ sở sau mấy tháng mắc bệnh đau bụng, đau thắt ruột gan, đau đốn quần quai.

Sau chuyện đó, cô Vy vốn đã ít nói thì nay gần như câm lặng. Cô đi lại như một chiếc bóng, người dần héo hon. Cụ Nguyễn ngắm cô mà thở dài thương xót. Cùng với nỗi đau, niềm thương xót kia, hy vọng có đứa con trai học hành khoa bảng của cụ cũng mất theo.

Nhưng rồi một chuyện khác xảy ra làm thay đổi hết thảy. Nguyên gia đình cụ có nuôi một người ở trẻ tuổi. Cậu ta chuyên nghề chăn bò, lợn trong nhà. Người này có tên là Vọng. Cụ Nguyễn từng gặp Vọng đói lả bên đường, bèn dắt Vọng theo về nhà, vì làng xóm lúc đầu còn vắng nên rất cần người. Vọng mặt mũi dễ coi, đặc biệt có tài khoét trúc làm sáo, làm tiêu và thổi rất hay. Vọng có thói quen, cứ chiều tối mùa hè, sau khi làm xong công việc của mình, Vọng lại vắt áo lên vai đứng đỉnh ra bờ sông. Vọng cởi hết quần áo lội ào xuống sông, bơi thỏa thích, rồi lên bờ hóng mát. Thường lúc này, Vọng mới lấy tiêu ra thổi. Tiếng tiêu của Vọng nghe mà buồn bã làm sao, người làng ai cùng bảo vậy. Gió bờ sông đưa tiếng ấy đi xa hơn. Có

người trong làng cho rằng, Vọng vốn không phải là kẻ tầm thường mà là người danh giá thất thế, phiêu bạt đến nông nổi này. Nghe người làng bảo vậy, lúc đầu cô Vy cũng tin phần nào, nhưng khi tiếp xúc nhiều, cô thấy cốt cách Vọng cũng tầm thường thôi, không có gì của người danh giá cả. Vọng cũng không hề biết chữ bẻ đôi. Được cái, Vọng có dáng vóc thanh mảnh, thư sinh. Nhìn kỹ cô thấy hao hao giống dáng vẻ của chàng khóa Huy. Thực ra trước đó, chẳng mấy khi cô để ý đến Vọng. Nhưng từ khi biết chàng khóa Huy chết, cô Vy đau buồn và khi ấy cô mới nhận ra người đầy tớ tên Vọng có những nét hao hao chàng. Thỉnh thoảng hỏi han Vọng đôi câu, cô thấy Vọng cũng không đến nỗi ngu dốt lắm. Và một suy nghĩ chợt lóe lên trong đầu, rồi nó cứ lớn dần ám ảnh cô những đêm dài cô độc. Nhất định cô phải có con, có con bằng mọi giá, nhưng quyết không phải là con của cụ Nguyễn. Vọng có thể giúp được cô việc này. Từ khi nảy sinh ý nghĩ ấy, cô Vy thử tìm cách gọi chuyện với Vọng, song khôn nổi, gã ta rụt rè quá, vả lại thân phận tôi đòi nên cứ lảng tránh cô.

Một buổi chiều, Vọng theo thói quen đứng đỉnh đi ra bờ sông, cởi quần áo và nhảy ùm xuống nước bơi lội. Chán chê, nhìn lên bờ, Vọng hoảng hốt thấy bà ba của ông chủ đang ngồi bên đồng quần áo rách của mình, mân mê trên tay chiếc tiêu mà Vọng vút lẫn lóc bên cỏ. Vọng vội ngụp sâu xuống, lúc nhô lên thấy bà ba vẫy tay ra hiệu gọi lên bờ. Vọng suy tính một lát, rồi cũng bơi vào gần bờ, dừng ở chỗ nước nông. Vọng lúng búng : “Thưa bà...con không thể lên được...bởi vì con...” Cô Vy: “Ta hiểu rồi...anh không có quần áo chứ gì? Cứ lên đi...Ta ngoảnh mặt cho là được chứ gì”. Vọng lên bờ, vợ vội lấy quần áo, vừa lúc đó thì cô Vy đột nhiên quay lại và Vọng chỉ kịp thấy cặp vú thây nẩy của bà chủ áp sát mặt mình. Vọng hoảng sợ tột độ, nhưng bà chủ đã giữ chặt lấy, vuốt ve đầu Vọng. Vọng chợt

hiều bà chủ cần gì ở y, nỗi sợ dần biến mất và thay vào đó chỉ còn dự vọng của người đàn ông khỏe mạnh nổi lên hùng hực trong thân xác y. Tay y quờ quạng lung tung, nhưng rồi dưới bàn tay hướng dẫn của bà chủ, hai tay Vọng cũng biết lần mò xuống dưới váy, và chỉ chờ có thể, chiếc váy tụt xuống. Vọng mê đi, chìm ngấm xuống rồi như bay lên trong niềm hoan lạc trần thế mà từ bé đến giờ y chưa từng biết. Vọng cứ bồng bênh, bồng bênh và trôi dạt mãi. Đến lúc y hồi tỉnh lại để hiểu ra điều gì đã đến với mình thì chỉ còn lại một mình y, bên cạnh là bộ quần áo rách vá víu và chiếc tiêu nằm lẫn lóc trong bóng chiều chạng vạng phủ tối lên mặt sông hiu quạnh. Tự nhiên, Vọng thấy cô đơn, cô đơn khủng khiếp, và y ứa nước mắt. Chẳng hiểu y khóc vì khổ đau hay sung sướng? Hay vì cả hai? Tối ấy, mọi người không thấy Vọng về. Cũng không ai quan tâm lắm ngoài cô Vy. Cô nấu nước lá thơm, gội đầu tắm tấp. Thấy vợ ba điệu bộ, thân thể quyến rũ lạ thường, cụ Nguyễn không nén nổi lòng ham muốn. Phá bỏ lệ thường đợi sau gà gáy thứ nhất như mỗi lần trước đây, cụ xếp gọn bàn thư vào với vợ ba từ lúc chập tối. Lần đầu, cụ thấy vợ ba nồng nàn thế và cụ như mê đi lạc lối vào cõi ảo. Cô Vy nằm bên chồng thổn thức, không biết nên vui hay nên buồn. Ngoài trời, vầng trăng mùa hè tỏa ánh sáng đùng đục và trong không gian bí nồng ấy, tiếng tiêu bồi hồi như hàm ơn, như ai oán từ bờ sông vọng về. Cô Vy lắng nghe...

Rồi cô Vy mang thai. Đủ tháng đủ ngày, cô sinh ra một đứa bé trai kháu khỉnh. Ngắm kỹ đứa trẻ, tuy không mấy giống mình song cụ Nguyễn an tâm lắm. Không giống cha thì giống chú, giống ông bà, cậu di bên ngoại, thiếu gì người để giống. Không con cụ thì con ai. Thằng khóa Huy chết từ tám hoánh rồi còn đâu, ai vào đây được nữa, hả giờ ?!

Thằng bé càng lớn càng kháu khỉnh, có vẻ đỉnh ngộ. Song người làng bắt đầu đàm tiếu rằng, nó hao hao giống Vọng. Chuyện đến tai cụ Nguyễn, cụ giật mình, ngắm thằng con thật kỹ lưỡng. Quả là nó giống thằng Vọng, kẻ ở đợ của cụ trước đây. Sao thế được nhỉ? Cụ vất tay lên trán nghĩ nát óc mà không ra.

Thằng Vọng cũng chết rồi mà. Nó chết đuối chềnh ềnh trên sông dạo nào. Ngày ấy, người ta đồn, do nó làm lụng vất vả nên đang tắm bị cảm lạnh đột ngột.

Cụ cũng tin là thế. Cụ còn làm phúc bỏ tiền ma chay chôn cất tử tế. Mỗi khi nhà giỗ tết, cụ đều bảo bà ba thắp hương trên mộ nó nữa kia. Ai ngờ. Nhớ lại, thôi đúng rồi thằng Vọng chết vào cái đêm bà vợ ba của cụ bỗng nhiên nông nản, quỵến rũ. Một linh cảm mơ hồ bỗng nhiên xuất hiện và cụ Nguyễn hiểu rằng, thằng con trai kháu khỉnh mà cô Vy sinh hạ với cụ chính là con của Vọng. Mặc dầu, cố ngụy biện, cá vào ao ai người ấy được, song thâm tâm vẫn cay cú vì mình chỉ là kẻ đi đồ võ cho thằng ở đợ nhà mình. Cụ Nguyễn đau đớn âm thầm, ít xuất hiện ở nơi đình đám giỗ chạp đông người. Hai năm sau, cụ Nguyễn qua đời, cô Vy cũng chỉ sống đến lúc đứa con trai lên mười tuổi.

Có ai biết đâu, cái đêm xa xưa ấy, sau khi cô Vy bỏ mặc y ra về, Vọng cứ ngẩn ngơ mãi ở bờ sông. Y không muốn về, y sung sướng rồi y buồn. Vớ lấy chiếc tiêu, y thổi, thổi mãi, trút hết nỗi buồn vui của cả kiếp người vào tiếng tiêu. Đầu y váng vất, tai y ù đi và mắt y mờ mịt khói sương, ngực thì thất lại trong niềm hoan lạc, rồi y tung chiếc tiêu lên trời, nhảy xuống sông, bơi đi mãi cho đến lúc y cảm thấy hụt hẫng, đuối đi. Y lơ mơ cảm thấy một

cái gì sẽ đến với y. Y chìm dần, song ở một nơi nào đó sâu kín trong tiềm thức mách bảo rằng, y vẫn còn lại đứa con gửi trên trần thế, và sức lực như trở lại với y. Y cố ngoi lên, ngoi lên, nhô hẳn đầu lên trên mặt nước, vươn hai tay lên, cầu một câu gì đấy. Liệu đất trời có thấu hiểu cho y hay không? Chỉ biết rằng sau đấy, y chìm hẳn, chỉ còn để lại trên mặt nước dăm ba cái bong bóng nước nhỏ, và bị vỡ tan ngay sau khi nó vừa sủi kên trong sóng nước rì rầm.

Ngày xưa là thế. Làng Giải Oan này là một làng lớn với hàng ngàn nóc nhà. Ba chi họ Nguyễn tồn tại song song nhau. Hằng năm có một ngày giỗ tổ chung, chính là ngày giỗ cụ Nguyễn mà tôi kể trên đây. Trong bữa rượu thế nào cũng có chuyện lời ra tiếng vào về nguồn gốc tổ tiên của mình, dẫn đến sự to tiếng, thậm chí cãi vã hoặc động chân động tay.

Theo dòng chảy của thời gian, chẳng biết từ đâu, chàng ở đợ tên Vọng lại được suy tôn làm Thành Hoàng của làng Giải Oan, và được thờ cúng ở đình hãn hoi. Cụ Nguyễn thì có công gây dựng làng bởi từ cụ mà làng được như bây giờ. Làng vinh hạnh có một người đỗ đạt, đó là tiến sĩ thuộc chi Nguyễn Huy thời Hậu Lê, đời thứ bao nhiêu của đứa trẻ ngày xưa. Chi Nguyễn Huy vẫn tồn tại trong nỗi nhức nhối của cả họ.

Không hiểu rồi, người làng Giải Oan sẽ còn truyền nhau câu chuyện này đến tận bao giờ?

Mỗi khi nghĩ đến chuyện ấy, tôi lại băng khuâng, không biết nên vui hay nên buồn?

Nhưng chắc chắn là, làng Giải Oan quê tôi cùng với ba chi họ Nguyễn sẽ tồn tại mãi mãi, mặc sự buồn vui của người đời!

Người nổi tiếng

Vừa bước xuống xe, khi chân còn chưa bén hè phố, và mắt còn ngó nghiêng xác định xem hiện mình đang ở chỗ nào, ông đã giật mình bởi một tiếng gọi như thét: "Ô ô ô. nghệ sĩ Công Hải". Một người đàn ông trung tuổi, râu tóc rậm, miệng mờ khói thuốc lào, từ quán nước vệ phố xỏ ra, nắm chặt tay ông, lắc mạnh: "Đúng rồi!. Nghệ sĩ Công Hải bằng xương bằng thịt đây rồi. Thật hân hạnh cho tui quá, được bắt tay nghệ sĩ hài nổi tiếng". Sau khi đã quen với sự tôn sùng thái quá của người hâm mộ nọ, ông trở lại với thói quen hóm hỉnh vốn có, hỏi: "Này ông, thế ra ông hâm mộ tôi thật à?". "Vâng, còn phải nói. Em là em vô cùng hâm mộ quan bác". Ông tỉnh bơ: "Vậy thì, ông bạn phải biến sự hâm mộ thành hành động thực tế chứ. Ông bạn có thể chiêu đãi tôi ngay bây giờ được không?". "Ồ, vô tư đi. nghệ sĩ đi với em làm đôi cốc bia với mực nướng". Ông phẩy tay: "Vậy ra ông bạn rẻ rúng tôi quá đấy?. Người nổi tiếng như tôi mà lại dùng bia mực nướng á? Tôi là cứ phải." Ông vờ quay người định bỏ đi. Người đàn ông giữ ghì tay ông lại. Ông ghé sát mặt ông ta: "Tôi chỉ cần. bắn ngay một điều thuốc lào!." Người đàn ông hâm mộ đang ngơ ngác lo mình làm phật ý nghệ sĩ, bật cười, miệng ngoác rộng,

nhe hàm răng ám khói thuốc: "Ôi, quan bác vui tính quá". Rồi anh ta miệng nói, tay lôi xềnh xệch ông vào quán. Ông bắn liền mấy điều thuốc lao phả khói mù mịt cho bỏ mấy trăm cây số đường trường nhịn thuốc. Trong đám khói thuốc, cái miệng ông dẩu ra như chiếc ống phun: "Mà này, điều què mình tậm tịt quá. Thay nỏ đi!".

Nhưng có lẽ, đấy mới chỉ là điểm khởi đầu, ông linh cảm thế. Quả nhiên, khi ông theo mọi người trong đoàn vào phòng lễ tân của nhà khách tỉnh thì ông bắt gặp một tốp phụ nữ già có, trẻ có, váy vó lòa xòa rục rở đi ra. Một vài người trong số họ nhìn ông chằm chằm rồi ông nghe họ rì rầm với nhau về ông. Họ nhận ra mình rồi, ông nghĩ vậy, bèn chọn một chiếc ghế khuất lụp, lấy tờ báo ra cắm cúi đọc. Ông nghe những bước chân tiến về phía mình và rồi một giọng nữ trẻ dễ thương cất lên: "Xin lỗi bác. Bác là nghệ sĩ Công Hải?". "Vâng, tôi đây đích thị Công Hải" - biết không giấu được, ông tự nhận trước ba người phụ nữ. Cô trẻ hích tay vào một chị nà dòng xinh đẹp bảo: "Đấy chị, em đã nhận ra ngay bác ấy từ ngoài cửa, chị lại bảo ông này diễn trai và chỉnh trang hơn màn ảnh. Thấy chưa. trong phim bác ấy diễn hải, còn ngoài đời phải nghiêm túc chứ bác nhỉ?" Ông tùm tùm: "Cô nghĩ vậy à? Chưa hẳn đâu". Mấy người rúc rích cười. Chị nà dòng khẽ cúi người giới thiệu: "Thưa anh. Em xưng hô như vậy cho nó trẻ. Em đây tên Hảo, còn đây là Nguyệt, và đứa vừa hỏi anh là Huyền. Chúng em đều đồng hương thủ đô với anh đấy ạ." "Không dám. Tôi quê mùa, mượn thủ đô ở tạm bợ qua ngày thôi". "Dạ, vâng. Chúng em biết". Cười. "Chúng em là bác sĩ trong đoàn phẫu thuật nụ cười vào đây công tác". Ông vui vẻ: "Thế ra các cô là những người chuyên lo việc làm trong sáng nụ cười cơ đấy. Quý hóa quá. Nhưng mà, tôi có một đề nghị thế này." Cả ba người nhao nhao khi thấy ông bỏ lửng. Ông tỉnh khô: "Tôi muốn được các cô phẫu thuật để sao cho tôi không thể cười

được nữa. Tôi chán cười lắm rồi, mà chỉ muốn khóc thôi". Ba người bật cười, đâm lưng nhau thùm thụp, cô tên Huyền nói: "Bác đúng là người khôi hài. Khôi hài từ trong tế bào, trong li ti huyết quản khôi hài ra. Người như bác, có khóc thật người ta cũng nghĩ là khóc giả để cù. Phải thế không ạ?" Lúc này ông mới cười bảo: "Cái nhà cô này nói chí lý lắm. Cứ như là đi chân trần vào bụng người ta ấy. Tôi nói thật đấy mà. Vừa nãy, cô nhìn tôi bằng con mắt giải phẫu. Này nhé, các cô để ý mà xem, người kể chuyện cười mà chưa nói đã cười thì kể xong chuyện thành nhạt toẹt. Phải không nào? Còn như." Đại loại những câu đối thoại như vậy đã làm cho ba người phụ nữ và cả đám nhân viên lễ tân lẫn những người khách vào sau cùng cười. Khi ông bút được ra thì mọi người trong đoàn đã lên phòng riêng của họ từ bao giờ.

Rửa qua loa, ông ngã lưng trên sa-lông lơ đãng nhìn màn hình ti vi, không có điều cày, ông châm một điếu thuốc lá cắm lên môi. Nhặt thếch. Ông đã trở thành người nổi tiếng, thậm chí rất nổi tiếng. Có gì đó vừa danh giá, lại vừa phiền toái và mĩa mai. Những lúc trên sân khấu, trước đám đông, được mọi người tung hô, ông cảm thấy tự hào, song những phút giây như thế qua nhanh lắm. Sự nổi tiếng cũng không đưa đến cho ông tiền bạc để thành giàu có. Trái lại, sự phiền toái, rắc rối thì vô thiên lủng. Ông đã chẳng vừa trải qua một sự phiền toái bi hài là gì.

Số là, ông mới phải nhận một người em song sinh bất đắc dĩ. Ông nhận được một bức thư, trong thư nói rằng, ông là người anh song sinh với một người tên X hiện đang sống ở Y., chủ nhân của bức thư, và người đó hẹn sẽ đến tìm gặp ông để nhận anh em. Ông cười, cho là chuyện khôi hài của một tay hâm mộ nào đấy, như bao chuyện mà ông đã từng phịa ra để cù khán giả.

Đùng một cái, ngay sau đó ít hôm, ông có khách tìm đến nhà. Mở cửa ra, ông sững người vì ngỡ mình đang đứng trước gương. Một khuôn mặt, một vóc người tầm thước y hệt ông. Ông tròn mắt, há miệng không thành lời. "Ôi, đúng rồi!. Bác không nhận ra em sao? Em là em ruột bác đây mà", người đó reo lên. "Ông là. là." Người đàn ông buông chiếc lồng gà và chiếc túi bao tải nặng trĩu trên tay xuống: "Người ta bảo người nổi tiếng đăng trí, hay quên, quả nhiên. Hôm nọ, em đã gửi thư cho bác đấy thôi!" "Thì ra. ông chính là người anh em song sinh với tôi đấy ư?" - trước tình thế nực cười như vậy, ông không còn cách nào khác lựa chọn. Sau khi mời người em song sinh bắt đắ dĩ vào nhà, vừa pha trà ông vừa quan sát ông ta lôi từ trong túi ba gang ra hàm bà lằn từ những thứ cao cấp của nhà nông như gạo nếp, đậu đen, lạc đến khoai sọ, khoai lang. Giờ chiếc lồng gà lên cao, ông ta khoái trá: "Bây giờ gà trông thiện với mái ghe là xưa rồi. Mừng anh em mình đoàn tụ là cứ phải gà trông tơ với rượu cuộc lủi, bác nhĩ?" Rồi ông phải nghe đủ chuyện từ miệng ông ta, nào quê quán ở đâu, nhà mình ngày xưa thế nào, cha mẹ ra sao, có mấy anh chị, chuyện năm đói Ất Dậu cả nhà phiêu bạt tứ xứ và kể từ đây gia quyến, anh em thất tán. Càng nghe ông càng u u minh minh. Ngay từ đầu, ông là người biết rõ nhất mình là ai, và chẳng máu mủ ruột rà gì với con người giống mình y hệt đang thao thao bất tuyệt kia, song càng nghe những chuyện bịa như thật ấy, ông đâm nghi ngờ mình, rồi tự hỏi xem liệu mình có còn là mình nữa không hay đúng mình là người anh song sinh với ông ta? Chưa hết, hôm ấy ông đành gượng cười, chén chú chén anh với ông ta, và khi ra về, ông ta không quên hẹn sẽ còn quay lại để đưa ông về quê nhận họ nhận hàng. Và rồi điều ấy đã xảy ra. Đâm lao thì phải theo lao, ông nổi máu hài hước, phiêu lưu, chặc lưỡi nghĩ: "Ừ thì đi, sợ cóc gì. Chuyện được mất ở đời biết đâu mà lường. Chí ít là cũng được tình nghĩa giữa con người với nhau, nhất là lúc người ta đang coi chuyện tình

nghĩa như một xa xỉ phẩm". Hôm đưa ông về quê, dọc đường, ông ta chốc chốc lại dặn: "Bác nhớ, về quê thế nào cũng có người nói ra nói vào, chuyện này chuyện nọ. Xin bác để ngoài tai, coi như là điếc ấy mà. Bác nhá! Cái chính là tình nghĩa chân thành giữa hai anh em mình, phải thế không ạ?" Ông phải gạt đi: "Chú yên tâm. Tôi biết phải cư xử thế nào cho phải đạo". Ông không ngờ ở quê họ lại long trọng đến vậy. Có dựng rạp, có trầu thuốc, có cỗ bàn gọi là để mời bà con hàng xóm đến chứng kiến. Ôi thôi, cười nói hoan hỉ và khóc lóc đều có. Tan cuộc, ông bã hết cả người, chẳng biết nên cười hay nên mếu. Trên đường trở về thành phố, ông có cảm giác băng lãnh, có lẽ bởi từ nay trở đi ông đã là một con người khác trước. Ông nào ngờ, trong đám đông dân làng hôm ấy, có một vị là phóng viên của một tờ báo nọ về thăm quê và rồi chuyện của ông, ảnh ông trong vòng tay người thân được đăng rành rành trên mặt báo. Anh chị em thật của ông ở thành phố biết chuyện, tức quá, họ kéo đến nhà ông mắng cho ông một trận và còn đe dọa đơn kiện nhà nọ nhận vơ. Ông phải gạt đi, hết phân giải rồi năn nỉ mãi họ mới chịu thôi. Quả là, trong cuộc đời hành nghề biểu diễn và đóng phim của mình, ông đã bịa ra hàng ngàn câu chuyện hài song trí tưởng tượng có phong phú đến mấy ông cũng không tài nào nghĩ ra nổi một câu chuyện như vậy.

Ông đi lại quanh quẩn trong phòng khách sạn. Vừa thêm thuốc Lào vừa bực mình sáng nay vội đi, ông quên không mang theo điều cày. Rõ bực mình, đêm qua ông bầu sô gọi điện bảo ông thu xếp đi vài ba ngày và hẹn ông đến địa điểm nọ đón xe. Hỏi đi đâu thì bảo cứ lên xe rồi sẽ biết. Chỗ thân quen ông không nỡ từ chối. Sáng nay ông dậy muộn, cuống cuống nhảy xe ôm đến chỗ hẹn trễ dăm phút, ngồi quán nước hút thuốc Lào vật chờ mãi chẳng thấy ai. Tức mình định bỏ về thì mobiphone réo. Thì ra cậu thanh niên được giao đón ông đã nhầm ông với một vị khách khác cùng được mời đi. Lúc

ngồi trên xe, cậu thanh niên mới phân bua: "Thảo nào. Lúc nhâm, cháu lại đã ngờ ngợ, nghĩ là ở ngoài đời sao bác lại trẻ và khác với trên phim ảnh thế. Song lúc ấy cháu lại cứ ngại ngại, không dám hỏi". Thế đấy. Và chuyến đi này, cho đến khi xe đổ bộ mọi người xuống đây, ông mới biết nơi mình phải đến là đâu, còn như phải làm gì nữa thì chịu. Ông quyết định mò ra quán cóc ngoài khách sạn kiếm thuốc Lào để xua đi những ý nghĩ vơ vẩn.

Sáng hôm nay, đi biển. Đầu mùa tắm, bãi biển vắng khách, song hàng quán, dân bán rong và trẻ con nhặt vỏ lon thì nhan nhản. Ông bị mọi người phát hiện ra ngay. Cánh thợ ảnh, đám đàn bà hàng rong và trẻ con bu lấy ông, trầm trồ, réo tên, sờ vào người ông. Cậu thanh niên trong đoàn can thiệp, đùa: "Này, xin mọi người tránh ra, nghệ sĩ nổi tiếng vậy nhưng toàn thân ghê lở hắc Lào đấy, ông ấy ngượng không dám thay quần áo tắm chỗ đông người". Cả đám cười ồ nhưng đám đông bu quanh thì ngày một dày thêm. Phải đến gần nửa giờ sau, ông mới thoát được đám đông và cánh thợ ảnh xúm quanh đòi chụp ảnh kỷ niệm, để xuống tắm.

Buổi trưa, sau bữa ăn có men, ngả lưng mơ màng ngủ thì có tiếng đập cửa. Ông choàng dậy ra mở cửa, thì ra cánh thợ ảnh. Và thế là suốt trưa đến tận chiều, ông bị cánh thợ ảnh quấy nhiễu. Họ mang những bức ảnh chụp chung với ông đến trả. Có một vài người trong số họ tử tế đưa ảnh mà chỉ yêu cầu ông ghi lời đề tặng và ký tên lưu niệm, còn lại đều đòi tiền. Ông không muốn đôi co nên nhắm mắt cho qua chuyện, trả hết hàng trăm ngàn tiền ảnh. Lật những bức ảnh, nhìn cái thân hình còm cõi của mình trong chiếc quần cộc lá tọa, ông bật cười, vợ ảnh vun thành một đống. Rõ hài hước chưa! Vừa lúc ấy thì ông bầu hé cửa lộ đầu vào: "Tối nay quan bác diễn cho em một tiểu phẩm hài chừng mười phút nhá". Ông cúi sừng nhăn nhó: "Bố ai mà

cười được! Này ông nội, ông nội giết con rồi đấy! Giờ ông nội mới nói thì làm sao con nghĩ ra kịp?" Ông bầu nhăn nhó: "Đấy, tôi có cần ông cười đâu. Tôi chỉ cần ông nhăn nhó cho người ta cười kia mà. Thôi, cứ thế nhé!". Cửa lại sập.

Buổi chiều, ra xe về thị xã để tối biểu diễn, ông là người lên xe sau cùng. Khi định sập cửa thì một nhân viên bảo vệ khách sạn chạy vội lại, giữ cửa, thò đầu vào bảo: "Xin các bác nán lại một chút. Bà giám đốc khách sạn cháu có đôi lời muốn được thưa cùng nghệ sĩ Công Hải". Giám đốc là một phụ nữ trung tuổi, khá đẹp, ăn vận đúng mốt và khá sang trọng, ra dáng mệnh phụ phu nhân. Chẳng có gì đặc biệt cả. Chỉ là chuyện khi còn trẻ bà giám đốc đã từng hân hạnh được biết ông khi ấy trai trẻ đương sức trong một lần vào đây công tác. Nay gặp lại, ông đã quá nổi tiếng, bà ta muốn bày tỏ sự hâm mộ và thịnh tình tặng riêng ông cùng cả đoàn chút quà quê hương. Nghe vậy, ông không ngạc nhiên, cố lục trí nhớ song cũng không tài nào nhớ nổi người đàn bà xinh đẹp đang ngồi trước mặt mình kia ngày trước là ai. Dăm ba gương mặt con gái lướt về trong tiềm thức cùng đôi chút kỷ niệm của ông với họ nhưng chắc chắn không phải con người này. Ông định pha trò theo thói quen nghề nghiệp lấp liếm cho qua chuyện, song tự dưng nín bặt. Có lẽ ông nhận thấy sự xúc động pha chút trang nghiêm từ dáng vẻ của bà ta. Khi trở lại xe, ông trao quà và thành thật kể lại cho mọi người, thì cả đoàn đều hòa nhau kêu không tin, cười đùa âm ỉ rồi tán nhăng tán cuội đủ thứ chuyện bắt nguồn từ cái gọi là "sự giàu trí tưởng bở" của họ. Quái lạ, con người ta vốn ít lòng tin vào sự thật, có lẽ bởi sự thật thường là giản đơn. Chẳng trách người xưa mượn việc mắng yêu trẻ con để nói chuyện đời rằng "Mẹ đẻ bé thì khóc ngằn ngặt, còn mẹ ranh bé lại cười khanh khách". Chợt đầu ông lóe lên. Phải rồi, tối nay ông sẽ phịa ra một câu chuyện lấy cảm hứng từ cuộc gặp gỡ tình

cờ nhặt nhẻo này để kể cho mọi người nghe. Hãy cứ đợi đấy!

Tiết mục của ông ở vào giữa chương trình, khi khán giả có dấu hiệu chán bắt đầu lục tục bỏ về. Các vị tổ chức quả có lý khi xếp tiết mục của ông vào thời điểm đó, nó góp phần níu giữ những người kiên nhẫn còn ở lại đến lúc ấy, không những thế, nó còn lôi ngược trở lại nhiều người khác. Mười phút của ông trên sân khấu, khi thì làm cho khán giả nín thở vì hồi hộp, lúc lại bùng nổ bởi trận cười bột phát đầy bất ngờ. Cái tài của người kể là biết đặt điểm nhấn không phải ở những tình tiết lắt léo, lâm ly, mà ở những đoạn không ngờ nhất. Nhân vật chính là tôi - người kể chuyện, cũng là cái thằng ông lúc trẻ trai với một cô gái xinh xắn, dễ thương và cũng hết sức bạo liệt; một tình yêu sét đánh giữa hai người với nhau trong bối cảnh của khói lửa chiến tranh. Một mô típ, một cốt chuyện bình thường mà bao nhà văn đông tây kim cổ đã từng khai thác. Với tài biểu diễn, khắc họa, ông đã thổi hồn vào câu chuyện, khiến khán giả có cảm giác thật mà hài, rất hài song lại tin được. Ông phải ba lần cúi chào mới bước được vào sau cánh gà trong tiếng vỗ tay tán thưởng không ngớt. Trời cuối xuân se lạnh mà ông râm rập mồ hôi. Ông đã thực sự nhập hồn vào nhân vật của mình, trạng thái mà ông ít đạt được trong cuộc đời biểu diễn của mình. Ông lặng lẽ bách bộ trở về khách sạn, có ghé vào quán cóc ven đường uống chén trà nóng và rít vài điếu thuốc lào. Thật may, lần này, bà chủ quán không nhận ra ông, hoặc giả có nhận ra song cũng không phải là người hâm mộ nên ông không bị hỏi han, phiền hà gì. Bấm chốt trong cửa phòng ốc, theo thói quen ông nhấn nút ti vi chẳng phải để xem gì ở đó, ngã lưng thư giãn. Tự nhiên những tình tiết trong câu chuyện ông vừa kể lại hiện về. Ông cười thành tiếng khe khẽ rồi thiếp đi lúc nào không biết. Choàng tỉnh, ông lắng nghe, hình như có ai đó gõ cửa rất nhẹ. Ông cất tiếng hỏi và ra mở cửa, ánh sáng ngoài hành lang đủ

để ông nhận biết người gõ cửa phòng mình. Một cô gái, cỡ chừng hai tư, hai năm gì đó, và ông đồ là nhân viên khách sạn: "Tôi tưởng sáng mai mới dọn phòng? Nhưng tiện có chị, làm ơn thay cho phích nước sôi thì tốt quá". Cô gái rụt rè: "Dạ, không ạ. Cháu không phải là nhân viên khách sạn. Cháu là." Ông chợt nghĩ là mình ngớ ngẩn, hay cô gái này là. có lẽ không giống với kiểu người đó, mà thôi phải rồi, ông chẳng từng nghe cánh trẻ kháo nhau là bây giờ có nhiều cô gái con nhà lành, sinh viên hảnh hoi nhưng nhà nghèo ở nông thôn không có tiền ăn diện nên đi làm cái nghề. Nghĩ vậy ông bèn quây quảy: "Tôi biết rồi, cô đi đi, tôi không có nhu cầu". Cô gái nhìn ông ngơ ngác: "Ồ kìa... bác sao thế? Bác nghĩ cháu là..." Cô gái khóc tức tưởi. Ông cười khẩy: "Lại diễn rồi, cô bé!" Quay người, định sập cửa, ông liền bị cô gái túm áo. Cô gái nói trong nước mắt: "Bác. bác đứng lại đã. Bác có biết. bác chính là cha cháu". Ông ngỡ mình nghe nhầm, sững sốt hỏi lại. Cô gái gật đầu xác nhận. Ông linh cảm có gì đó nghiêm trọng, bèn hỏi: "Khí không phải, năm nay cô bao nhiêu tuổi?" Cô gái thôi khóc, lấy cùi tay chùi nước mắt: "Cháu. cháu hai mươi tư ạ!" Ông cười bảo: "Này nhá, cứ cho là chuyện tôi vừa kể là thật đi chẳng nữa thì cũng xảy ra hơn ba mươi năm trước. mà năm nay cô mới có hai tư. Cô thấy chưa?" Cô gái tròn mắt, hơi sững người: "Cháu không biết, chuyện của bác chỉ bác biết. Còn cháu, cháu biết chuyện riêng của mẹ cháu. Bây giờ bác bảo thế nào thì nên thế, chứ." Ông ngẫm nghĩ và chợt bật cười thành tiếng: "A a a. hẳn là cô vừa xem tôi biểu diễn tiểu phẩm ban nãy. Cô liền diễn một tiểu phẩm mới để đáp lại. Cô giỏi lắm! Rất có năng khiếu. Nào, để tôi xem. Nếu cô thích, tôi sẽ giới thiệu để cô thi tuyển vào trường sân khấu - điện ảnh. Tôi có cảm giác, cô sẽ là một nghệ sĩ tài danh trong tương lai". Cô gái di di chân, khóc tằm tức khiến ông khó xử.

Hồi lâu, cô gái bảo: "Tại sao bác?. Cháu đã nói rồi. Cháu chính là con gái

bác mà bác vẫn không tin? Hay vì bác. cả đời chuyên đi bịa chuyện gây cười quen rồi, nên không còn biết tin vào bất cứ chuyện gì là có thật!?. Cháu xin được khẳng định lại một lần nữa, bác chính là cha đẻ của cháu!

Có phải cô gái đã nói thế với ông?

Nghệ sĩ Công Hải đứng ngây như trời trồng. Đầu đó sâu thẳm trong ý nghĩ của ông mách bảo: "Không còn là chuyện hài nữa rồi".

Văn học Nga, chiếc nôi vĩ đại và êm ái.

Tôi có thói quen, hễ khi công việc bế tắc, hoặc khi tự thân thấy chán chán, là tôi lượn hiệu sách. Hệt như cánh phụ nữ ở cơ quan tôi, họ lấy lại niềm vui bằng cách lượn siêu thị mua vật vãnh, hay sà vào các shop quần áo thời trang. Và cũng giống như các mặt hàng đầy tính vật chất kia, món ăn tinh thần-sách bây giờ tràn lan, ê hề, có cả loại đại hạ giá, thích cuốn nào thì nhặt mua, mà tiền túi cũng chẳng phải băn khoăn, cân nhắc như thời trước khôn khó. Chớ trêu thay, tuổi trẻ ham đọc, khát kiến thức thì không có sách mà đọc, đến lúc đứng tuổi, có điều kiện mua sách thì lòng không còn ham đọc, vả lại cũng không có thời gian.

Lượn hiệu sách, lần nào cũng vậy, loanh quanh rồi lại mò đến khu vực

bày sách văn học Nga. Hễ cứ sa vào khu vực ấy, tôi cũng bị mê dụ, khó tránh khỏi cảm dỗ, nâng lên đặt xuống mãi rồi cũng mua một vài quyển, cho dù tôi đã từng đọc, từng mua quyển sách đó... Sao lại thế ? Tôi đang đi tìm lại tuổi thơ tôi ?!...

Trong bộ sách Đi tìm thời gian đã mất (Retrouvé le temp) của Marcel Prouts , ở phần Cái tên xứ sở, tác giả đã tự sa vào mê cung của hồi ức, để rồi giăng bày bạn đọc và để họ tự cuốn theo không tài nào cưỡng nổi, quấy tìm mãi mà chẳng thấy đường ra. Văn học Nga cũng luôn làm tôi mất phương hướng. Với tôi, văn học Nga không chỉ là văn thôi, mà còn là tình cảm và ký ức. Chẳng thế mà trong phần tự bạch của mình về văn chương thế giới kim cổ, văn học Nga đã chiếm một tỷ trọng không nhỏ.

Về nhà văn : N. L.Tolstoi (nhà văn xuất sắc nhất), S.A. Exenin (nhà thơ xuất sắc nhất) , A.P. Tsekhov (nhà văn viết truyện ngắn & kịch xuất sắc nhất) , I.S. Turgeniev (nhà văn viết về tình yêu hay nhất) , P.M. Dostoievski (nhà văn viết về cái ác hay nhất) , M. Gorki (nhà văn viết cho thiếu nhi hay nhất), K.G. Pautovsky (nhà văn viết chân dung văn học xuất sắc nhất), I.A. Bunin (nhà văn viết truyện ngắn xuất sắc nhất).

Về tác phẩm văn học : Chiến tranh và hòa bình (N.L Tolstoi)- tiểu thuyết xuất sắc nhất ; Bút ký người đi săn (I.S. Turgeniev)- tác phẩm du ký xuất sắc nhất ; Sông Đông êm đềm (M.K. Solokhov)- tiểu thuyết hoành tráng nhất ; Taras Bulba (N.V. Gogol)- tiểu thuyết bi tráng nhất ; Đất vỡ hoang (M.K. Solokhov)- tiểu thuyết khôi hài nhất; Cánh buồm đỏ thắm (A. Grin)- tác phẩm cho thiếu nhi hay nhất ; Chuyện núi đồi và thảo nguyên (T. Aimatov)- tác phẩm văn xuôi giàu chất thơ nhất ; Evgeni Onegin (A.S.Pushkin)- trường ca hay nhất v.v...

Sơ sơ thế mà văn học Nga đã đầy ắp. Với tôi, giờ đây là sự đầy ắp trong ký ức. Chứ vào cái tuổi tôi đi học thì ...

Ngày ấy, cuối những năm sáu mươi và đầu bảy mươi thế kỷ trước, sách truyện hiếm lắm, còn hơn xa xỉ phẩm. Sách giáo khoa cho học sinh còn truyền nhau mấy thế hệ trong nhà cùng học thì lấy đâu ra sách truyện. Tôi may mắn vì cha tôi vốn là một sách, ông lại giỏi hai ngoại ngữ là Hán ngữ và Pháp ngữ, nên đọc rất nhiều. Từ nhỏ, tôi thường được cha kể cho nghe nhiều chuyện. Chuyện Tàu thì có Thủy Hử, Tam Quốc diễn nghĩa, Tây Du ký, Phong thần diễn nghĩa... còn chuyện Tây thì những Truyện cổ An-đéc-xen, truyện cổ Grim, truyện ngụ ngôn La Phông-ten... Song đầy mới là chuyện kể. Còn những tác phẩm văn học tôi tự đọc lấy thì lại là những tác phẩm văn học Nga-Xô viết. Tôi nhớ, những cuốn sách văn học đầu tiên tôi được đọc là: Thời thơ ấu, Những trường đại học của tôi, Kiếm sống (M. Gorky), Suối thép (A.Xêraphimôvits), Những linh hồn chết (N.V. Gogol), Chiến tranh và hòa bình (L. Tolstoi), Người con gái viên đại úy (A. Pushkin), Người anh hùng của thời đại chúng ta (M. Lermontov), Chuyện chú bé đánh trống (A.P. Gaidar), Cánh buồm đỏ thắm (A. Grin), Con đường đau khổ (A. Tolstoi), Đội cận vệ thanh niên (A. Fadeev); rồi cuốn Trong chiến hào Xtalingrad , Những người chân đất và một số tác phẩm của các nhà văn Xô-viết mà giờ đây tôi không còn nhớ tên tác giả. Tôi còn nhớ rõ là hai cuốn Đội cận vệ thanh niên, Trong chiến hào Xtalingrad được Nhà xuất bản Cầu Vồng (Raduga) hợp tác với ta in, nên sách rất đẹp với giấy trắng và bìa dày cứng.

Còn về thơ, đó là những bài thơ trữ tình của Pushkin, Lermontov, Blok, Nhekraxov ... được các chàng sinh viên chép vào sổ tay. Ấy là vì, vùng quê tôi chỉ cách Hà Nội hơn hai chục cây số đường chim bay, nên những năm chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của Mỹ, có đến mấy trường đại học từ Hà Nội sơ tán về. Sinh viên thì ở nhờ nhà dân, giảng đường thì dựng tạm tranh tre vách đất. Lẽ dĩ nhiên, thư viện của trường cũng

phải chia nhỏ theo chân sinh viên. Đấy chính là nguồn sách đọc của tôi suốt thời nhỏ... Có hai lý do để cái kho sách của mấy trường đại học sơ tán về quê tôi ùn ùn chuyển đến nhà tôi và nhờ thế tôi được đọc. Là vì, bố tôi vốn là kiến trúc sư thời Tây, ông giỏi Hán tự và Pháp ngữ, khá thông thạo đông tây kim cổ, nên các chàng sinh viên từng tiếp xúc rất khoái trò chuyện sách vở với ông. Thứ nữa, quan trọng hơn, tôi có hai người chị gái tuổi mới lớn và hình thức cũng khá, các chàng sinh viên vo ve xung quanh tán tỉnh, rồi các chàng thi nhau mang sách truyện đến cho hai em đọc để mở mang nâng cao kiến thức. Vậy là cái thằng tôi được đọc ké, thực ra là người đọc chính. Phần lớn số sách truyện ấy là văn học Nga-Xô viết.

Tôi đã miệt mài đọc những cuốn sách đó. Mê mẩn, chìm đắm vào thiên nhiên, phong cảnh, xã hội Nga thời phong kiến Sa hoàng, rồi lại sục sôi cùng bầu không khí cách mạng tháng Mười Nga cùng sự khốc liệt bi tráng của chiến tranh thế giới thứ 2, khi nhân dân Liên Xô tiến hành cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại chống lại chủ nghĩa phát-xít. Với một tâm trạng như vậy, tôi đã biết thích mẫu nhân vật có chất anh hùng, kiểu như vị công tước Andray Ponkonsky (Chiến tranh và hòa bình), Olech Cosevoi và những thanh niên kôm-xô-môn (Đội cận vệ thanh niên), chú bé đánh trống v.v...

Lớn lên chút nữa, tôi có dịp mon men đến các tác phẩm khác như Anna Karenina (L. Tolstoi), Taras Bulba (N. V Gogol), Bút ký người đi săn, Cha và con, Mỗi tình đầu, Lũ xuân, Axia (I. Turgenev), Sông Đông êm đềm, Đất vỡ hoang (M. Solokhov) , Người đàn bà có con chó nhỏ cùng vài ba truyện ngắn khác của A. Tsekhov... Và như vậy, tôi đã mong manh biết hương vị của tình yêu đôi lứa toát ra từ những nhân vật, những cuốn sách văn học Nga vốn luôn thấm đẫm tình người. Những tình cảm đó len lỏi trong tôi, ít nhiều dẫn dắt tôi đến với thứ tình cảm tự nhiên đầy hấp dẫn với tuổi mới lớn, tình yêu nam nữ, mỗi tình đầu...

Đến lúc tôi học đại học, cũng là thời điểm Việt Nam đang lên đến đỉnh cao của quang vinh, ấy là kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh chống Mỹ Ngụy. Đây cũng là thời điểm cực thịnh của phe XHCN. Lưu học sinh Việt Nam ào ạt sang Liên Xô học tập, từ học nghề và bậc đại học đến bậc cao hơn là phó tiến sĩ, tiến sĩ đủ các chuyên ngành. Những người từng được đào tạo sớm ở Liên Xô đã về nước làm việc thì vào độ chín. Ấy cũng chính là lúc văn học Nga - Xô-viết được dịch ra tiếng Việt, được các nhà xuất bản ở ta thi nhau in. Tuy in trên giấy xấu, song người đọc có cái mà đọc. Những năm tháng này, qua hệ thống thư viện nhà trường, rồi dè sẻn tiền gia đình cho, tôi đã đọc không biết bao nhiêu tác phẩm văn học Nga - Xô-viết. Trong trí nhớ của tôi ngồn ngàng những tác phẩm như : Xê-vat-trô-pôn (L. Tolstoi), Những đóm lửa (Korolenko), Chuyện sông Đông , Số phận con người (M. Solokhov), Gia đình Golovdirov (), Đêm trước (I. Turgeniev), Paris sụp đổ (I. Erenburg), Tuyển truyện ngắn (A. Tsekhov), Tuyển truyện ngắn (M Gorki), Thép đã tôi thế đấy (Ostrovski), bộ ba tác phẩm chân dung văn học là Bông hồng vàng-Bình minh mưa-Một mình với mùa thu (K. Pautovsky), Cây phong non chum khăn đỏ, Vĩnh biệt Gun-sa -rur , Con chó hoang chạy bên bờ biển, Đoạn đầu dài (T. Aimatov), Truyện một người chân chính, Những người Xô-viết chúng ta (B. Polevoi), Daghestan của tôi (R.Gamzatov), Bến bờ (I. Bondarev), Trên mảnh đất người đời (K.Ivanov) , Và nơi đây bình minh yên tĩnh (Vaxiliev), Bài ca núi Anpơ (V. Bukov)... Rồi đó là hàng loạt những cái tên như : K. Feidin, A. Platonov, B. Zitkov, N. Dumbadze, F. Gladkov, K.Ximonov, V. Sucsín, Raxputin, A. Kron ...v.v... Đạo đó, những tác phẩm bị xem là có vấn đề về chính trị như các tác phẩm của I. Bunin, thơ và tiểu thuyết của B. Pasternak (Bác sĩ Zivago), của A. Soljenitsin; hoặc những tác phẩm được cho là khó hiểu hoặc lạ lẫm kiểu như Trái tim chó, Nghệ nhân và Margrita (M.

Bugakov), hay như Lôlita (Nabokov) không hề được dịch và xuất bản, mà chỉ nghe phong thanh rằng hay ho thế này xuất sắc thế kia chứ nào biết đầu cua tai nheo ra sao.

Văn học Nga - Xô-viết đã chinh phục nhiều thế hệ người Việt Nam, trước tiên là bởi tình cảm với quê hương Cách mạng Tháng Mười, với đất nước của V.I.Lenin, sau nữa là vì chính sự xuất sắc của nền văn học đó. Vào thời ấy, hết thấy những ai yêu văn học, ở độ tuổi học trò rồi sống đời sống sinh viên, hoặc ra mặt trận, đều mang trong lòng tình cảm và hình bóng một vài nhân vật hay tác phẩm văn chương Nga - Xô-viết. Ngày ấy, những tác phẩm thấp lên bầu nhiệt huyết của thanh niên Việt Nam và trở thành cảm nang gối đầu giường là những Thép đã tôi thế đấy, Đội cận vệ thanh niên, Trong chiến hào Stalingrad ; tuổi trẻ học đường chớm yêu đương thì truyền tay nhau Mỗi tình đầu của Turgeniev, Anna Karenina của L. Tolstoi, Bông hồng vàng của Paustovski, là Chuyện núi đồi và thảo nguyên của Aimatov, là thơ Pushkin và Lermontov .v.v...

Tôi nhớ, văn học Nga - Xô-viết đã làm nên những hiện tượng xã hội, những trào lưu nho nhỏ. Ví như, Thép đã tôi thế đấy, đã thôi thúc nhiều nam thanh niên viết đơn tình nguyện ra mặt trận (thậm chí đã có người cắt tay lấy máu mình để viết đơn) ; Bài thơ Đợi anh về của K. Ximonov qua bản dịch của nhà thơ Tố Hữu làm nhiều người xúc động, dăm hy sinh mà không bi lụy ; Cuộc họa thơ tình tay đôi giữa Berxonov - Onga Bergon dậy lên trào lưu tình yêu tinh thần trong giới sinh viên ; Tiểu thuyết luận đề Thao thức của A. Kron đã cho thấy phần nào sự xơ cứng của xã hội và nhà nước Liên Xô với những giá trị ảo, đồng thời sớm cảnh báo về một sự rạn nứt khó bề cứu vãn, đã làm không ít trí thức ta phải suy ngẫm, kiểm chứng ...

Sự thăng hoa của tâm trạng nhiều khi lại bắt nguồn từ sự thăng hoa của âm nhạc và văn học, và nó dẫn đến sự thăng hoa về sáng tạo. Không biết

với những người khác thì thế nào, riêng với tôi , văn học Nga-Xôviết không những dẫn dắt tôi đến lòng yêu cuộc sống và tình yêu đôi lứa, hơn thế còn thấp lên trong tôi sự khát khao của sáng tạo, đưa tôi đến con đường sáng tác văn học. Nếu như văn học sử Trung Quốc đã mê hoặc tôi, kích thích lòng ham hiểu biết, khiến tôi bị lôi kéo để rồi sa đà vào mớ bong bong rối rắm của các sự kiện và buồn vui theo sự thăng trầm của lịch sử, thì văn học Nga - Xô-viết lại khiến lòng tôi rạo rực đam mê, ham sống và mong muốn được sáng tạo, cống hiến. Tôi biết ghi nhật ký, bắt đầu viết những vần thơ, những dòng văn đầu tiên là nhờ thế !...

Bây giờ văn chương đa sắc màu, đa diện... Đông hay Tây, cổ hay kim, thích hoặc không, đều vô nghĩa cả, khi mà internet luôn lách và xuyên phá hết thảy. Việc định giá trị thật - giả , hiện thực - huyền ảo cũng khó lắm thay. Người đọc có quyền, họ tự lựa chọn và biết tìm cách để đọc được những gì họ cần xem, muốn xem. Vậy thì, lựa chọn cái gì là việc của họ, công việc của người cầm bút là viết. Viết ra những gì mà mình tâm đắc, mình muốn bộc lộ, thể hiện...

Với người viết, sống trong một bầu không khí như thế tưởng dễ lắm thay, song kỳ thực lại khó lắm thay.... Và giờ đây, sống trong một thế giới có HIV và ma túy, có bạo lực và khủng bố, có hạt nhân và virus máy tính ... thì ai có thể tránh được đây, và cũng chẳng thể dọn nhà sang một thế giới khác trong sạch hơn để sinh sống ? Chỉ còn cách chấp nhận và sống chung, với sự nỗ lực mang tính cá nhân nhiều hơn ?.... Ấy là lúc âm nhạc và văn chương lên tiếng. Đây là dạng thức, là phương tiện, hơn thế là công cụ, để nâng đỡ và cứu rỗi tinh thần con người ta. Tôi đã từng yêu văn học Nga - Xô-viết với cả tâm tình. Tôi không hề hối tiếc, bởi với tôi, văn học Nga - Xô-viết luôn luôn là chiếc nôi vĩ đại và êm ái, bởi giờ đây, vẫn chính văn học Nga - Xô-viết nâng giắc tâm hồn tôi !...

Tôi viết những dòng này vừa đúng vào dịp người ta kỷ niệm 90 cách mạng tháng Mười Nga thành công. Về mặt tinh thần để hướng đến một xã hội tương lai tốt đẹp hơn, tôi quả quyết rằng, giá trị của cuộc cách mạng ấy vẫn còn nguyên giá trị ban đầu, tươi mới và sôi động như những gì nhà báo người Mỹ là John Reed đã viết trong thiên phóng sự nổi tiếng của mình- Mười ngày rung chuyển thế giới.

Tôi đã hiểu thế nào là đặc sản Nga, bánh mỳ đen với muối và văn học, tôi đã hiểu thế nào là tâm hồn và tính cách Nga.

Mặc dù, chưa một lần đặt chân đến nước Nga mà tôi lòng đã đầy ắp ký ức về thiên nhiên và con người Nga như đã sống những năm dài ở đó, chỉ là qua cuộc thám hiểm kỳ thú vào thế giới văn học Nga - Xô-viết mà thôi !...

Vĩnh biệt những mùa trăng

Buông màn cho con ngủ xong, Lựu bước ra sân. Đêm. Bầu trời đầy mây. Vàng trắng cuối tháng nhợt nhạt. Tiếng chó sủa dầm dể xa xa. Hoa cau rơi nhẹ xuống mặt bể nước, tỏa một mùi thơm ảo não. Những dây tơ hồng quấn quýt lấy đám khúc tận ngoài bờ dậu. Rùng mình vì một cơn gió lạnh, Lựu quay vào đóng chặt cửa lại. Cô có cảm giảm sợ sệt nên khẽ bước lại gần bàn thờ, vịn to ngọn đèn dầu. Châm một nắm nhang và chia ra làm đôi, cô cắm một nửa vào bát nhang lớn chính giữa, nửa còn lại cắm vào một bát nhỏ hơn

để khuất sau chiếc lư đồng. Nhìn chăm chú vào tấm ảnh chồng mặc quân phục, cô lạy ba lạy rồi lầm rầm khấn: “Anh Quân ơi! Ở nơi chín suối, mong anh phù hộ và tha thứ cho em. Em đã chờ đợi anh trọn tình. Trả nghĩa anh, em nuôi nấng thằng Hạ, giọt máu duy nhất của anh để lại thành khôn lớn. Hứa anh không hài lòng khi em chia sẻ tình yêu thương với anh Kiên! Nhưng bây giờ thì tất cả đều mất rồi, chỉ còn lại mình em trên cõi đời này để gánh chịu nỗi đắng cay”.

Rồi cô lại lạy và khấn Kiên: “Anh Kiên ơi! Thế là anh đi đã ba năm rồi đấy. Thương anh, em cũng không dám khóc, phải nuốt nước mắt vào trong ngực. Hôm nay bên nhà anh bốc mộ cho anh, em cũng chẳng dám đến ngó nắm xương anh. Thắp cho anh một nén hương cũng phải giấu giếm. Em hiểu là anh chết oan. Anh ơi, nhiều khi em muốn kêu cho thấu trời nỗi oan khuất này nhưng nào ai tin em, tin một đứa điên khùng ”.

Lời khấn vỡ ra thành nước mắt. Không gian yên tĩnh của căn nhà đầy tiếng nước nở, rồi lịm dần...

Có tiếng sột soạt trên mái nhà. Một con mèo đen to tướng với đôi mắt xanh lè, nhảy chập chờn và cất tiếng kêu ghê rợn. Thằng Hạ đang ngủ giật mình choàng dậy. Nó ngơ ngác ú ớ rồi lại đổ kên xuống giường ngủ tiếp. Lượ vạch màn chui vào giường đắp tấm chăn mỏng cho con rồi nằm ghé xuống bên cạnh. Tuy ngủ nhưng hình như thằng Hạ cảm thấy hơi ấm của mẹ nên nó quay người sát vào bên mẹ. Tuy mới gần độ trưởng thành nhưng bàn tay thằng bé sớm gân guốc và đầy những vết chai. Lượ vỗ về con nhưng cũng là để tự trấn tĩnh mình. Cô mở to mắt nhìn xuyên lên mái nhà nghe ngóng. Đột nhiên Lượ bật lên tiếng kêu xé lòng: “Có phải anh đó không, anh Kiên?”. Tiếng mèo kêu xa dần. Lượ hỏi tiếp “Anh về anh quờ em rồi anh lại đi hả anh? Sao em hỏi anh chẳng trả lời?”

Ngọn đèn dầu leo loét. Mấy gian nhà sực nức mùi hương trầm. Lượ

dịch sát vào người con choàng tay ôm diết cu Hạ vào lòng cho đỡ sợ. Cô ngu thiếp đi trong mệt mỏi và sợ hãi. Văng vẳng bên tai cô tiếng người thì thầm như từ đâu đó xa xôi âm âm vọng về.

Em còn nhớ không em? Hôm anh ấy trở về làng sau bảy năm cầm súng đi biên biệt. Anh khoác chiếc ba lô buộc tòng teng buộc một con búp bê to tướng bọc cẩn thận trong túi ni-lon. Trên vai còn vác thêm một chiếc khung xe đạp. Hẳn lúc ấy trông anh buồn cười lắm. Là nói bây giờ nhìn thấy cảnh ấy, chứ lúc đó anh lại cảm thấy vẻ vang bao nhiêu. Anh bước đi bồi hồi trên con đường liên thôn trông phi lao rợp mát hai bên là những thửa ruộng lúa đang con gái xanh dịu mắt. Một không khí hòa bình và no đủ. Người làng đầu tiên anh gặp là em. Em đang vợ cõ lúa. Thằng cu Hạ còn bé tí, đứng trên bờ khóc mũi khóc dãi. Anh sung sướng gọi to tên em. Em ngẩng lên nhìn anh chăm chăm, ánh mắt chuyển từ ngạc nhiên đến vui sướng rồi ầng ậc nước. Em kêu lên sau những giây phút lặng người: “Ô bà con ơi! Anh Kiên về này! Anh Kiên còn sống!” Nhưng quanh quẩn chẳng có ai ngoài mẹ con em. Anh quăng ba lô và khung xe xuống vệ cỏ, nhặt lên chiếc gàu giai, bảo em: “Nào thím Lựu, tôi với thím tát nước. Chẳng biết có còn nhớ tát nước nữa không đây, bao năm chỉ quen với súng đạn”. Vừa tát anh vừa trò chuyện với em và bông đùa với cu Hạ. Đến khi biết tin Quân, chồng em đã hy sinh, anh mới cảm thấy là mình vô duyên, hơn thế nữa anh coi việc mình còn sống trở về là có tội với những người đã khuất. Em lại sụt sịt khóc, anh thì ngậm ngùi. Có ai ngờ đây đó là buổi đầu tiên cho mối tình ngang trái của hai ta.

Tối hôm ấy, bà con xóm mạc kéo đến chơi, hỏi thăm người nhà hỏi chuyện giải phóng miền Nam. Anh có ý ngóng chờ nhưng không thấy em đến. Mãi khuya, khi tiễn người khách cuối cùng ra cổng, anh mới thấy em tất tả đến. Hai người đứng ngoài cổng nói chuyện, khi anh gắng hỏi mãi thì

em thác là bận việc. Rồi như ân hận vì mình đã nói dối, em bảo là em không muốn đến bởi vào những dịp như thế này, mọi người dễ nhắc đến chồng em.

Điều đó làm em tủi thêm và không khí buổi họp mặt cũng mất vui. Nghe vậy, anh bạo dạn nắm tay em mời em vào nhà song em thoái thác là khuya. Nhìn dáng em quay đi lúi thủi nhòe vào đêm tối mà lòng anh se lại.

Vâng. Em cũng còn nhớ tất cả.

Lần thứ hai anh về làng là ở hẳn nhà, đó là sau khi chiến dịch biên giới Tây Nam. Lần này, người đáng an ủi là anh. Vợ anh mất sau lần sinh nở thứ hai. Thế là anh và em cũng cảnh ngộ, kẻ mất chồng, người chết vợ. Em cũng chẳng dám đến gặp anh, bởi một lẽ em linh cảm rằng giữa anh và em sẽ xảy ra một điều gì đó.

Anh được địa phương bầu làm phó chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp. Anh phấn khởi lao vào công việc, song riêng em lại rất lo cho anh, bởi lúc ấy, đời sống bà con nông dân mình khổ quá, còn một số cán bộ xã thì lợi dụng hoàn cảnh để “đục nước béo cò”. Em biết anh có ý định áp dụng một số biện pháp quản lý mới vào sản xuất nông nghiệp của địa phương. Chính vì lẽ đó mà em càng thêm lo. Một mình anh liệu có thể xoay chuyển được tình hình khi mà hầu hết đội ngũ cán bộ xã quá thủ cựu, non kém về năng lực, sa sút về phẩm chất đạo đức, nhưng lại đầy tham vọng về quyền lực. Và anh sẽ thất bại trong cuộc đấu tranh không cân sức đó. Song em lại không nỡ ngăn cản anh, cũng bởi nhiều lý do, em hy vọng rằng dự đoán của mình sẽ sai, em tin yêu anh và em biết có can ngăn thì anh cũng chẳng nghe. Thế rồi em lặng theo dõi anh lao vào cuộc đấu với nỗi lo canh cánh và linh cảm nặng nề là một lần nữa mất đi người thân yêu nhất....

Dù thế nào anh cũng phải cảm ơn em về tất cả những gì em dành cho anh trong quãng thời gian được sống gần em. Thật bất hạnh, chúng ta lại bị ghép vào một quan hệ họ hàng, anh và chồng em là con chú con bác ruột, và

như thế việc hai ta yêu nhau là trái với đạo lý tộc mạc, dù chúng ta chẳng hề có quan hệ huyết thống. Anh biết điều đó nên cố tình lảng tránh, bố anh cũng nhận thấy điều đó nên có ý răn đe trước, nhưng làm sao ngăn nổi khi anh và em có chung nhịp đập trái tim, cùng chịu cảnh cô đơn cay đắng và đầy khát khao hạnh phúc đôi lứa!

Hai con người như vậy gặp nhau thì có gì lại không hòa nhập vào nhau để sưởi ấm lòng nhau. Mọi người đều chống lại chúng ta, duy có hai đứa trẻ là cu Hạ, con em và bé Quyên, con anh là đồng tình, vui sướng. Cu Hạ quý bác Kiên, bé Quyên quyến luyến thím Lựu, hai đứa thân nhau và chúng mình yêu nhau, những con người như thế hòa quyện vào nhau thì hiếm có gia đình nào hạnh phúc hơn. Song trước mặt mọi người, hai ta vẫn phải vờ như những người họ hàng. Thật chẳng có gì khổ tâm hơn. Nhưng làm sao có thể cầm lòng được.

Hôm ấy là một buổi tối mùa hè. Cu Hạ được nhà trường cho đi dự trại hè học sinh giỏi. Minh em đi tát nước. Em phải đóng một chiếc cộc xuống đất rồi buộc một bên dây gàu vào đó mà tát. Ngẫm đến câu “ăn một mình đau tức, làm một mình cực thân” em thấy tủi thân và ứa nước mắt. Vừa lúc đó, anh xuất hiện như cơn mưa rào đầu hạ. Anh kêu lên: “Ôi, cô Lựu tát nước một mình sao?”. Em mừng mừng tủi tủi nước mắt thêm chan hòa. Anh gỡ dây gàu tát giùm em. Em mừng vì được ở bên anh, song thâm tâm lại sợ nhờ ai nhìn thấy thì phiền, nên cứ vừa tát vừa nhón nhác nhìn quanh quất. Anh vẫn giữ vẻ điềm tĩnh, nhưng em biết, anh cũng hồi hộp không kém. Cả hai đều im lặng như thể đếm từng gàu nước với tâm trạng rối bời. Gàu liên tục vấp vào bờ đất làm nước bắn tung tóe trong ánh trăng. Lúc tát xong, em đi đắp ngòi, run quá xẩy chân ngã xuống sông. Anh hốt hoảng nhảy ào xuống kéo em lên. Cả hai cùng ướt đẫm. Sự va chạm thân thể như giọt nước cuối cùng làm tràn cốc nước. Em và anh ông ghi lấy nhau, quấn chặt vào

nhau. Rồi từng chiếc quần áo ướt được quăng bừa ra thảm cỏ mặc cho gió thổi se đi. Chỉ còn hai ta mê đắm bên nhau với vàng trắng thượng tuần đang chìm dần xuống chân trời bàng bạc và những tiếng côn trùng nức nở khắp mặt đồng không...

Một thời gian sau, anh lâm vào tình trạng căng thẳng. Anh nắm được những thủ đoạn tham ô của nhóm Khang, Vinh và Hoàn. Bộ ba chủ tịch xã, chủ nhiệm hợp tác xã và kế toán trưởng này liên kết với nhau bằng những sợi dây quyền lợi. Có một lần, anh tỏ thái độ cho Vinh biết. Lúc đầu Vinh bực tức, ngay sau đó lại tìm cách đầu dũa. Bọn họ âm thầm tìm cách vô hiệu hóa anh. Tuy anh có đề phòng nhưng sự xấu xa của con người cũng thật khôn lường, anh không thể nhằm ngờ được bọn họ lại bỏ qua công việc của anh mà nhằm vào mối quan hệ giữa hai ta. Lúc đầu anh không hề hay biết, song khi nhận ra thì đã quá muộn.

Thực ra, anh cũng mơ hồ cảm thấy điều ấy từ lâu. Có con mắt vô hình nào đó soi vào quan hệ của anh và em. Một hôm, sau giờ làm việc buổi chiều tại văn phòng hợp tác xã, anh đến dự đám cưới của một cặp thanh niên. Ở đó, anh cảm thấy khó chịu khi phải chứng kiến cảnh xen kẽ giữa những khúc dân ca trữ tình, những bài hát ca ngợi tình yêu đôi lứa là những bản nhạc hồ lớn, mô phỏng theo kiểu nhạc Rốc cuồng loạn và đám nam nữ thanh niên lao vào nhảy nhót lung tung chẳng theo một điệu nào cả. Anh bỏ về và chợt nhớ ra mình đã quên quyển sổ tay ở bàn làm việc. Bước vào văn phòng, anh chợt sững người khi bắt gặp Vinh và Hoàn đang quần lấy nhau. Anh vội vội quyển sổ và quay ngoắt người đi không kịp xem thái độ của họ ra sao. Chuyện này anh không hề hé răng nói với ai, song với họ, việc đó được xem như là một mối thù để nung nấu thêm sự ghen tức, căm giận dẫn đến hành động trả thù anh một cách đê tiện.

Còn em, em cũng linh cảm thấy chúng ta bị theo dõi. Ấy là hôm anh

đền nhà em lúc nửa đêm. Đang chừng cuộc ái ân nồng nàn, em nghe rõ tiếng người thở ngoài hàng rào rào râm bụi, liền đó là tiếng chó nhà bên hực lên. Vì mê đắm nên anh không cảm thấy, song em, với bản năng của người đàn bà nên dễ dàng cảm nhận thấy có kẻ theo dõi mình. Vì quá yêu anh và muốn chiều anh, em lo anh biết chuyện sẽ sợ hãi không dám đến nhà em nữa, nên emocos tình giấu anh chuyện đó. Đến lúc chúng mình lâm vào cảnh ngộ dẫn đến cái chết của anh, em mới ân hận thì sự đã rồi.

Anh không thể trách em vì điều đó. Chỉ có sự trớ trêu của định mệnh mới có thể xui khiến được anh dẫn em đến tình tự với nhau ở nơi gần kề kho thóc giống của hợp tác xã vào đêm hôm ấy.

Nào đâu chỉ có hai ta với bầu trời và vầng trăng hạnh phúc! Khi tình yêu của chúng mình lên đến tột đỉnh thì cũng là lúc âm mưu trả thù của họ tới mức sôi sục nhất. Khi thấy hai dân quân chĩa súng vào người, thoát đầu anh hoảng sợ thực sự, nhưng phát súng chỉ thiên nổ vang kèm theo tiếng quát “A... bắt được đôi gian phu dâm phụ” thì nỗi sợ hãi chuyển thành cơn giận run người và nổi uất nghẹn không gì tả nổi. Một cuộc đối thoại bắt đầu... Hân em còn nhớ chẳng em?

“- Anh chị làm gì với nhau ở đây?”

“- Chúng tôi đi chơi. Ngắm trăng và nói chuyện”.

“- A... chơi và ngắm trăng? Thơ mộng quá! Cứ làm như dân tỉnh ấy. Thôi đi. Rõ ràng là các người đang ngủ bờ ngủ bụi với nhau, bị bắt quả tang còn tìm cách chối cãi ”.

“- Chúng tôi Yêu nhau”

“- Ôi..... Yêu nhau? Anh yêu cô Lựu?”

“- Phải! Thì đã sao ? ”

“- Đúng thế chứ? Cô yêu anh ta chứ, cô Lựu?”

“- Vâng..... À không..... Tôi không biết!”

“ - Thế là thế nào? Không phải yêu nhau hả? Ừ mà đời nào có chuyện anh chồng đi yêu em dâu... nhỉ ? Nhưng mà các người ra đây làm gì? Họa chỉ có đi ăn trộm. Này, cậu thử tìm quanh quất xem, không khéo kho thóc giống của hợp tác xã bị phá khóa, khoét ngạch cũng nên.”

“ - Xem nào... cái gì đấy? A... hai bao thóc bị vùi vùi xuống bùn này”.

“ - Thế à? Còn ai vào đây nữa! Rõ là quân ăn trộm! Cán bộ đảng viên gì mà lại đi ăn trộm thóc của hợp tác xã ! Dậy đâu, trói chúng nó lại.”

“ - Không phải... Chúng tôi không ăn trộm.... Chúng tôi yêu nhau....”

“ - Không... không... Sao khổ nhục thân tôi thế này.”

“ - Cứ trói lại đã.... A, anh Vinh đến kìa. Anh đi đâu vậy? Xin báo cáo đồng chí chủ nhiệm, chúng tôi bắt được phó chủ nhiệm đất vợ liệt sĩ đi ăn trộm thóc giống của hợp tác xã. Xin chỉ thị của đồng chí.”

“ - Ai thế? Sao lại là cậu... hả Kiên? Làm gì để đến nông nổi này? Các đồng chí, cứ nhốt tạm vào kho đã. Mai dẫn về trụ sở ủy ban nhân dân giải quyết. Còn cô này, cho về nhà. Chúng ta không vi phạm chính sách thương binh liệt sĩ của nhà nước”.

Họ giải anh đi. Còn lại mình em ê chề, tủi nhục và căm giận. Em xỉ vả bản thân mình vì đã chối là không yêu anh để bọn họ lấy cớ mà vu anh ăn trộm. Vàng trắng kia biết cả nhưng câm lặng không thể nói điều gì.

Suốt đêm ấy em không hề chợp mắt. Lo cho anh và lo cho em. Ngong ngóng sợ trời sáng họ sẽ vào bắt em đi. Và như thế điều gì sẽ xảy ra? Em không dám nghĩ nữa. Thật khủng khiếp phải không anh? Gần sáng, em thiếp đi trong sự kinh hãi thì thấy anh về. Anh mờ ảo và nhòe nhạt. Nhìn em chăm chăm, anh bảo: “ Chào em, anh xa em, đi mãi mãi”. Rồi anh khuất dạng... Em không kịp nói gì, giật mình choàng tỉnh, người em bồn chồn không yên...

Mờ sáng, Vinh ra kho thóc. Hắn bảo hai cậu dân quân mở khóa để vào gấp

anh. Vinh bảo:

“ - Đẹp mặt nhi?”

“ - Không có gì là đáng xấu hổ cả. Tình yêu của chúng tôi là hợp đạo lý và pháp luật”.

“ - Ô... không đâu. Tôi nào dám đụng đến tình yêu chân chính của anh chị. Là tôi nói đến việc anh lấy trộm thóc của hợp tác xã kia. Mà nhà anh cũng làm gì đến nổi túng túng bán nhi? Hừ, còn tình yêu chân chính ư? Mọi người sẽ nhìn anh như một kẻ cưỡng hiếp vợ liệt sĩ mà người đó lại là em dâu họ của anh. Không phải ai khác đâu, mà ngay chính bố đẻ anh, gia đình anh cũng nghĩ thế... Trong chuyện này, tôi nghĩ... anh không có đồng minh đâu. Ha, ha ha...”

“- Chuyện của tôi, lúc đầu có thể người ta hiểu lầm như anh vừa nói, song rồi mọi người sẽ hiểu.... Còn anh, anh cũng chẳng tử tế gì đâu... Chuyện anh với cô Hoàn, tôi chưa thêm nói ra, mà cũng chẳng cần nói ra. Điều đó đủ để hiểu tâm địa của anh thôi.”

“ - Xin cứ việc. Chẳng ai tin anh đâu... vì không có chứng cứ nào hết. Và như thế, anh sẽ can thêm tội vu cáo đây, đồng chí Phó chủ nhiệm hợp tác xã ạ !”.

“ - Đồ đều!...”.

Uất hận, anh chồm vào người Vinh, nhưng tay anh bị trói chặt, nên khi Vinh né tránh làm anh mất đà, ngã dúi vào tường. Anh nhô vào mặt hắn. Hắn điên cuồng nắm cổ áo anh lắc mạnh rồi dùng hết sức đẩy anh về phía sau. Anh bật lùi, loạng choạng rồi chợt nhận thấy mình ở trong trạng thái hụt hẫng. Mắt anh hoa lên, tai ù đi, và anh chỉ còn cảm nhận được rằng mình đang rơi, rơi mãi vào khoảng không sẫm đen.....

Với tâm trạng bồn chồn, em thức thỏm chờ trời sáng. Chợt nghe mấy người đi chợ sớm kháo nhau ngoài bờ giậu là đêm qua phó chủ nhiệm Kiên đi ăn

trộm thóc giống của hợp tác xã bị dân quân đi tuần bắt quả tang, nhốt tạm vào kho thóc, nhưng đêm trèo tường trốn, chẳng may trượt chân ngã chết tại chỗ. Hiện xác vẫn để đó, chờ công an huyện về khám nghiệm tử thi.

“Không” – Em chỉ thốt lên có thể rồi hốt hoảng lao ra ngoài đường, cầm đầu chạy về phía kho thóc giống. Lúc ấy, em làm sao mà biết được dân làng nhìn em với con mắt ngạc nhiên như thế nào. Chợt em vấp chân và ngã xấp mặt xuống đồng mả bên đường.... Đau đớn và hoảng loạn, em vùng dậy định chạy tiếp nhưng miệng đầy máu. Hai tay em nắm chặt những chân nhanh nhả từ đồng mả. Từ đây, em chẳng còn hiểu nổi điều gì đã xảy ra với mình...

Cũng như em, lúc ấy anh không ý thức được bản thân mình song anh lại thấy em rất rõ. Hai tay em cứ hua hua những chân nhang lên trời, miệng gọi tên anh, rồi em cười, em khóc. Em đã phát điên, dân làng bảo vậy.

Rồi nữa, nhóm Khang, Vinh, Hoàn xuất hiện, theo sau họ là đám dân quân xã. Dân làng cũng kéo ra rất đông. Họ đuổi theo em, trói em lại, quăng lên xe công nông chở lên bệnh viện huyện, còn em thì giãy giụa, gào thét, chửi bới lung tung. Chiếc xe chở em khuất dần sau làn bụi đỏ.

Công an về khám nghiệm tử thi anh. Khang, Hoàn, Vinh và hai dân quân bắt anh đêm trước lảng vảng bên cạnh nói năng khôn khéo. Rồi họ phán: “Đúng là trèo tường trốn bị trượt chân ngã chết. Gọi gia đình ra chôn cất”. Vinh còn đề theo: “Chết thì chết nhưng cũng phải họp đảng bộ xét kỷ luật khai trừ Đảng”. Hoàn hòa vào “Đảng ta không thể có những kẻ thoái hóa biến chất như thế”. Riêng Khang chỉ thờ dài....

Em dần khỏi bệnh. Cũng không hiểu điều gì đã làm em lành bệnh? Phải chăng vì cu Hạ? Phải chăng vì vong linh của anh? Khát vọng minh oan cho anh? Hay vì tất cả?

Em đã viết không biết bao nhiêu lá đơn và đi không biết bao nhiêu cửa. Em

nói là anh và em yêu nhau, đã ăn nằm với nhau, muốn lấy nhau để bù đắp những mất mát của nhau. Rằng đêm ấy, chúng mình đi chơi trăng chứ không phải là đi ăn trộm thóc giống như họ đã vu khống cho anh. Rằng em đã hèn nhát, chối quần để họ lấy cớ mà vu khống. Thế nhưng, có ai tin em đâu. Nơi nào họ hứa hẹn sẽ xem xét kỹ, nhưng sau lưng em, đều bảo “Tin gì con điên khùng”. Và em chỉ còn biết khóc, tự dần vặt bản thân mình. Nhưng em không chịu đâu. Em chờ đợi...

Anh hiểu tâm trạng em khi đó, tất nhiên em phải xử sự như vậy. Vì thế mà anh đã tha thứ cho em. Có lẽ, anh chết đi còn sung sướng hơn em. Những điều chúng ta nghĩ về nhau, ngày tháng được sống bên nhau và mãi mãi hoài vọng về nhau, không có gì đáng thổ thẹn cả, thậm chí còn rất tốt đẹp nữa, em ạ. Vì chúng mình đã có những phút giây hạnh phúc hơn cả đời người. Anh vẫn tin rồi có ngày mọi chuyện sẽ rõ ràng, minh bạch hơn. Và con người sẽ nghĩ về nhau, đối xử với nhau cũng tốt đẹp hơn. Em ơi, ngày đó sẽ đến!...

Một tiếng sấm vang vọng. Lạ choàng tỉnh. Cô vùng ngồi dậy, ngơ ngác một lúc, cô mới hiểu điều gì đã đến với mình. Lạ đắp chăn lại cho con rồi chui ra khỏi màn.

Có lẽ gần sáng. Sao đã sang thu mà trời vẫn có sấm? Những giọt mưa chuyển mùa đậm đà rơi. Rồi mây trôi nhanh hơn. Chỉ còn có những giọt nước đọng trên lá cây thánh thót. Chân trời dằng dồng ràn rạn.

Lạ rời cửa sổ. Sau phút giây tàn ngẩn ngăm nhìn các bức ảnh trên bàn thờ, cô quả quyết bước lại bàn học của con, lấy giấy bút, tàn ngẩn giây lát, rồi bặm môi viết những lá đơn....

Năm 1991

Nguồn: Tác giả/ VNthuquan - Thư viện Online
Được bạn: Ct.Ly đưa lên
vào ngày: 30 tháng 10 năm 2009